

Số 155

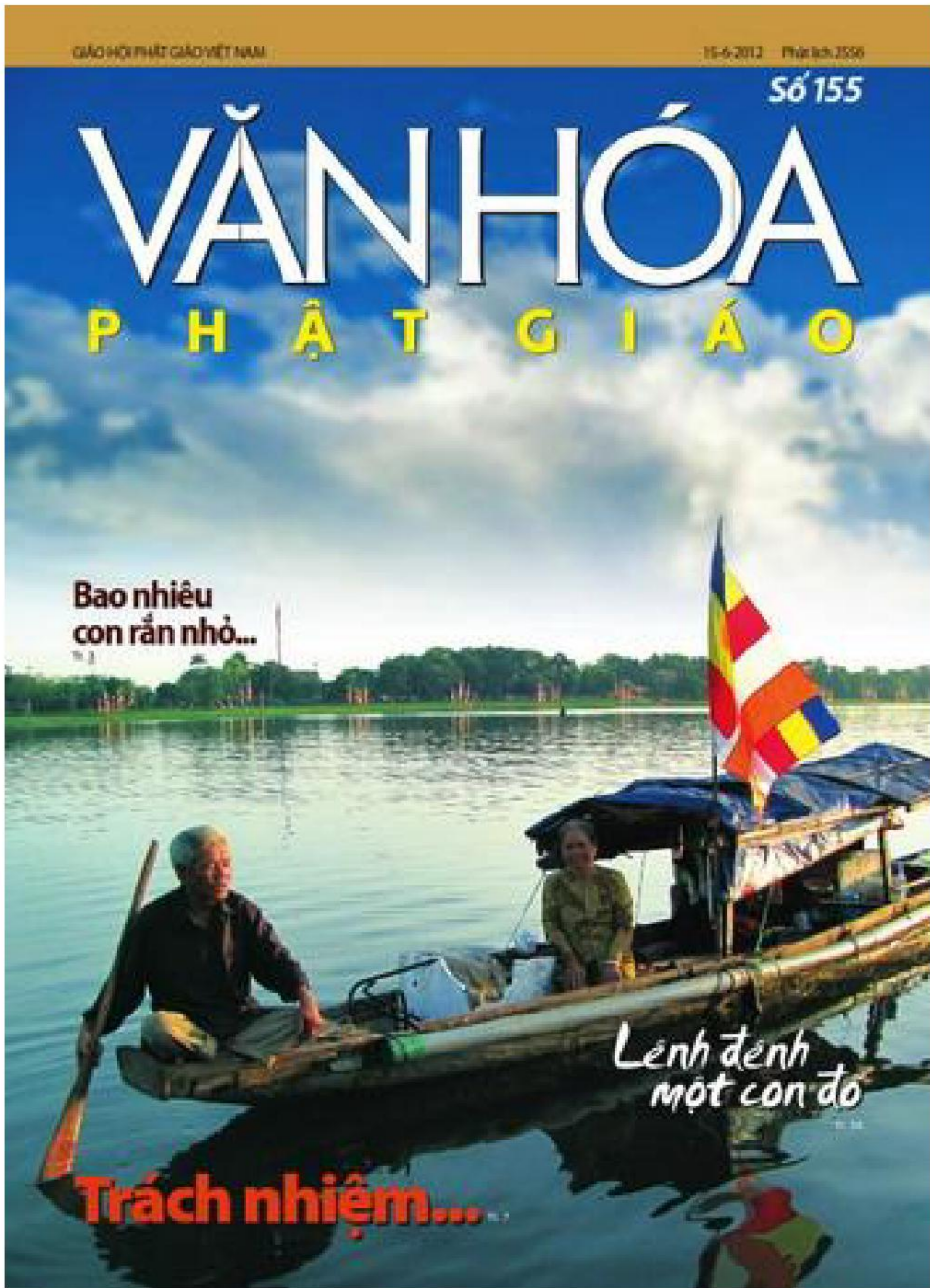
VĂN HÓA

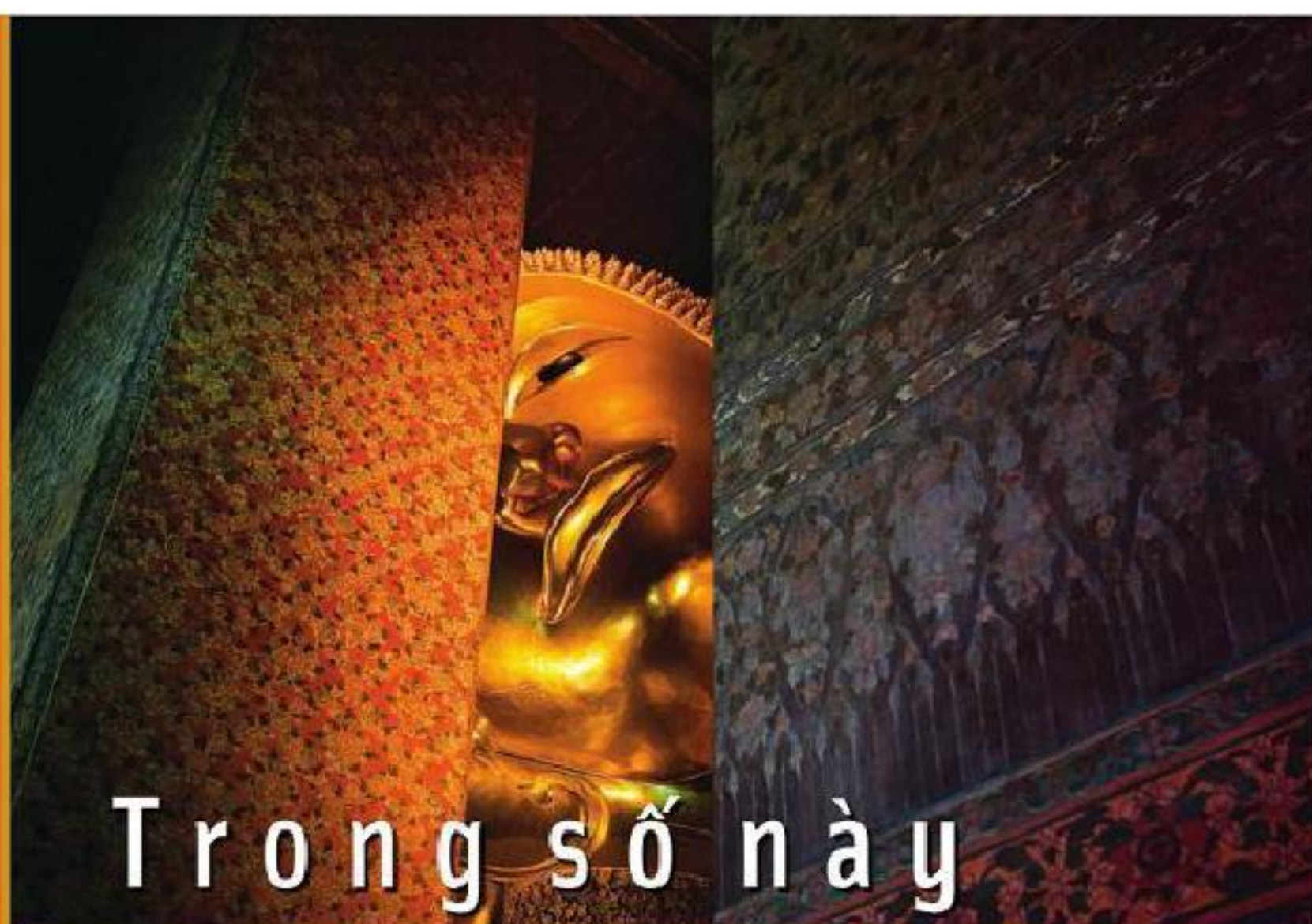
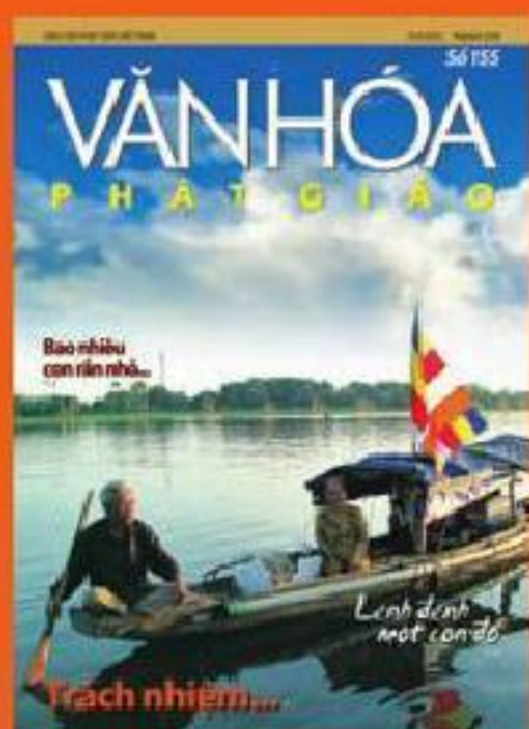
P HẬT G I Á O

Bao nhiêu
con rắn nhỏ...

Lênh đánh
một con rắn

Trách nhiệm...





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIẾN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa

Số tài khoản: 1487000000B

Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT

Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Bao nhiêu con rắn nhỏ... bao nhiêu đốm lửa lập lòe? (Nguyễn Cẩn)	3
Sương mai	6
Trách nhiệm... (Nguyễn Thu An)	7
Bóng dáng (Lê Hải Đăng)	10
Về một đối tượng cần nghiên cứu của văn học Phật giáo (Thích Hạnh Tuệ)	12
Giới thiệu bản Phú pháp của Thiền sư Toàn Đạo Viên Đàm ban cho đệ tử Chương Từ Quảng Thiện (Đồng Dưỡng)	15
Nói cho người biết người thấy (Nguyễn Mai)	18
Kẻ được hưởng (Tấn Nghĩa)	21
Tri ân thiền viện Nguyên Thủy (Nguyễn Phương Trinh)	24
Cầu cúng có được chăng? (Minh Hạnh Đức)	26
Nghe kinh (Phạm Thanh Chương)	28
Thư gửi con (Thủy Hương)	30
Tinh nhân loại... trong chiến tranh (Trần Văn Chánh)	32
Chùa Hoa trong đời sống của người dân Cần Thơ (Trần Phóng Diệu)	35
Âm vọng rừng (Trịnh Chu)	38
Nghệ thuật hát Dù-kê của người Khmer ở Sóc Trăng (Trần Minh Thương)	40
Mùa thi nhớ cha (Đặng Trung Thành)	43
Con trai và con rể (Hoàng Tá Thích)	44
Một nơi sạch sẽ và sáng sủa (Nguyễn Thị Hải)	46
Ngoại nó (Nguyễn Thị Minh Phước)	48
Thắt lưng dài ra, cuộc đời ngắn lại (Nguyễn Hữu Đức)	50
Thơ	52
Bức tường và đứa bé (truyện ngắn của Trần Hạ Tháp)	54
Lênh đênh một con đò (Cao Huy Hóa)	56
Hương cau (Nguyễn Văn Uông)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	61

Bìa 1: Trên sông Hương. Ảnh: Nguyễn Văn Thịnh.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Chúng ta đang trong mùa An cư. Theo truyền thống của Phật giáo, đây là giai đoạn chư Tăng Ni tập trung tại một trú xứ để tu học suốt ba tháng liên tục, thực hành giáo pháp của Đức Phật, để có được sự tăng tiến trong đạo lực, làm chỗ y chỉ xứng đáng cho hàng Phật tử tại gia. Cũng theo truyền thống, thời gian này là lúc mà các Phật tử thực hành hạnh cúng dường và bố thí; đến tại các trú xứ để được thân cận với những vị trưởng tử Phật; có cơ hội tạo phước duyên ngô hầu tích trữ đủ tư lương để có lúc nhìn rõ bản lai diện mục. Văn Hóa Phật Giáo thành tâm ngưỡng cầu Tam bảo gia hộ để chư Tăng Ni cùng toàn thể Phật tử thực sự có được một mùa An cư lợi lạc, củng cố tín tâm, tăng trưởng trí tuệ.

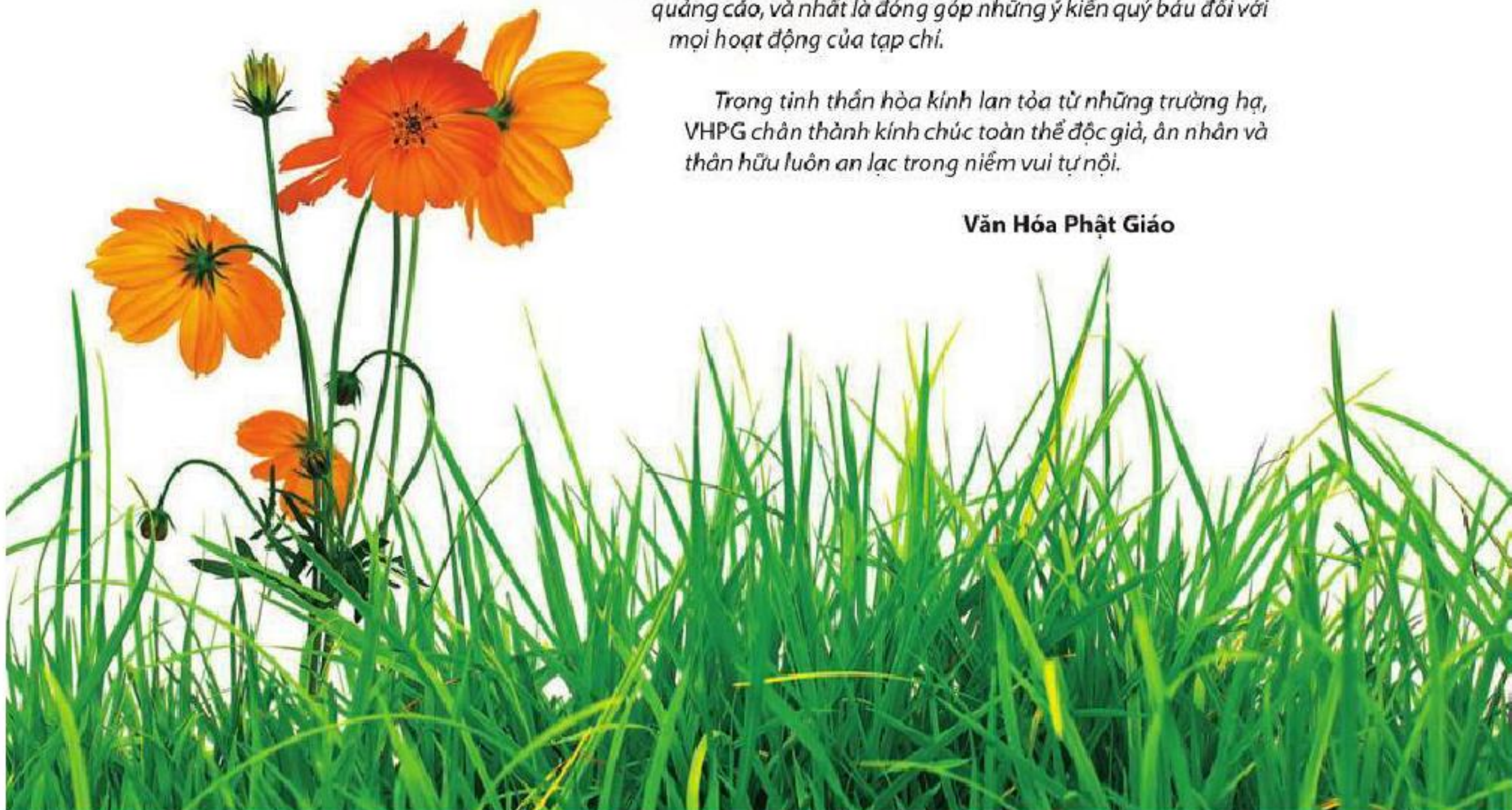
Sau khi đăng tải những bài góp ý về việc tu chỉnh Hiến chương trên hai số báo liên tiếp, tòa soạn VHPG nhận được nhiều điện thư và tiếp nhiều cuộc điện thoại gọi về, ngỏ ý tán đồng nhận định và đề nghị của tác giả các bài viết. Trong số này, ngoài những bài theo các mục thường lệ, chúng tôi nghĩ bài viết "Trách nhiệm..." bàn đến một nội dung lâu nay vẫn được chư Tăng Ni và Phật tử quan tâm nhất.

Như đã trình bày trong số báo trước, do ảnh hưởng của tình trạng kinh tế trì trệ, gần đây VHPG lại gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì sự phát triển của tạp chí. Với nỗ lực góp phần vào việc xây dựng một xã hội hiền hòa, tập thể VHPG hoàn toàn không ngại khó và luôn tìm mọi cách để giữ gìn phẩm chất của tờ báo, vốn đã được độc giả yêu mến từ nhiều năm qua.

Tuy nhiên, hơn lúc nào hết, VHPG rất cần đến sự trợ giúp của toàn thể độc giả, thân hữu và ân nhân trong việc đẩy mạnh công tác phát hành, quảng cáo, và nhất là đóng góp những ý kiến quý báu đối với mọi hoạt động của tạp chí.

Trong tinh thần hòa kính lan tỏa từ những trường hạ, VHPG chân thành kính chúc toàn thể độc giả, ân nhân và thân hữu luôn an lạc trong niềm vui tự nội.

Văn Hóa Phật Giáo



Bao nhiêu con rắn nhỏ... bao nhiêu đốm lửa lập lòe?

NGUYỄN CÁN

Lời Phật dạy con

Trong VHPG số 154, tác giả Thích Thiện Chánh ở bài *Đức Phật dạy con* có nhắc tới lời Phật dạy trong kinh *Tạp A Hàm*, quyển 46, kinh số 1226 *"Này các Tỳ-kheo, có bốn điều mà chúng ta không nên xem thường, một đốm lửa nhỏ, một con rắn nhỏ, một tu sĩ trẻ, và một thái tử nhỏ"*. Vì sao? Vì một đốm lửa nhỏ có thể làm cháy cả một cánh rừng, một con rắn dù nhỏ cũng có thể gây chết người, một tu sĩ trẻ có thể trở thành một bậc chân tu hoằng dương chánh pháp mai sau, và một thái tử nhỏ sẽ là một vị minh quân (hoặc hôn quân) ảnh hưởng đến vận mệnh muôn dân. Người ta không thể xem thường những việc nhỏ, những con người "nhỏ" hôm nay vì xã hội chúng ta đang là nạn nhân của rất nhiều con rắn nhỏ và đốm lửa nhỏ trong cuộc sống hiện tại!

Bao nhiêu con rắn nhỏ...

Chẳng cần đi đâu xa, quanh ta, hàng ngày, vẫn có những con rắn nhỏ mang cùng họ "cò" và "tặc". Người ta nghĩ gì khi đi đâu cũng gặp cò từ cò nhà đất, cò nhà thương đến cò nhà xác? Cò có thể là những kẻ vô công rồi nghề, như cò vé xe, cò chạy giấy tờ..., và cũng có thể là những kẻ có chức quyền nhưng chỉ lo vận dụng để kiếm chác, như cò công trình, cò dự án... Tại sao không thể diệt cò thì chúng ta sẽ phân tích sau. Còn về "tặc", đó chính

là những con rắn đang quấy rối xã hội, gây mất ổn định cuộc sống, làm đảo lộn văn hóa, phá hoại tài nguyên môi trường như "đình tặc", "tôm tặc", "lâm tặc" gần đây là "thiếc tặc", "cầu tặc". Đáng buồn hơn, trong hàng ngũ "tặc" có cả những người giữ trách nhiệm chống "tặc" như trường hợp kiểm lâm tiếp tay lâm tặc ở rất nhiều vụ từ Nam chí Bắc, như trường hợp công an xã cầm đầu băng cướp gỗ sưa tại rừng di sản Phong Nha ở Bố Trạch (Quảng Bình). Nhưng còn những con rắn lớn hơn gây thiệt hại to hơn, trầm trọng hơn. Những con rắn ấy ngổn trong các cơ quan công quyền, chỉ huy đàn em vơ vét tài nguyên, tài sản đất nước. Người ta thấy gì qua những tập đoàn với món nợ 238 nghìn tỷ VNĐ? Chỉ riêng Vinashin và Vinalines cũng để lại hậu quả tàn khốc với hàng trăm nghìn tỷ đồng bốc hơi mà dấu vết còn lại là những con tàu cổ hoen rỉ, mục rữa như chính lương tâm của những người mua nó. Thử đặt câu hỏi "Giả như bản thân anh ta hay gia đình anh ta có tiền nhiều như thế, họ có mua những con tàu "sắt vụn" ấy không?

... bao nhiêu đốm lửa lập lòe

Nền giáo dục bất toàn

Đó chính là những đốm lửa bắt nguồn từ một nền giáo dục không toàn diện, thiếu sáng tạo và sức sống, dù những

người có trách nhiệm luôn rêu rao là hướng tới một nền giáo dục toàn diện, đào tạo những con người vừa “hồng” vừa “chuyên”. Trong bài viết dẫn trên, tác giả Thích Thiện Chánh nhắc lại chuyện Đức Phật dùng phương pháp trực quan, vấn đáp khi Ngài hướng dẫn Rahula quan sát một chậu nước rửa chân; trước hết là chứa lại một ít nước, sau đó đổ đi và lật úp chậu lại, rồi cuối cùng lật ngửa lên cho thấy chiếc chậu trống không để kết luận lần cuối: *“Cũng trống không như vậy là sa-môn hạnh của những người biết mà nói láo, không có tâm quý”*. Tác giả nhận định: “... giáo dục phải bắt đầu là sự khai mở và đánh thức đức tính chân thật trong một đứa bé, khơi dậy sự hiểu biết về lẽ nhân quả trong suy nghĩ và việc làm; nói dối là hèn nhát, xấu xa và dễ tiện; hậu quả là không còn ai tin tưởng mình”. Nền giáo dục của chúng ta không vạch ra được lý nhân quả, lẽ chính trực,

nếp suy nghĩ hướng thiện nên tuổi trẻ dễ sa vào tệ nạn, sử dụng bạo lực như một phương tiện duy nhất chứng minh cái tôi của mình, hay nói đúng hơn tình trạng sinh thái của cánh rừng “người lớn” không còn là nơi mà tuổi trẻ học hỏi và khôn lớn vì có nhiều “rắn” quá! Nhà giáo dục Khang Tuyết Cẩn (Jiang Xueqin) của Đại học Bắc Kinh, sau một chuyến thăm Israel cùng học sinh của mình, đã nhận xét rằng sở dĩ Israel trở thành một nền kinh tế năng

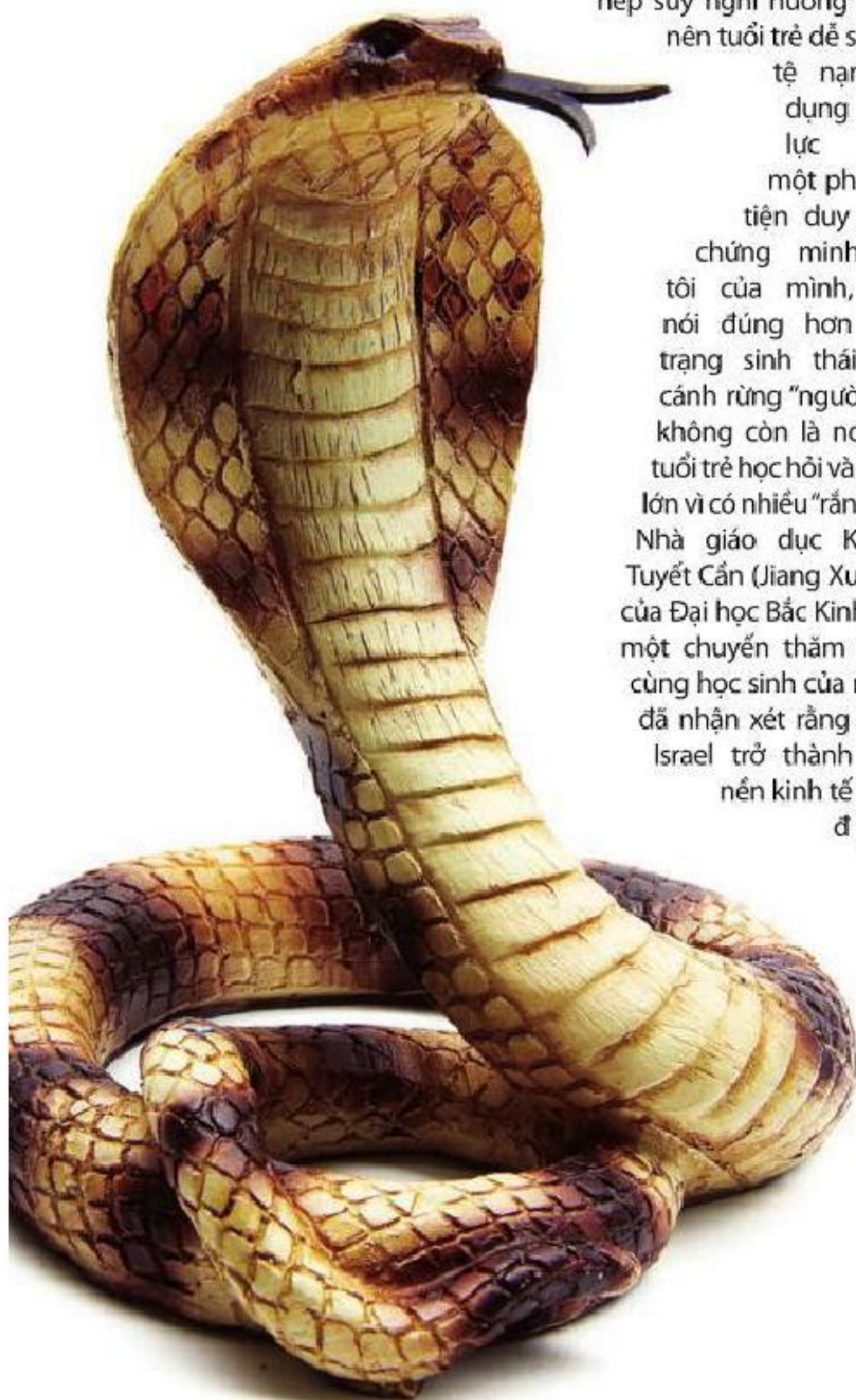
đ ộ n g

nhất thế giới (4.000 công ty mới được thành lập của họ thu hút 1/3 số vốn mạo hiểm (venture capital) của toàn thế giới; số lượng công ty của họ được niêm yết trên sàn giao dịch NASDAQ còn nhiều hơn toàn bộ châu Âu) là vì sinh viên của họ có một tinh thần “bền bỉ ngoan cường, được khuyến khích không ngừng đặt câu hỏi với những người nắm quyền lực, kết hợp với thái độ sẵn sàng đương đầu trước thất bại, với tinh thần làm việc nhóm, với sự dũng cảm dám chấp nhận rủi ro, và với nền học thuật có tính sáng tạo đa ngành. Học sinh sinh viên Israel có những buổi gặp gỡ lãnh đạo thành phố hay quận lý để chất vấn về những việc mà cơ quan công quyền chưa làm hay không làm hoặc sẽ phải làm và họ được khuyến khích nêu câu hỏi. Về cách đặt câu hỏi của học sinh sinh viên Israel, nhà giáo dục Khang Tuyết Cẩn nói, *“Đó không chỉ là bạn giơ tay và mở miệng. Nó đòi hỏi việc cải thiện có tính cấp tiến cách bạn hiểu biết về mình và về thế giới quanh mình. Ở đây, tính nhút nhát được coi là đồng nghĩa với không có khả năng học tập”*. Trong khi đó, chúng ta vẫn tiếp tục thực hiện một nền giáo dục “gà nhồi cơm” theo phương pháp “copy and paste” từ bài văn mẫu ở bậc tiểu học cho đến luận án thạc sĩ, tiến sĩ. Vậy thì có thể hy vọng gì ở những vị “công bộc” khi họ không đủ tầm nhìn, kỹ năng, và cả dũng khí để thực hiện chức trách của mình; ngược lại, họ quá nhạy bén trong những kiểu đối phó với cấp trên, với thanh tra... và những mảnh lối bắt người khác chung chi.

Một cơ chế dung túng và bao che

Nếu hỏi các bậc lãnh đạo cơ quan rằng có biết “cò” đang đẩy bên trong bệnh viện, cơ quan, bức hiếp người dân thì câu trả lời thường là “chưa nghe hoặc không nghe việc này, để kiểm tra lại”. Câu thần chú “để tôi hay (chúng tôi) kiểm tra lại” đang bị nhân dân hoài nghi chỉ là một lời biện hộ rẻ tiền cho sự lỏng lẻo vô tình hay cố ý để bao che cho bọn cò khuấy đục. Trong quy hoạch hay bổ nhiệm cán bộ, có những thực tế khó trả lời, cụ thể như chuyện dư luận đang lao xao về việc bổ nhiệm ông Tổng Giám đốc Vinalines làm Cục trưởng Cục Hàng hải khi đã phát hiện đương sự chịu trách nhiệm về việc thâm lạm mấy trăm tỷ. Việc này được ông Bộ trưởng Giao thông Vận tải khẳng định không sai quy trình, thủ tục khi quyết định bổ nhiệm vì ông cho rằng *“Tập thể Vinalines khi đó mất đoàn kết, cần thay một vị trí chủ chốt. Việc bổ nhiệm ông Dương Chí Dũng làm Cục trưởng Hàng hải nhằm cứu Vinalines, giải quyết mâu thuẫn”*.

Điều chuyển một người gây mất đoàn kết ở một đơn vị vào một vị trí hết sức quan yếu của cơ quan quản lý đơn vị đó mà gọi là để “cứu” chính đơn vị ấy thì có lẽ đây là chuyện chỉ có thể xảy ra ở đất nước ta. Người ta không ngạc nhiên khi nhiều vị Chủ tịch HĐQT các tập đoàn tự cho mình cái ghế sánh ngang Bộ trưởng khiến nguyên Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư Võ Hồng Phúc từng than thở trước Quốc hội rằng: *“Có tập đoàn đóng cửa không tiếp đoàn kiểm tra của Bộ, phớt lờ các yêu cầu”* bởi lẽ quyền hạn của Chủ tịch HĐQT thậm chí còn vượt cả... Quốc hội. Chúng ta cứ đinh ninh rằng kinh tế thị trường định hướng XHCN tất yếu phải



ưu tiên xây dựng các tập đoàn, tổng công ty nhà nước hùng mạnh, đủ sức làm rường cột, làm chỗ dựa cho hoạt động của mọi loại hình doanh nghiệp khác. Nhưng sự ưu ái phải gắn với quản lý, giám sát. Ngược lại, khi địa vị lớn, nắm trong tay tài sản quá lớn, vượt quá năng lực, nhất là khi sự quản lý khá lỏng lẻo, tính cách của những “con rắn” trỗi dậy trở mình tìm cách vượt sự quản lý, và chuyện ném tiền theo phong cách công tử Bạc Liêu là điều tất yếu, tiếc rằng tiền ở đây lại là tiền của nhà nước hay đúng hơn, tiền của nhân dân, của những người đóng thuế chân chính! Điều đáng băn khoăn là sự thua lỗ của các tập đoàn đã kéo dài và đã được nhìn thấy nhưng không được ngăn chặn. Cụ thể, qua số liệu liên quan đến Vinalines giai đoạn 2007-2010, người ta biết kết quả kinh doanh tổng hợp năm 2007-2008 của Vinalines là có lãi, nhưng đến 2009 thì đơn vị này bị lỗ 412,325 tỷ đồng, và năm 2010 tiếp tục lỗ nặng hơn tới 1.273,892 tỷ đồng; đến nay Vinalines hiện còn nợ hơn 36 nghìn tỷ đồng.

Vụ án nào cũng sẽ khép lại với các quyết định của tòa. Một bản án dù nghiêm khắc đến đâu cũng chỉ dành cho một vài cá nhân bị cáo. Còn hàng trăm nghìn tỷ đồng thua lỗ, thất thoát, tìm lại bằng cách nào? Tiền đi về đâu? Bao nhiêu do quyết định sai, bao nhiêu cố ý bỏ vào tài sản cá nhân?

Chúng ta biết rằng nguồn vốn cho vấn đề an sinh và phúc lợi xã hội rất eo hẹp. UBTV Quốc hội đã rất băn khoăn khi muốn xây dựng 73 nghìn căn nhà tình nghĩa mà chỉ có 300 tỷ đồng. Bộ Tài chính trình bày ngân sách eo hẹp, muốn tăng lên nhưng thêm đảng này thì phải bớt chỗ kia, mà suy tính chưa biết bớt chỗ nào. Cân đối lại, UBTV Quốc hội quyết định tăng thêm 700 tỷ để có 1.000 tỷ xây 73 nghìn nhà tình nghĩa (dự toán là 2.900 tỷ). Giá trị đồng tiền Nhà nước khó khăn và quý giá biết bao. Trong khi đó, các tổng công ty hay tập đoàn “đốt” hàng trăm nghìn tỷ mà gánh nợ này không biết lấy đâu ra trả, chắc là dành cho thế hệ mai sau! Nhiều ý kiến của các nhà hoạch định chính sách cho rằng, tái cấu trúc DNNN để hiệu quả mà chỉ bàn cơ chế tài chính là chưa đủ. Một quan chức cho rằng cần phải chú trọng yếu tố con người. “Vừa rồi, một số vụ đổ vỡ ở các tập đoàn, tổng công ty là bắt đầu từ các cá nhân, từ chính sách cán bộ. Nếu cơ chế tài chính vẽ rất đẹp mà người thực hiện không đủ năng lực quản lý, kỹ thuật, không đủ đạo đức thì cơ chế tài chính có đẹp mấy cũng đến thế” (Đình Quang Trí). Nhân nhắc tới những vụ sai phạm ở các tập đoàn, tổng công ty, ông Đặng Văn Thanh, Chủ tịch Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA) bày tỏ: “Hơn mười mấy

năm nay, hệ thống kiểm soát nội bộ của các tập đoàn gần như không có. Vì thế mới có chuyện vô lý là DN bỏ mấy chục tỷ đồng mua tàu cũ mà kế toán không biết, cấp trên không biết”. Có thật cấp trên và kế toán không biết không? Chúng ta chưa thể khẳng định nhưng nếu có quy định trách nhiệm, yêu cầu minh bạch hóa thu chi thì cũng tránh được ít nhiều tổn thất. Món nợ “công khai” “minh bạch” với toàn dân vẫn còn nhức nhối!

Làm sao khoanh rắn và dập lửa?

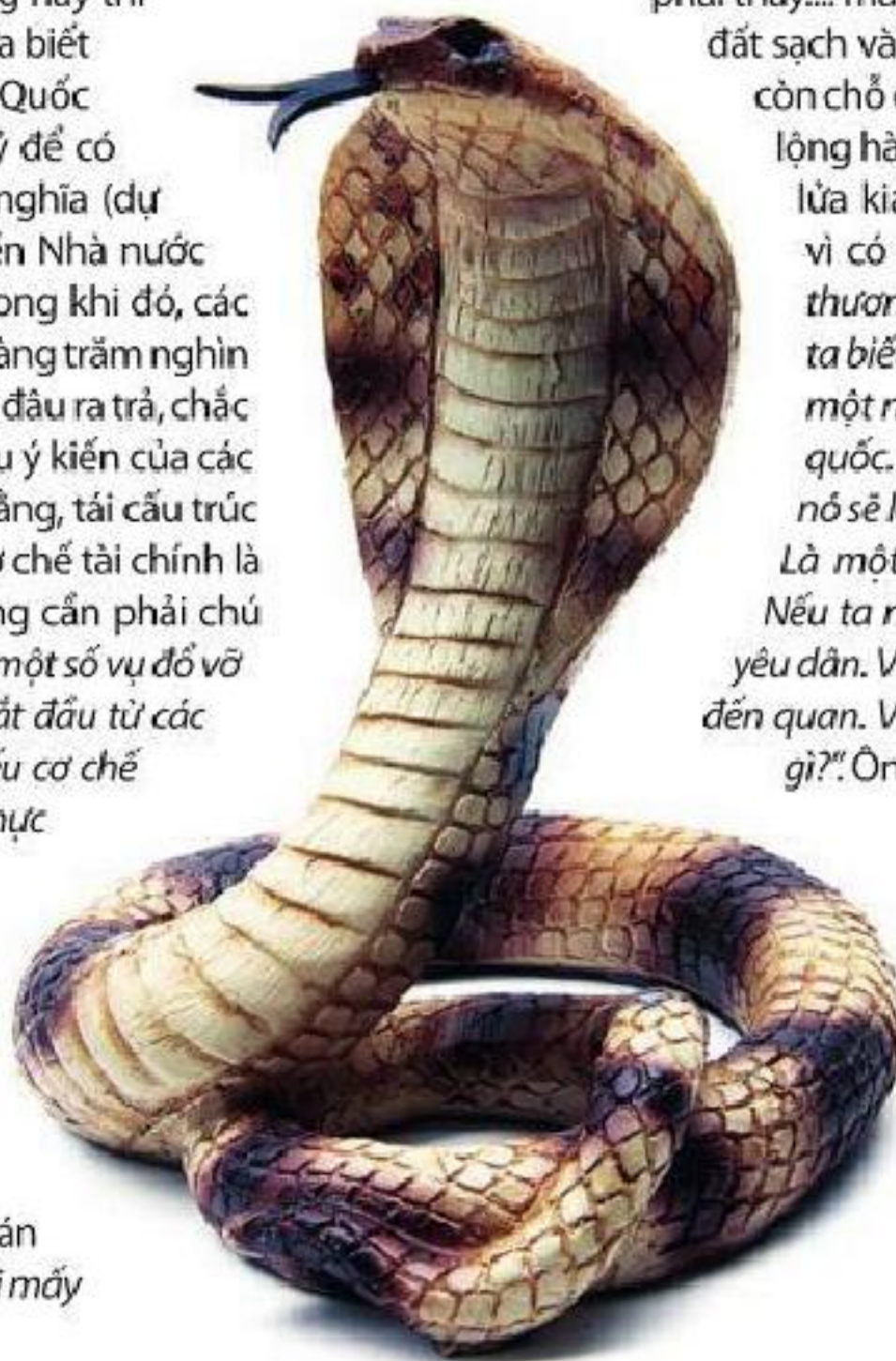
Chúng ta có tự ru ngủ mình rằng kinh tế hơi lệch lạc nhưng giáo dục và đạo đức đang “đi đúng hướng”? Thử nghe một nhà phê bình nhận định:

“Sau những thăng trầm lịch sử, nền đạo đức của xã hội ta hiện nay giống như cái chân gãy rồi bó tạm lại, đáng lẽ phải lo chạy chữa nghiêm chỉnh thì lại cứ cố coi là nguyên lành và lờ đi mọi lở loét có thực, thành ra gần như đang có một cuộc tự lừa dối tập thể. Ngay trong cái chuẩn đạo đức cũ cũng có những cái duy ý chí, tức là mình mong muốn được như thế hơn là có thực. Người mình nhiều khi cứ như người đóng vai ấy, bảo nhau giã rách cổ giữ lấy lễ, sự thực là cái lễ cũng nát nốt rồi mà ta cứ che đậy, cứ lảng tránh. Một xã hội phi chuẩn và cực kỳ bản năng” (Vương Trí Nhàn).

Thế nên đã đến lúc đặt lại bài toán “con người”, đặt lại những chuẩn mực, khi chúng ta lỡ để nhiều đốm lửa rong chơi trong cánh rừng của mình và để nhiều con rắn mọc ra từ cơ chế lỏng lẻo đến... lạ lùng ấy! Nhân dân muốn thấy bầy rắn ấy được “quy hoạch” chuồng trại lại, nghĩa là phải thay... máu đội ngũ cán bộ, công chức. Khi

đất sạch và gia chủ nghiêm mình sẽ không còn chỗ cho “cò” hay “tặc”, nhất là quan tặc lộ hành! Chúng ta không thể để đốm lửa kia đốt cháy cánh rừng của mình vì có một nhà thơ đã viết “Khi ta biết thương yêu một ngọn cỏ dưới chân, là ta biết thương yêu tổ quốc mình. Bảo vệ một ngọn cỏ cũng là bảo vệ tình yêu tổ quốc. Một đất nước mà không có cỏ thì nó sẽ là gì? Là không có gì mọc lên được. Là một đất nước không còn gì để yêu. Nếu ta nghĩ cỏ cũng là dân, ta sẽ thương yêu dân. Vì không có dân thì sẽ chẳng ai cần đến quan. Vì không có dân thì có vua để làm gì?”. Ông cũng thắc mắc: “Nhưng có vua quan đó mà sao dân khổ thế? Vua quan để làm gì nếu không nói là để làm cho dân sướng” (Nguyễn Trọng Tạo).

Nếu diệt được những con rắn, dù nhỏ, và dập tắt những đốm lửa kia thì cỏ sẽ mãi xanh và nhân dân sẽ hạnh phúc. Đáng mong thay! ■



Này Ananda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của người.

Trường Bộ kinh – Đại bát Niết-bàn



Trách nhiệm...

NGUYỄN THU AN

1 Trong bài viết *Buddhism: Rights, Justice and Responsibilities*, vị cố trưởng lão học giả người Myanmar là ngài Rewata Dhamma khẳng định, “Theo giáo lý nhà Phật, quyền và trách nhiệm là khái niệm không thể phân đôi; không có khái niệm này, khái niệm kia không tồn tại. Càng có nhiều quyền trong xã hội, chúng ta càng có nhiều trách nhiệm. Cũng theo giáo lý nhà Phật thì Pháp, hay luật tự nhiên, vẫn tồn tại dù Pháp ấy có được áp dụng hay không. Nếu chúng ta không hoàn thành trách nhiệm của mình thì chúng ta sẽ đánh mất quyền của mình. Nếu ta học Pháp một cách thấu suốt, ta sẽ thấy rằng đó không chỉ là con đường đưa ta tới sự giải thoát tối hậu mà còn là con đường để thành tựu mọi trách nhiệm của ta”.

Như vậy, trách nhiệm chính là bản chất cố hữu của con người; trách nhiệm là thuộc tính gắn chặt với con người. Con người không thể rẻ rúng trách nhiệm của mình; nhất là những người ở địa vị lãnh đạo, có thân phận cao tột. Trách nhiệm cũng là một khái niệm hết sức quan trọng đối với người con Phật, dù là Tỳ-kheo hay cư sĩ; dù trẻ hay già; dù có địa vị hay không có địa vị. Nhưng, như lời ngài Rewata dẫn trên, người có địa vị càng cao thì càng có nhiều trách nhiệm: trách nhiệm trong việc thực thi những điều đã cam kết khi nhận chức vị; trách nhiệm khi lỡ để xảy ra sự trì trệ của hệ thống làm việc mà một người có phận sự điều hành; và trên hết là trách nhiệm trong việc hoàn thành mọi bốn phận, nghĩa là những





phần việc buộc một người phải gánh vác vì có địa vị, mà địa vị của một vị trưởng lão thì tất nhiên cao trọng hơn địa vị của một sa-di mới bước vào cửa thiền.

2 Thực tế hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam sau hơn ba chục năm thành lập cho thấy nhiều vị trưởng lão thuộc các cơ quan lãnh đạo tối cao của Giáo hội đã không hoàn thành trách nhiệm. Không phủ nhận rằng thời gian qua, Giáo hội đã có những thành tựu lớn, đã có những đóng góp quan trọng cho việc phát triển Phật giáo ở Việt Nam; nhưng cũng có thể thấy được rằng nếu các vị có địa vị cao cả trong Giáo hội đều thành toàn mọi trách nhiệm của các ngài thì những thành tựu, những đóng góp của cơ quan lãnh đạo Giáo hội đã lớn lao hơn, cơ bản hơn, mang nhiều giá trị về chất hơn, thay vì chỉ có những giá trị về lượng. Việc không hoàn thành trách nhiệm ấy có nhiều lý do.

3 Tìm hiểu về Hội đồng Trị sự của GHPGVN, người ta được biết thành viên của HĐTS hầu hết là những vị đã cao tuổi; nhất là những vị được suy cử vào Ban Thường trực HĐTS. Có không ít các bậc tôn túc đã ngoài 80, kể cả ngoài 90, sức khỏe kém, chân

yếu, tay run, mắt mờ, tai lãng, nói không ra hơi, mà vẫn phải hy sinh làm Phật sự ở những địa vị cao trọng. Nhiều vị chủ tọa những cuộc hội nghị hội thảo kéo dài vài ba ngày, không còn đủ sức khỏe để theo dõi bao quát hoạt động của hội trường. Lúc đọc diễn văn, các ngài không thấy rõ nội dung bản văn; khi đại biểu nêu ý kiến, các ngài nghe không trọn vẹn; cần phát biểu, các ngài nói lạc đề; chứng tỏ các ngài không còn đủ sự sáng suốt cần có. Nhiều vị chỉ đến cho có mặt tại các hội nghị hội thảo mười lăm phút rồi ngay sau khi phát biểu khai mạc đã phải đi nghỉ và không thể tiếp tục tham dự, trong khi hội nghị hội thảo vẫn tiếp tục.

4 Bên cạnh tình trạng sức khỏe không đủ bảo đảm cho công việc, nhiều vị lại còn kiêm nhiệm một lúc vài ba chức vụ. Nhưng như mọi người đều biết, mỗi người đều chỉ có một sở trường, một lãnh vực mà mình thông thạo nhất. Và mỗi người cũng đều có một khoảng thời gian bằng nhau là mỗi ngày 24 tiếng đồng hồ để giải quyết mọi công việc, từ sinh hoạt đến làm Phật sự. Như vậy, khi ôm đồm quá nhiều công việc thì chắc chắn sẽ dẫn đến tình trạng chẳng việc nào ra việc nào.

5 Đành rằng các vị tham gia vào HĐTS và Ban Thường trực HĐTS đều là những vị có công hạnh và đức độ. Tuy nhiên, có mặt tại HĐTS và Ban Thường trực HĐTS là để giải quyết công việc, để theo dõi và nắm bắt tình hình Phật giáo Việt Nam và thế giới, để đưa ra những ý kiến chỉ đạo cho toàn thể hệ thống Giáo hội thực hiện, để thúc đẩy cả hệ thống tiến tới trước theo những kế hoạch đã được vạch ra, để kịp thời điều chỉnh những lệch lạc trong quá trình thực hiện của hệ thống. Cho nên công hạnh và đức độ chưa kể là đủ; người tham gia hệ thống lãnh đạo phải thông hiểu thời cuộc, phải nhận định đúng tình hình, phải thấu hiểu tâm tư nguyện vọng quần chúng Phật tử, phải hoạch định đường lối hướng dẫn thị hiếu quần chúng theo đúng Chánh pháp, phải theo sát mọi hoạt động Phật sự trong phạm vi trách nhiệm của mình. Việc suy cử vào hệ thống lãnh đạo chỉ dựa vào công hạnh và đức độ như vậy đã tỏ ra thiếu sót; vì thực tế, có không ít các bậc tôn túc không có điều kiện và khả năng theo dõi tình hình thời cuộc, nói chi đến việc tìm hiểu tâm tư nguyện vọng quần chúng, nói chi đến hoạch định đường lối làm việc, theo dõi việc thực hiện, điều chỉnh những lệch lạc nếu có.

6 Trong quá trình cống hiến cho các hoạt động Phật sự, do một số quy định thiếu hợp lý của Hiến chương, và do quán tính của tâm lý trong việc tổ chức, nhiều vị đã ở tình trạng phải tiếp tục hy sinh nhiều nhiệm kỳ liên tiếp. Sự việc này dẫn đến tình trạng nhàm chán cả nơi người phụ trách lẫn hệ thống người thừa hành, chưa kể việc duy trì quyền lực lâu dài luôn luôn đưa đến lạm dụng, là điều mà đến nay con người vẫn

chưa thể tránh được. Huống chi, khi tuổi già sức yếu, trí óc không đủ minh mẫn mà cứ ở mãi một vị trí thì chỉ khiến cho công việc thuộc vị trí đó không tiếp nhận được những khả năng sáng tạo, một điều chắc chắn luôn luôn có sẵn ở những người mới và có năng lực.

7 Số lượng thành viên thuộc HĐTS theo quy định của Hiến chương hiện hành đã là 147 vị. Có thể thấy khá nhiều vị trong nhiều nhiệm kỳ liên tiếp chẳng có đóng góp gì cho hoạt động của HĐTS; ngay cả việc tham dự các buổi họp theo quy định cũng thường vắng mặt. Vậy mà đã thấy có ý kiến cho rằng HĐTS cần mở rộng số thành viên. Số lượng thành viên các ban ngành chuyên môn trực thuộc HĐTS không được quy định cụ thể trong Hiến chương nhưng theo thời gian cũng đã có khuynh hướng phình ra. Thực tế của các hoạt động có tổ chức cho thấy không phải tổ chức có nhiều người là tinh thần trách nhiệm của tổ chức được nâng cao. Vì vậy, quy mô của HĐTS cũng như của các ban ngành chuyên môn trực thuộc HĐTS không cần quá lớn mà cần quy tụ được những vị thực sự có trách nhiệm làm việc.

8 Bên cạnh Ban Thường trực HĐTS là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Giáo hội, Phật giáo Việt Nam còn có một Hội đồng Chứng minh, vừa là biểu tượng cho Giáo hội, vừa là cơ quan có trách nhiệm chứng minh và định hướng hoạt động của Giáo hội thông qua nhiệm vụ hướng dẫn và giám sát về các mặt đạo pháp và giới luật. Với vai trò quan trọng đó, mọi người đều đồng ý rằng Đức Pháp chủ đứng đầu HĐCM chính là linh hồn của Giáo hội, là một vị được suy cử hoàn toàn dựa trên công hạnh, đức độ và những cống hiến cả đời của ngài đối với Phật giáo nước nhà. Nhưng còn lại, chư vị trong HĐCM cũng phải là những vị thực sự có trách nhiệm trước sự thịnh suy của Giáo hội; nhất là những vị trong Ban Thường trực của HĐCM, nhưng không chỉ hạn định trong chư vị thuộc Ban Thường trực. Việc suốt năm năm HĐCM mới họp một lần rõ ràng không thể hiện trách nhiệm của những người thuộc Hội đồng này. Lại nữa, việc quy định số lượng thành viên của HĐCM là không giới hạn hầu như mang tính cách vô hiệu hóa tác dụng hướng dẫn và giám sát về mặt đạo pháp và giới luật của HĐCM. Làm thế nào để một khối người vô hạn gồm những vị già lão thiếu sức khỏe có thể đi lại họp hành bàn bạc theo dõi công việc của HĐTS rồi đưa ý kiến cho HĐTS được? Để HĐCM thể hiện được trách nhiệm của mình, số lượng thành viên của Hội đồng nên được quy định ở mức năm sáu chục vị, và cũng chỉ nên cung thỉnh các vị còn minh mẫn, có sức khỏe tốt để thực sự đảm đương được Phật sự quan trọng này.

9 Đại hội đại biểu toàn quốc của Phật giáo Việt Nam lần thứ VII sắp được tổ chức ở thủ đô Hà Nội vào cuối năm nay. Tại đại hội, chắc chắn những

vấn đề trọng yếu của Phật giáo Việt Nam sẽ được quyết định. Hơn lúc nào hết, quần chúng Phật tử Việt Nam hy vọng rằng đại hội Phật giáo toàn quốc lần này sẽ mang lại được một luồng sinh khí mới cho hoạt động của Phật giáo Việt Nam. Sinh khí cho hoạt động của một tổ chức hẳn là chỉ có thể thấy được qua tinh thần trách nhiệm của những người lãnh đạo tổ chức đó. Với những nhận xét được nêu ra ở trên, người ta có thể đi đến kết luận rằng vấn đề có tính cách quyết định để đem lại sinh khí cho hoạt động Phật giáo Việt Nam là Giáo hội phải được lãnh đạo bởi những vị có công hạnh và đạo đức, đồng thời có đầy đủ sức khỏe và tài năng, và trên hết, là những người thực sự có tinh thần trách nhiệm cao.

10 Để thành toàn bốn phận của các cơ quan tối cao chịu trách nhiệm về sự thịnh suy của GHPGVN, mong sao sau kỳ đại hội này, mọi Phật tử đều hoan hỷ thành tâm kính ngưỡng một thành phần lãnh đạo Giáo hội quy tụ đầy đủ những yếu tố đem lại sức sống cho hoạt động Phật giáo.

Ấy là:

a. Có mặt trong HĐCM và HĐTS của GHPGVN những bậc tôn túc, bên cạnh công hạnh và đạo đức, là những vị minh mẫn, sáng suốt, đầy đủ sức khỏe, có tinh thần phục vụ Chánh pháp cao độ, có khả năng thể chất đảm bảo được những Phật sự bộn bề của Giáo hội hiện nay.

b. Được suy cử vào các vị trí trong Ban Thường trực HĐCM và HĐTS là những vị có đầy đủ tài năng phù hợp với chức vị mà mình đảm đương; vì chỉ những vị có đủ tài năng xứng sở trường của mình thì mới có thể hoàn thành đúng trách nhiệm.

c. Tham gia vào nhiệm vụ lãnh đạo Giáo hội trong nhiệm kỳ mới, không có vị nào phải kiêm nhiệm chức vụ; trừ trường hợp bất khả kháng là một vị Trưởng ban thuộc Ban Thường trực HĐTS còn phải nắm giữ Trưởng ban Trị sự thuộc Tỉnh, Thành hội nơi ngài xuất thân.

d. Có sự cân bằng trong thành phần lãnh đạo Giáo hội phù hợp với thành phần của Giáo hội luôn luôn có đủ tứ chúng. Trong thành phần lãnh đạo Giáo hội, có một tỷ lệ thích hợp về sự hiện diện của các vị Ni cũng như của các vị nam nữ cư sĩ.

e. Có sự xuất hiện của nhân tố trẻ trong thành phần lãnh đạo Giáo hội. Việc có mặt của những người trẻ là một yếu tố đảm bảo tính kế thừa trong mọi hoạt động của Giáo hội, một trong những điều kiện thiết yếu giúp Phật giáo đã từng tồn tại suốt 26 thế kỷ qua.

Việc chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc của Phật giáo Việt Nam lần thứ VII đang diễn ra. Mong sao những người có tâm huyết trước sự thịnh suy của Phật giáo Việt Nam có những đóng góp cụ thể và những quyết định sáng suốt để Đại hội lần này sẽ thành tựu tốt đẹp. ■



Bóng dáng

LÊ HẢI DẰNG

Để lưu giữ hình ảnh ai đó, chúng ta có nhiều cách thức khác nhau. Nhờ sự hỗ trợ của phương tiện kỹ thuật hiện đại, từ máy ảnh, điện thoại di động, máy quay video, máy quét, XQ cho đến máy scan, siêu âm, cộng hưởng từ... chúng ta có thể xâm nhập cơ thể con người, cắt lớp tế bào hay đo điện não đồ, nhịp tim, mạch đập... nhằm phản ánh chế độ, tình trạng vận hành của từng cơ quan. Song, tất cả những hình ảnh phản chiếu do phương tiện cung cấp trên đều dừng lại ở khía cạnh vật chất, còn đối với địa hạt tinh thần, như lòng từ bi, bác ái, lòng trắc ẩn, tình yêu thương, cảm thức tín ngưỡng, trạng thái thăng hoa, tưởng tượng... dường như chưa có máy móc nào có thể tái hiện. Con người nhìn nhận

dưới góc độ hữu thể tại thế, cho đến hiện tại vẫn chưa có thiết bị nào có thể phản ánh trung thực, chưa dám nói đến việc cắt lớp hiện trạng hay lưu giữ hình ảnh. Vì thế, ký ức vẫn là "kho lưu trữ" quen thuộc mà chúng ta dựa vào để "save" hình ảnh về những con người ta từng tiếp xúc. Trong mỗi người lại có nhiều cách lưu giữ khác nhau, có người quan tâm đến vẻ mặt, có người để ý đến vóc dáng, ngón tay, gót chân, bờ vai, đôi mắt, vầng trán, làn tóc, bờ môi, nụ cười...

Mắt có thể lột tả nhiều điều ngôn ngữ khó thể biểu đạt hay dễ dàng bị lừa phỉnh. Cửa sổ thông tin đi qua mắt có liên quan nhiều đến tình cảm, từ nội giới ra ngoại giới, tới cơ quan tiếp nhận, cảm nhận để giải mã thông tin. Bởi vậy, mắt có thể nói lời yêu thương, nỗi

hồn giân, nhớ nhung... vẽ lên những hình ảnh mơ hồ, bằng khuôn vẽ quá khứ xa xăm... Mắt cũng thể hiện sự hỗn nhiên, ngây thơ hay tương phản ở mỗi người. Mắt đi vào thơ ca, mỹ thuật, âm nhạc... nhiều như tóc. Tóc thường gắn liền với tính cách, tượng trưng cho phái đẹp, nữ tính. Tóc cũng chất đầy tội lỗi của chúng ta bằng hình ảnh ẩn dụ. Xét ở khía cạnh nào đó, tóc trở thành biểu tượng gắn liền với lời nguyện. Còn bờ vai là chỗ dựa yêu thương, bình yên, nơi gập gờ của lòng tin cho tâm hồn ngã bóng... Nói chung, trong đa số trường hợp hy hữu của thực tại, các hình ảnh lưu giữ qua ký ức, bằng trí nhớ đều mang ý nghĩa, giá trị biểu trưng hơn là tái hiện tình trạng được quan sát. Chúng thường dừng lại ở điểm nhìn hay lát cắt trong thực tại hiện hữu của mỗi con người. Các bộ phận ấy lại thường xuyên biến đổi, thậm chí thay đổi nhanh chóng, trong giây lát như mái tóc chẳng hạn. Có rất nhiều yếu tố trở thành điểm nhìn trung tâm đối với người này, nhưng lại gặp phải sự hờ hững đối với người kia. Để vẽ lên hình ảnh, đặc trưng của một con người, dù có là họa sĩ giỏi ký họa đến mấy cũng khó thể nắm bắt, khắc họa được toàn thể. Tất cả những biểu hiện bề ngoài đều không đại diện cho tổng thể sống động của mỗi người, kể cả khi chụp ảnh chân dung ở nhiều tư thế, dáng vẻ, điệu bộ... khác nhau. Thực tế của thực thể tuyệt nhiên vẫn lọt ra ngoài phạm vi được mô tả. Vì vậy, yếu tố làm nên tính chất tổng thể của con người không nằm trên từng bộ phận. Nó phải là hình thái sống động mang tính chất bao trùm lên thực thể, vượt ra ngoài không gian đặc định để trở thành hằng số cho mọi hoạt động. Đó chính là dáng.

Dáng người là một khái niệm rộng, nơi ký ức chúng ta bám vào để lưu giữ hình ảnh. Dáng không chỉ đơn thuần phản ánh hành vi, cử chỉ... mà còn bao quát nhiều phương diện, từ dáng ngồi, dáng đứng, dáng đi, khi cười nói, lúc buồn rầu, lúc thức cũng như ngủ... Dáng bao gồm tổng thể sinh động phản ánh mọi hoạt động ở cả thể tĩnh lẫn thể động, tiềm ẩn, hiện hữu nơi chủ thể. Thật diệu kỳ khi cấu trúc cơ thể phát lộ một cách huyền diệu qua dáng. Các bộ phận trên cơ thể con người nói chung thường xuyên thay đổi, còn dáng theo ta dài lâu, thậm chí kéo dài suốt một đời. Dáng có thể ví như hằng số của cấu trúc hình thể, trường tồn, ít biến đổi... nhất. Chúng ta nhớ về ai đó, những người đã đi xa hay ở lại, kể cả người đang ở bên ta, nhưng hình bóng thuộc về quá khứ... đều thông qua vai trò trung gian của dáng. Dáng phân biệt rõ rệt giữa người này và người kia, không bao giờ lặp lại, tái hiện nguyên dạng trên thực tế. Nếu có sự nhầm lẫn giữa ai đó, ấy chính là vì dáng. Con người ta có thể gặp gỡ nhau ở những điểm dị biệt, như mái tóc, nốt ruồi, vài động tác, cử chỉ hao hao, nhưng sự lẫn lộn gây ngộ nhận nhất vẫn nằm ở dáng. Vì, dáng làm nên phần sinh hoạt phong phú, linh động, riêng biệt nhất ở mỗi con người.

Dáng đã thuộc về tổng thể sống động ngoại quan của từng con người, đi từ "hình" ở thể tĩnh cho đến "thái"

ở thể động, song, dáng chẳng hề phơi bày một cách cụ thể qua bất kỳ tư thế hay bộ dạng nào. Nên việc nắm bắt dáng vô cùng khó khăn, khó khăn đến nỗi phải gọi dáng là bóng. Từ đó, bóng và dáng đi liền với nhau như "cặp đôi hoàn hảo", khi dáng ngồi thì bóng ngồi, khi bóng ngủ, dáng cũng ngủ... Bóng luôn theo sát dáng đến tận cùng số phận. Để nắm bắt được dáng, chỉ có bóng mới làm được. Vì, bản chất của bóng cũng không thể cầm, nắm, chạm, sờ... như thể của dáng. Bởi vậy, bóng trở thành tính từ bổ sung, làm rõ nghĩa thêm cho dáng. Bóng dáng phảng phất, tồn tại ở khắp mọi nơi bên trong, cũng như bên ngoài con người. Tất cả các bộ phận trên cơ thể đều khả biến, thường biến, duy có dáng, vốn tồn tại như hình bóng, nên thường tại, trường tồn, như chính hiện thực hữu thể của mỗi chúng ta.

Thân phận con người thể hiện khá rõ qua dáng. Không phải ngẫu nhiên, một câu thành ngữ đã trở thành "slogan" ở nhiều câu lạc bộ thẩm mỹ: Nhất dáng nhì da. Trên thực tế, cái dáng được coi trọng trong xã hội ngày nay mới chỉ dừng lại ở quan niệm thời thượng về cái đẹp. Những cô gái, thiếu nữ ép xác cho giống thân hình kiểu diêm của búp bê Barbie trở thành biểu trưng mang tính thời thượng hơn nhằm đến sự coi trọng về dáng người, hiểu là cấu trúc hình thể. Khổng Tử từng chủ trương "Đứng có thế, ngồi có dạng". Thế và dạng ở đây cũng chỉ là "hóa thạch" của hành vi, được quy chuẩn hóa qua nghi tiết. Nó chưa bao giờ đi vào được đời sống sinh động của nội hàm từ *dáng* như trong tiếng Việt. Các nghệ sĩ hình thể, diễn viên điện ảnh, múa, kịch... muốn thể hiện hình tượng nhân vật nào cũng thường bắt đầu bằng việc quan sát hành vi, động tác, cử chỉ... đã trở thành thói quen của người ấy nhằm mục đích mô phỏng. Họ tận dụng tối đa việc phóng chiếu hình ảnh con người qua bóng dáng... Song, tính hữu hạn của việc mô phỏng đã lộ rõ khiếm khuyết, giới hạn về không gian, thời gian cùng tình huống tâm lý... Khi tổng thể sống động của con người được khai thác qua một số khía cạnh tự nó đã chỉ ra tính hữu hạn, không thể vượt qua. Ta không thể biết người ấy trong trường hợp khác sẽ ra sao, hình thể thay đổi tương ứng như thế nào? Duy có dáng nói lên được tất cả, kể cả những trạng thái chuyển tải xung đột tương phản bên trong lẫn bên ngoài. Dáng trở thành bóng phản chiếu một cách bí ẩn đặc trưng ở mỗi con người. Trong nhiều câu thơ, bài hát, ta thấy thấp thoáng hình bóng kiểu nữ hay cổ nhân... thường được chuyển tải qua bóng dáng phơi bày trên một sự thực khó nắm bắt ẩn sâu trong cảm thức con người. Và dường như, nhớ bóng dáng chính là sự phản ánh chân thực nhất hình ảnh về con người mà chúng ta lưu giữ vào kho tàng ký ức. Nó cũng như cái tôi mơ màng, vừa thực tại vừa hư ảo... Ai cũng có cái tôi, nhưng hỏi tìm cái tôi nơi đâu, thật khó đưa ra câu trả lời. Đó chính là điều kỳ diệu, bí ẩn của chính sự sống. ■

Về một đối tượng cần nghiên cứu của văn học Phật giáo

THÍCH HẠNH TUỆ

Văn học Phật giáo gắn với triết học Phật giáo và mỹ học Phật giáo nói chung, thiền học và mỹ học thiền nói riêng thường, tập trung phản ánh những vấn đề liên quan đến bản thể luận và giải thoát luận. Phật giáo Thiền tông quan niệm “Phật tính bình đẳng”, bản thể của mọi chúng sinh bao gồm cả các loài hữu tình và vô tình đều không khác nhau. Truy thấu, ngộ nhập, sống trọn vẹn với con người thật, với chân tâm Phật tánh trong mỗi chúng sinh là mục tiêu lý tưởng cả cuộc đời của các văn sĩ Phật giáo. Đây chính là sự giải thoát với ý nghĩa cao nhất, tuyệt đối nhất, thoát ra ngoài mọi sự trói buộc. Sự nhất quán này thể hiện rõ trong hệ thống văn học Phật giáo, mà toàn bộ các tác phẩm thơ thiền thời Lý Trần là minh chứng xác thực.

Thật khó có thể tìm hiểu một cách rõ ràng một hiện tượng văn học nói chung, một tác phẩm văn học nói riêng mà bỏ qua việc tìm hiểu ngôn ngữ nghệ thuật. Bởi vì văn học là nghệ thuật ngôn từ, mà ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học. Do đó, muốn khám phá một cách toàn diện bất kỳ một tác phẩm nghệ thuật ngôn từ nào không thể không nghiên cứu nghiêm túc về phương diện ngôn ngữ nghệ thuật của tác phẩm.

Với sự phát triển của các phương pháp nghiên cứu văn học như hiện nay, thì văn bản nghệ thuật trong tính chỉnh thể của nó là cơ sở khách quan quan trọng nhất để nghiên cứu tác phẩm, mà các quy tắc về ngôn ngữ là thứ trực tiếp và đầu tiên. Nghiên cứu tác phẩm văn học là phải hiểu rõ toàn bộ ngữ cảnh, mà ngữ cảnh trực tiếp nhất là các quy tắc ngôn ngữ của văn bản tác phẩm. Điều kiện cần để hiểu được ý nghĩa tác phẩm là phải hiểu rõ nghĩa của các từ, câu, đoạn và nghĩa của toàn bộ văn bản. Chính bản thân ngôn từ của tác phẩm là cái gợi lên mọi ấn tượng thẩm mỹ trong người đọc, thế giới nghệ thuật

trong tác phẩm văn học sinh ra từ ngôn từ. Vì vậy, nghiên cứu một cách nghiêm túc về một tác phẩm văn học là phải lấy văn bản ngôn từ làm cơ sở. Tác giả của tác phẩm cũng thông qua đường dẫn của văn bản ngôn từ đưa người đọc đến ý nghĩa thực sự của tác phẩm.

Ngôn từ là một yếu tố quan trọng trong sáu điều cốt yếu dùng để đánh giá đúng một tác phẩm văn học theo quan điểm của Lưu Hiệp trong tác phẩm lý luận văn học kinh điển của châu Á *Văn tâm điều long*: “Một là xem tác phẩm chọn thể tài nào; hai là xem nó bố trí lời văn (ngôn từ); ba là xem nó tiếp thu những gì của người đi trước và sáng tạo những gì; bốn là xem phương pháp nó biểu hiện; năm là xem ý nghĩa các điển tích nó dùng; sáu là xem âm nhạc của nó. Nếu đã thực hiện các phương pháp này thì thấy được chỗ hay chỗ dở của tác phẩm”.

Bản thân ngôn từ nghệ thuật mang trong mình kinh nghiệm, thể nghiệm, trải nghiệm của chủ thể sáng tác. Căn cứ trên văn bản ngôn từ, chúng ta sẽ khám phá ra nhiều tầng ý nghĩa của tác phẩm chưa được phát hiện ra; chẳng những không bị ảnh hưởng bởi ấn tượng của những nhà nghiên cứu uy tín đi trước, mà còn phát hiện được những ý nghĩa mới nằm ngoài dụng tâm chủ quan của chính tác giả.

Một trong những đặc trưng khu biệt của văn học Phật giáo với những dòng văn học khác chính là ở cách sử dụng ngôn ngữ nghệ thuật. Với quan niệm “*ngôn ngữ đạo đoạn*”, lời nói, ngôn từ hữu hạn ở đây không thể diễn tả trọn vẹn và đầy đủ cái chân lý vô cùng, thể hiện rõ nét quan điểm mỹ học phương Đông. Ngôn ngữ thông thường khó có thể diễn tả, thể hiện được trọn vẹn những thứ như: cái tĩnh mà động, thường mà biến, hư mà thật, một là tất cả, tất cả là một của vạn pháp. Ngôn ngữ văn học thiền Phật giáo được dùng đạt đến đỉnh điểm của



tính hàm súc. Mặc dù vậy, cái hiện ra qua bề mặt ngôn ngữ cũng chỉ là một phần nổi của tảng băng trôi, phần chính yếu, ngôn ngữ không thể diễn tả hết được chẳng khác nào như chín phần còn chìm dưới mặt nước của tảng băng, ẩn tàng sau lớp từ ngữ. Cho nên ngôn ngữ của văn học thiền Phật giáo không có quá kỳ vọng diễn đạt một cách trọn vẹn đối tượng mình hướng đến mà cốt chỉ khơi gợi hướng tới chiếm lĩnh đối tượng.

Hơn nữa, các văn sĩ Phật giáo hiểu một cách thấu đáo rằng, từ ý tưởng phát sinh trong đầu, cho đến khi dùng nghệ thuật ngôn từ diễn đạt thành lời thơ, lời văn còn có một khoảng cách vô hình. Đối với những tác gia thiên tài, thì cái khoảng cách vô hình từ ý tưởng đến ngôn từ chỉ có thể tiệm tiến dần đến số không chứ hoàn toàn không thể xóa bỏ hẳn. Đó là chưa nói bản thân ngôn ngữ vốn không thể nào thể hiện được một cách trọn vẹn đối tượng, nếu miễn cưỡng thì có lẽ sẽ không bao giờ tiếp cận chân lý đích thực. Những tuyệt tác của thi ca phương Đông thường là những tác phẩm *duyên như chưa hoàn tất, chưa đầy đủ, chưa trọn vẹn, chưa kết thúc*. Chính điều này tạo nên sự lung linh mờ ảo, huyền bí có sức sống vô hạn, sức cuốn hút vô biên không thể cưỡng lại đối với người thưởng thức. Những tác phẩm ấy, không những khắc phục được sự nhàm chán, mà còn tạo được sức kích thích lớn lao của sự hấp dẫn trong việc khám phá được sự kì diệu và bí ẩn của thi ca. Đúng như cách nói của nhà Phật: *Mỗi người uống nước sẽ tự cảm nhận được sự nóng lạnh của nó; Ai ăn sẽ tự cảm nhận được mùi vị của món ăn, dù có diễn tả hay cách mấy cũng không nói hết được.*

Ngoài những nét chung của ngôn ngữ nghệ thuật phương Đông thời trung đại, ngôn ngữ nghệ thuật của các tác phẩm văn học Phật giáo thời kỳ này chịu ảnh

hưởng sâu sắc của tư tưởng Tam giáo nói chung, triết học Phật giáo và mỹ học Phật giáo nói riêng, nhất là thiền học, nên được dùng đạt đến đỉnh điểm của tính hàm súc và gợi mở. Tính chất ý ở ngoài lời không thể chỉ hiểu theo nghĩa lời ít ý nhiều, có nhiều tầng ý nghĩa; đối tượng tiếp nhận có thể hiểu được theo cơ chế của sự liên tưởng, mà lắm khi vượt ra ngoài khuôn sáo ngữ nghĩa thông thường vốn có của ngôn ngữ. Nói như vậy nghĩa là thông điệp của tác giả phát ra khó có thể đạt tới bằng tư duy luận lý thông thường, mà phải dùng đến trực ngộ. Một trong những mục đích cứu cánh của các tác phẩm văn học thiền Phật giáo là dẫn đối tượng tiếp nhận đến tuyệt lộ của tư duy lý tính, tạo nên một khối bế tắc, khối “nghe lớn”. Khối nghe lớn này là điều kiện cần, dẫn đến sự bùng vỡ, khai thông tiềm lực vô biên của trí tuệ, khiến độc giả lĩnh hội trực tiếp được thông điệp của tác giả một cách chính xác nhất.

Dưới nhãn quan của các tác giả, ngôn ngữ nghệ thuật trong các tác phẩm văn học thiền Phật giáo được xem như một “pháp” bình đẳng với các “pháp khác”, vượt ra ngoài mọi qui ước về mặt ý nghĩa tạo nên một kiểu ngôn ngữ nghệ thuật mới: ngôn ngữ thiền, một loại siêu ngôn ngữ. Bước đột phá quan niệm nghệ thuật về ngôn ngữ này bổ túc cho sự bất toàn của ngôn ngữ trong việc phản ánh, biểu hiện, tái tạo hiện thực khách quan và nhất là chiều sâu vô tận của tâm hồn người, của con người thật trong con người, mà ngôn ngữ thông thường khó có thể thể hiện được, nếu không muốn nói là không thể hiện được.

Thứ siêu ngôn ngữ này không những khắc phục được những giới hạn tất yếu của ngôn ngữ nghệ thuật được sử dụng trong phạm vi ý nghĩa vốn có, mà còn mở rộng khả năng biểu hiện của ngôn ngữ đến mức tối đa, phát huy công năng của ngôn ngữ nghệ thuật

đến vô giới hạn. Chỉ với siêu ngôn ngữ này mới có thể đáp ứng được được nhu cầu phản ánh biểu hiện sự muôn màu muôn vẻ của cuộc sống, mà chiều sâu bí ẩn của tâm hồn người là mảnh đất màu mỡ nhất.

Tính phi luận lý của thiền ngữ kích thích mãnh liệt sự tò mò và lòng ham hiểu biết chân lý, đó là cách thức giải phóng, khai thông những tiềm lực to lớn vô biên ẩn tàng trong sâu thẳm ở mỗi con người. Tính chất ý ở ngoài lời, âm thanh ngoài dây đàn không thể chỉ hiểu theo nghĩa lời ít ý sâu, có nhiều tầng ý nghĩa để đối tượng tiếp nhận, có thể lĩnh hội theo cơ chế của sự liên tưởng mà là lắm khi còn vượt ra ngoài khuôn sáo ngữ nghĩa thông thường của ngôn ngữ.

Chúng ta cùng đọc một đoạn đối thoại giữa thiền sư và đồ đệ trong chương *Ngộ thanh* của tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*:

Học trò thưa với thầy rằng: Lý không thể nói theo hết được, còn ham muốn có thể cắt đứt hết được không?

Thầy trả lời: Không cắt thì đứt, muốn cắt đứt thì không đứt. Nước chảy cuốn cuộn, chảy hoài sẽ cạn. Lửa cháy lồm đồm, dập thì cháy bùng lên.

Học trò thưa tiếp với thầy: Có nước gì không phải là nước không?

Thầy nói rằng: Nếu nước được xem là nước thì không phải nước thật.

Trò lại hỏi: Có lửa gì không phải là lửa không?

Thầy đáp: Nếu lửa được xem là lửa thì đó là lửa giả. Nước thật thì nóng được, lửa thật thì lạnh được. Cho nên người nào có ham muốn thì không ham muốn, ai không có lòng ham muốn thì ham muốn (Ngô Thì Nhậm, *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*).

Nói cách khác, thông điệp thật sự mà thiền ngữ phát ra không thể nào cảm nhận trọn vẹn bằng tư duy luận lý thông thường mà chỉ có thể đạt tới bằng phương pháp Thiền trực hội. Như có người hỏi:

"Ngôn ngữ đạo đoạn là thế nào?"

Thiền sư Viên Chiếu đáp:

Giác hường tùy phong xuyên trúc đáo,

Sơn nham đới nguyệt quá tường lai.

(Tiếng sừng theo gió xuyên tre đến,

Vách núi mang trăng hiện vượt tường) (Viên Chiếu, *Tham đồ hiển quyết*).

Hai câu thơ đầy hình ảnh sinh động này nếu dùng tư duy lý tính, suy luận theo cấu trúc liên tưởng thì sẽ dễ rơi vào suy diễn tư biện, không thể đạt đến thông điệp mà tác giả muốn thể hiện.

Đọc những tác phẩm văn học thiền Phật giáo, không phải chỉ đọc những gì ở ý nghĩa của ngôn ngữ thông thường mà là lĩnh hội trực tiếp thông điệp bằng cách "lấy tâm hội tâm", không thông qua tư duy lý tính. Chỉ có như vậy mới có thể đọc được cách nói nghịch lý khác thường, phi luận lý, không thể thấy được trong cuộc sống:

Dục tri đoạn đích ý,

Thạch hồ giáo kim ngư.

(Muốn biết nghĩa đích thật,

Hồ đá cần trâu vàng) (Tuệ Trung, *Thị đồ đệ*).

Để trả lời câu hỏi: *Thế nào là bản ý?* Thiền sư Viên Chiếu đáp bằng hai câu thơ tuyệt diệu:

Xuân chức hoa như cẩm,

Thu lai điệp tự hoàng.

(Xuân dệt hoa như gấm,

Thu về lá tự vàng) (Viên Chiếu, *Tham đồ hiển quyết*).

Những câu thơ với hình ảnh tuyệt mỹ, giàu sức gợi cảm này mới nghe tưởng chừng như chẳng ăn nhập gì với câu hỏi đặt ra. Có biểu đạt với ngôn ngữ phi luận lý như trên thì mới đủ sức đập tan những cố chấp, vướng mắc của người học, nhằm khai thông trí tuệ chân thật của họ.

Một đặc trưng nữa của ngôn ngữ thơ thiền là vô ngôn. Để biểu lộ, hiển bày chân tâm trong sáng, u huyền, tịch diệt, không màu không mùi, không hình không dáng, không vuông không tròn, hoặc diễn tả trạng huống giác ngộ, bùng vỡ chân lý, giây phút thăng hoa trí tuệ không gì hơn là vô ngôn. Cùng với thiền ngữ (siêu ngôn ngữ), vô ngôn sẽ bổ túc thêm cho sự bất toàn, bất cập của ngôn ngữ.

Ngôn ngữ nghệ thuật, dù được sử dụng tuyệt diệu đến đâu đi chăng nữa, cũng mang một ý nghĩa giới hạn nhất định nào đó, vô ngôn đưa nó đến cõi vô hạn.

Hãy lắng lòng cùng Trần Quang Triều hòa mình vào cảnh chiều hôm nơi ngôi chùa cổ trong bài *Đề Gia Lâm tự*:

... Xuân văn hoa dung bạc,

Lâm u thiền vận trường.

Vũ thu thiên nhất bích,

Trì tinh nguyệt phản lương.

Khách khứ tăng vô ngữ,

Tùng hoa mãn địa hương.

(Xuân chày hoa mỏng mảnh,

Rừng vắng tiếng ve ngân.

Mưa thu trời xanh biếc,

Áo lạnh hiện bóng trăng.

Khách về tăng không nói,

Hoa tùng ngát cả sân)

Lúc này, thật không một ngôn ngữ nào diễn tả hết được cái không gian trong sáng của cảnh. Cảnh vật thanh u, tĩnh lặng, không khí mát mẻ. Một sự thanh khiết vô biên tuyệt diệu của đất trời khiến cho con người thanh lọc hết mọi ưu tư phiền não, vướng mắc, để đạt tới sự yên bình, an lạc, thanh thản vô hạn.

Chúng tôi nghĩ rằng, "Thiền ngữ" và "vô ngôn" là những đối tượng đặc biệt, là mảnh đất vô cùng màu mỡ, có sức hấp dẫn và lôi cuốn lạ kỳ, rất cần được giới nghiên cứu văn học, sáng tác văn học chú ý khai thác, sáng tạo hầu làm cho đời sống văn học Phật giáo nói riêng, văn học dân tộc nói chung càng thêm đa dạng, phong phú.

Chú thích:

1. Lưu Hiệp (1999), *Văn tâm điều long*, Nxb Văn học, Phan Ngọc dịch và chú thích, trang 273, 274. ■

Giới thiệu bản

Phú pháp

của Thiền sư Toàn Đạo Viên Đàm ban cho đệ tử Chương Từ Quảng Thiện

Bài & ảnh: ĐỒNG DƯỠNG

Trong một chuyến đi thực địa năm ngoái, đoàn chúng tôi viếng thăm chùa Triều Tôn, một tổ đình của thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Phú Yên. Theo lịch sử bản tự, chùa do tổ Liễu Diệu Chánh Quang khai sơn năm Gia Long thứ 2 (1803). Chùa đã đón nhận nhiều vị cao tăng đến hành đạo như tổ Quảng Nhuận, Huệ Hương, Thiện Quang, Phước Trí... Khi tiếp kiến Thượng tọa trụ trì, chúng tôi đã được ngài cung cấp một số tư liệu Hán Nôm quý, trong đó có bản Phú Pháp của Thiền sư Toàn Đạo Viên Đàm (1769-1838) ban cho đệ tử Chương Từ Quảng Thiện (1810-?) vào năm Bính Thân mà chúng tôi xin giới thiệu dưới đây.

Văn bản được viết trên khổ giấy lớn, có 34 dòng, mỗi dòng chữ viết không nhất định, có dòng chỉ có 6, 7 chữ, có dòng lên đến 21 chữ, chữ viết chân phương, nét bút to, đậm. Dòng đầu tiên với bốn chữ lớn "Chính pháp nhân tạng" và hai chữ nhỏ "Xuất gia", có thể hiểu hai chữ nhỏ này ghi riêng để phân biệt khi cấp cho hàng xuất gia. Phía trước dòng có một con dấu tròn hình quả xoài. Văn bản bị rách phần đầu phía dưới và ở đường gấp gấu cuối nhưng không bị mất chữ nào. Lại còn ba con dấu nữa, hai con dấu đóng vào tên Thiền sư Toàn Đạo nhưng mờ, còn một con dấu đóng vào dòng niên đại ngay ở vị trí năm Bính Thân. Văn bản được lập năm Bính Thân là năm 1836, trước ngài Toàn Đạo Viên Đàm viên tịch hai năm.

Bản in Kim Quang Minh kinh được tìm thấy tại chùa Bát Nhã (Phú Yên) được thực hiện năm Nhâm Thìn (1832)¹ cung cấp cho ta thêm về hành trạng của Thiền sư Toàn Đạo. Ở dòng gần cuối, phía sau bài bạt có ghi: "Đức Xuân tự hỷ Toàn Đạo thượng Viên hạ Đàm hòa thượng tác đại chứng minh hựu cúng tiến tam thập quán, sở kỳ thân phụ Nguyễn thị tử pháp danh Liễu Chứng tự Thiên Y cư sĩ, thân mẫu Lê Thị Ân pháp danh Toàn Đức hiệu Vi Bốn, hồi hướng nội ngoại tiên linh đồng đăng an dưỡng". Tạm dịch: Hòa thượng Toàn Đạo Viên Đàm chùa Đức Xuân chứng minh, lại cúng 30 quán, cầu nguyện cho cha họ Nguyễn pháp danh Liễu Chứng tự Thiên Y và mẹ Lê Thị Ân pháp danh Toàn Đức hiệu Vi Bốn, hồi hướng cho gia tiên nội ngoại cùng lên nước An Dưỡng.

Nguyễn Đình Chúc trong *Lược sử Phật giáo và các chùa tại Phú Yên* cho biết thêm về ngôi chùa ngài trụ trì: "Nguyên xưa chùa có tên Long Thủy tọa lạc làng Bạc Mã,

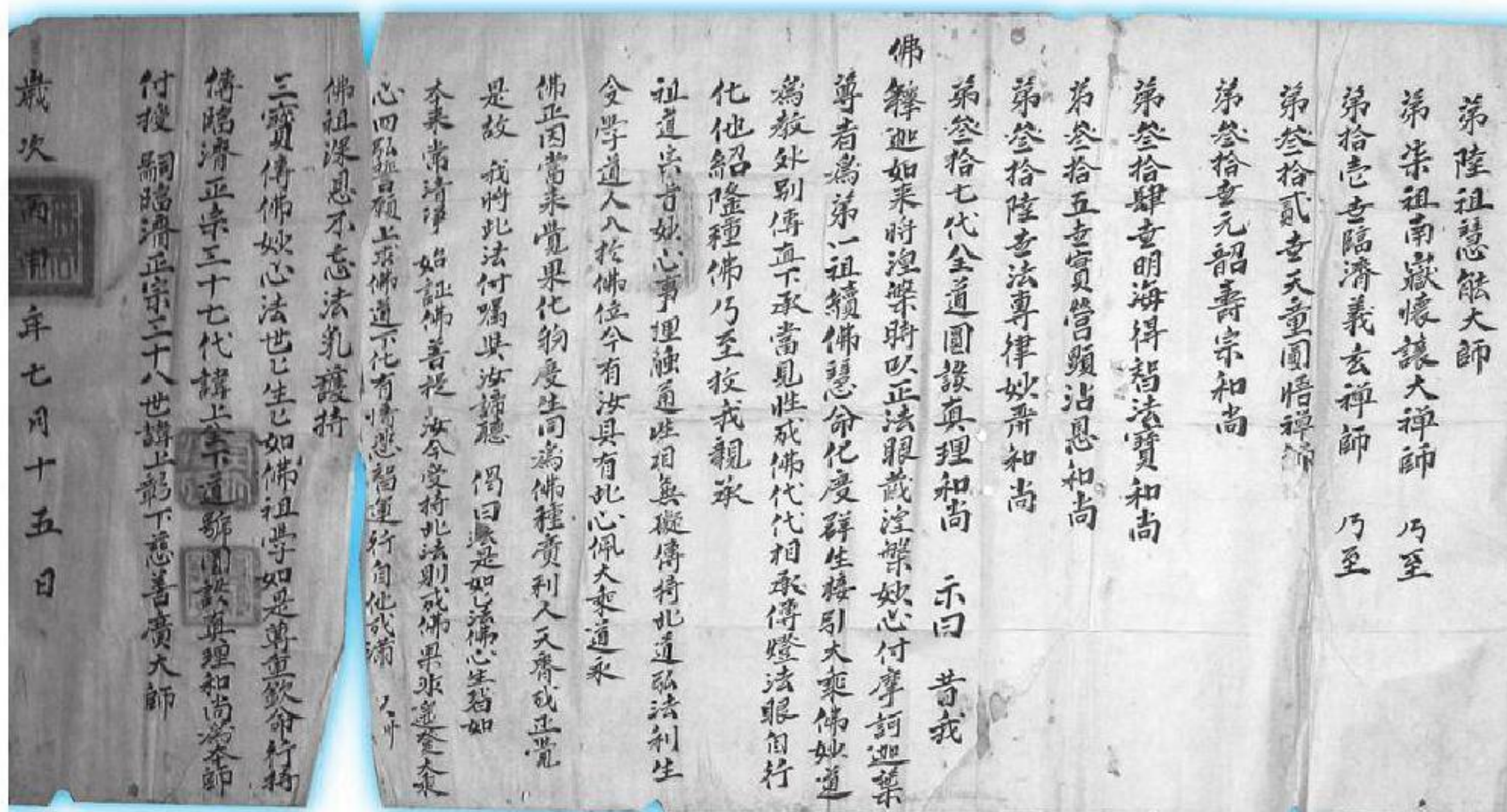
tổng An Hải, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, nay là thôn Quảng Đức, xã An Trạch, huyện Tuy An... đến đời Thiền sư Toàn Đạo đổi hiệu là Đức Xuân"². Ngôi chùa này sau đó lại được đổi tên thành chùa Châu Lâm cho đến bây giờ. Nhờ bài bạt, chúng ta biết cha mẹ của Thiền sư Toàn Đạo, và biết sư họ Nguyễn. Song thân của ngài qui y với hai vị thiền sư ở hai kệ phái khác nhau. Cha ngài có thể là đệ tử của tổ Tế Khoan Thiên Quyển, mẹ ngài qui y với tổ Pháp Chuyên vì lúc này tại Phú Yên chỉ có mình tổ Pháp Chuyên mới cho đệ tử ở hàng chữ "Toàn".

Bản Phú Pháp này có nội dung giống với bản Thiền sư Pháp Chuyên trao cho đệ tử Toàn Trí Thành Lý mà chúng tôi có dịp đưa ra³, chỉ khác phần truyền thừa. Bản này ghi chép được ba vị tổ Ấn Độ: Ca-diếp, A-nan và Thương-na-hòa-tu. Còn về truyền thừa tại Trung Hoa thì chép sáu tổ Đông Độ từ ngài Đạt Ma đến ngài Huệ Năng và nối tiếp tên ba vị nữa là Nam Nhạc Hoài Nhượng, Lâm Tế Nghĩa Huyền, Thiên Đồng Viên Ngộ. Ba vị này có quan hệ đến dòng Lâm Tế Thiên Đồng pháp phái. Có chép sai thế thứ hai vị: "Đệ tam thập nhị thế Thiên Đồng Viên Ngộ thiền sư, đệ tam thập thế Nguyên Thiệu Thọ Tông hòa thượng". Thực chất, thiền sư Viên Ngộ đời 30, hòa thượng Nguyên Thiệu Thọ Tông đời 33 phái Lâm Tế. Bản có ý chép "Tam thập tam thế" nhưng do bất cẩn trong việc sao tả mà thiếu mất chữ "Tam" do đó, đọc thành "Tam thập".

Bản phú pháp ghi chép từ ngài Minh Hải Pháp Bảo đến Thiền sư Toàn Đạo Viên Đàm như sau:

"Đệ tam thập tứ thế Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo hòa thượng
Đệ tam thập ngũ thế Thiết Dinh Hiến Triêm Ân hòa thượng
Đệ tam thập lục thế Pháp Chuyên Luật Diệu Nghiêm hòa thượng
Đệ tam thập thất đại Toàn Đạo Viên Đàm Chơn Lý hòa thượng".

Bốn dòng trên, chúng tôi chú ý đến ba dòng dưới, hai dòng giữa ghi chép tên có sự tỉnh lược và sai một lỗi. Tỉnh lược như ngài Thiết Dinh ghi là Hiến Triêm Ân. Long vị chùa Phước Lâm (Hội An) ghi rõ: "Lâm Tế chính tông tam thập ngũ thế hỷ Thiết Dinh hiệu Chánh Hiến Ân Triêm hòa thượng". Do đó, ngài có pháp hỷ Thiết Dinh Chánh Hiến Ân Triêm. Đến đời 36 thì tỉnh lược một chữ "Truyền" tức Luật Truyền, pháp tự của ngài Pháp Chuyên Diệu Nghiêm. Về ngài Toàn Đạo có thêm một hiệu nữa là Chơn Lý. Đúng theo kệ pháp của Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo, chữ "Toàn" pháp danh thì tương đương với chữ "Vi" pháp tự như Toàn Nhật Vi Quang, Toàn Thế Vi Lương...



Hai dòng gần cuối, phía trước dòng niên đại có ghi rõ người thấy trao phó cho đệ tử. Bản viết: "Truyền Lâm Tế chính tông tam thập thất đại, hỷ thượng Toàn hạ Đạo hiệu Viên Đàm Chơn Lý hòa thượng vì bản sư phú thụ tự Lâm Tế chính tông tam thập bát thế hỷ thượng Chương hạ Từ Thiện Quảng đại sư". Nghĩa là Hòa thượng Toàn Đạo Viên Đàm Chơn Lý Lâm Tế chính tông đời 37 làm thấy bản sư trao cho đại sư Chương Từ Thiện Quảng nối dòng chính tông Lâm Tế đời 38. Qua đây, Hòa thượng Viên Đàm đã trao phó cho đại sư Chương Từ. Bản Phú Pháp ghi là Chương Từ Thiện Quảng đại sư, hình như tên hiệu ngài Chương Từ được đảo lộn là Thiện Quảng⁴, chứ long vị và văn bia tại chùa Phước Sơn (Đồng Tròn) để là Chương Từ Quảng Thiện. Một chứng cứ nữa là bản phú pháp của Thiền sư Chương Từ ban cho đệ tử Ấn Chứng Viên Mãn được tìm thấy cũng đề: "Truyền Lâm Tế chính phổ Tam thập bát thế sa môn hỷ thượng Chương hạ Từ hiệu Quảng Thiện bốn sư...". Như thế, xác định rõ tên ngài là Chương Từ Quảng Thiện chứ không phải hiệu là Thiện Quảng.

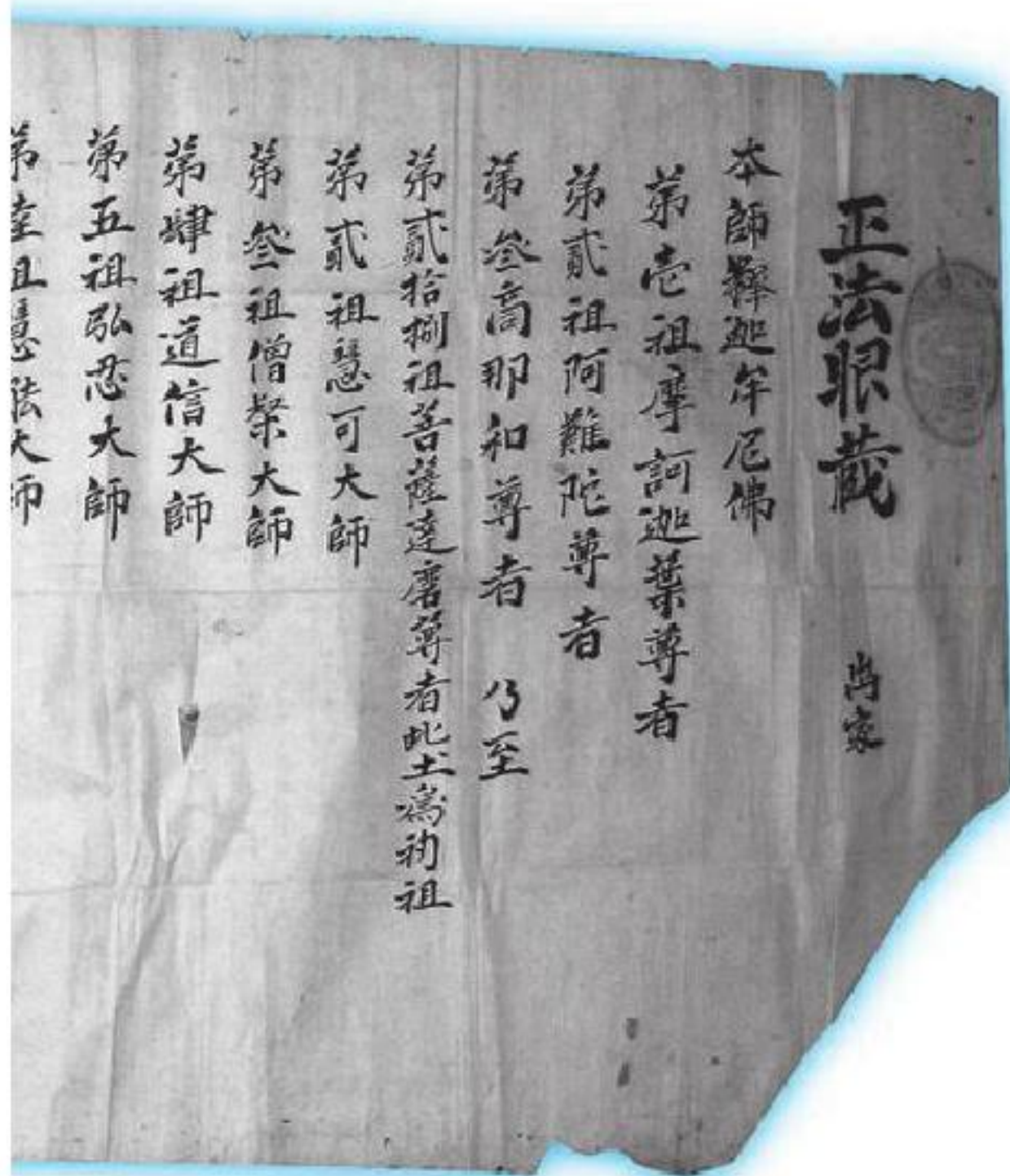
Đọc bản Phú pháp, chúng ta có dịp bàn lại về sự truyền thừa tại chùa Phước Sơn (Phú Yên). Xưa nay các nhà nghiên cứu cho ngài Chương Từ Quảng Thiện là đệ tử của tổ Liễu Năng Đức Chất⁵. Có nhiều người còn cho tổ Liễu Năng Đức Chất là đệ tử của ngài Pháp Chuyên nằm trong danh sách 28 vị truyền đăng. Thực tế, khảo sát tư liệu Hán Nôm còn lại cho biết ngài Liễu Năng Đức Chất là đệ tử của ngài Tế Khoan Thiên Quyển, chứ không phải

đệ tử của ngài Pháp Chuyên. Và ngài Chương Từ Quảng Thiện là đệ tử của tổ Toàn Đạo Viên Đàm chùa Đức Xuân (nay là chùa Châu Lâm) mà bản phú pháp ghi lại.

Trong số các thiền sư đệ tử của ngài Tế Khoan Thiên Quyển như Liễu Năng Đức Chất, Liễu Diệu Chánh Quang, Liễu Căn (chùa Bảo Sơn), Liễu Hóa Mật Giáo đều ra khai sơn các chùa vào những năm đầu của niên hiệu Gia Long. Khi các ngài viên tịch đều giao chùa lại cho các vị thiền sư dòng Lâm Tế Chúc Thánh như ngài Liễu Năng giao chùa Phước Sơn cho ngài Quảng Thiện, ngài Liễu Diệu giao chùa Triều Tôn cho ngài Quảng Nhuận. Từ đó, các chùa này trở thành tổ đình quan trọng của dòng Lâm Tế Chúc Thánh tại Phú Yên.

Tóm lại, qua việc phát hiện bản phú pháp của ngài Toàn Đạo ban cho đại sư Quảng Thiện, chúng ta từng bước công bố tư liệu về hai ngài. Nhất là xác định rõ mối quan hệ của ngài Quảng Thiện với hai vị đại sư Toàn Đạo và Liễu Năng Đức Chất, một vị là bốn sư, một vị là người giao chùa Phước Sơn cho Thiền sư Quảng Thiện. Từ đó, làm sáng tỏ sự truyền thừa dòng Lâm Tế tại chùa Phước Sơn, tránh ngộ nhận truyền thừa và trụ trì. Sau đây, xin dịch nghĩa bản Phú Pháp.

CHÍNH PHÁP NHÂN TẠNG xuất gia
Đức Phật Bốn sư Thích Ca Mâu Ni
Tổ thứ nhất: Tôn giả Ma-ha Ca-diếp
Tổ thứ hai: Tôn giả A-nan-đà
Tổ thứ ba: Tôn giả Thương-na-hòa-tu.
Truyền đến:



Tổ thứ 28: Tôn giả Bồ-đề Đạt-ma. Đến đất này làm sơ tổ.

Tổ đệ nhị: Huệ Khả đại sư

Tổ đệ tam: Tăng Xán đại sư

Tổ đệ tứ: Đạo Tín đại sư

Tổ đệ ngũ: Hoàng Nhẫn đại sư

Tổ đệ lục: Huệ Năng đại sư

Tổ đệ thất: Nam Nhạc Hoài Nhượng đại thiền sư
Truyền đến:

Đời thứ 11: Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền

Truyền đến:

Đời thứ 32 Hòa thượng Thiên Đồng Viên Ngộ

Đời thứ 33 Hòa thượng Nguyên Thiều Thọ Tông

Đời thứ 34 Hòa thượng Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo

Đời thứ 35 Hòa thượng Thiệt Dinh Hiến Triêm Ân

Đời thứ 36 Hòa thượng Pháp Chuyên Luật Diệu Nghiêm.

Đời thứ 37 Hòa thượng Toàn Đạo Viên Đàm Chơn Lý.

Dạy rằng:

Xưa Đức Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Như Lai sắp nhập Niết-bàn, bèn đem chính pháp nhân tạng, niết-bàn diệu tâm trao cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp làm vị tổ thứ nhất nối tiếp tuệ mệnh của Đức Phật mà hóa độ quần sinh, dắt dẫn lên Đại thừa, truyền đạo vi diệu của Phật, truyền riêng ngoài giáo pháp, thẳng xuống lĩnh nhận để thấy tính thành Phật, đời đời nối nhau truyền thừa mắt pháp, tự mình hành trì và giáo hóa kẻ khác, nối dòng và phát triển giống Phật. Cho đến ta, thân thừa đạo tổ, tông chỉ diệu tâm, sự lý dung thông, tính tướng chẳng ngại, truyền trì đạo này, hoằng

pháp lợi sinh. Nay người có đủ lòng gánh vác đạo Đại Thừa, cầu chính nhân Phật, tương lai quả giác, hóa vật độ sinh, cùng làm giống Phật, lợi rộng khắp trời người, đều thành chính giác. Vì vậy, ta đem pháp này phú chúc cho người, lắng nghe kẻ rằng:

Pháp là pháp như như

Tâm sinh Phật đều như.

Xưa nay thường thanh tịnh,

Mới chứng quả bồ đề.

Nay, người thụ trì pháp này thì thành quả Phật chẳng xa, phát tâm đại thừa, bốn thế nguyện rộng, trên cầu đạo Phật, dưới hóa độ hữu tình, bi và trí song hành, tự tha giác mãn, để báo đáp ơn sâu của Phật Tổ, không quên pháp nhũ, gìn giữ Phật Tổ, truyền diệu tâm Phật, đời đời kiếp kiếp theo học Phật Tổ, như thế là tôn trọng, vâng mệnh phụng hành.

Hòa thượng hỷ Toàn Đạo hiệu Viên Đàm Chơn Lý làm thấy bốn sư truyền đời thứ 37 chính tông Lâm Tế trao cho: Đại sư hỷ Chương Từ hiệu Thiện Quảng nối đời 38 chính tông Lâm Tế.

Ngày 15 tháng 7 năm Bính Thân (1836).

Chú thích:

1. Theo các nhà nghiên cứu, Thiền sư Toàn Nhật sinh năm Đinh Sửu (1757), mất năm Giáp Ngọ (1834), thọ 78 tuổi. Còn bài bạt *Kinh Kim Quang Minh* cho biết, lúc ngài Toàn Nhật 76 tuổi nhằm năm Nhâm Thìn. Từ đó suy ra năm Nhâm Thìn phải là năm 1832, trước hai năm sư Toàn Nhật viên tịch.

2. Nguyễn Đình Chúc, tr. 122.

3. Xem *Suối Nguồn* 5 bài Văn bản *Phú Pháp của thiền sư Pháp Chuyên* trao cho đệ tử Toàn Tri Thành Lý, Nxb Hồng Đức, năm 2012, tr. 55-63.

4. Cách thức này xuất hiện với tên hiệu của tổ Ân Triêm ghi là Triêm Ân.

5. Xem Thích Như Tịnh, *Lịch sử truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh*, Nxb Phương Đông, 2009, tr.346. Tác giả cho Thiền sư Liễu Năng Đức Chất là đệ tử của tổ Pháp Chuyên. Thực ra, ngài Liễu Năng là đệ tử của Thiền sư Tế Khoan Thiên Quyền, chùa Cổ Lâm thuộc hệ phái "Tổ đạo giới định tông". Hiện còn bản chính pháp nhân tạng của Thiền sư Thiên Quyền ban cho đệ tử Liễu Năng có ghi rõ về pháp phái như sau: "Đệ tam thập nhất thế Thiên Đồng thượng Mộc hạ Trần Đạo Chí hòa thượng lưu truyền. Đệ tam thập nhị thế Báo Tư thượng Khoáng hạ Viên Bản Quả đại lão hòa thượng. Đệ tam thập tam thế Quốc Ân thượng Thọ hạ Tông Nguyên Thiều đại lão hòa thượng truyền hải nhi lai, trác tịch tư thổ, trạch hợp bạch truy, hóa duyên tương mãn phú chúc hữu tại, truyền chí. Đệ tam thập tứ thế Hoàng Long thượng Pháp hạ Thông Minh Dung Thành Chí đại lão hòa thượng. Đệ tam thập ngũ thế tự tổ sa-môn thượng Thiệt hạ Lâm Chí Kiên đại lão hòa thượng. Đệ tam thập lục thế tự tổ sa-môn hỷ thượng Tế hạ Khoan hiệu Thiên Quyền hòa thượng..." ■



Nói cho người biết người thấy

NGUYỄN MAI

Đức Phật tuyên bố rất rõ rằng Ngài đến với cuộc đời chỉ để làm sáng tỏ hai vấn đề: khổ và diệt khổ. *"Này các Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ"*¹. Có một ý nghĩa sâu xa và quan trọng trong lời tuyên bố của Phật. Tất cả những gì Ngài giảng dạy đều nhằm làm sáng tỏ sự khổ và cách thức diệt trừ khổ đau. Nói cách khác, mục đích của Phật là chỉ bày cho con người về sự thật khổ đau và con đường đi ra khỏi khổ đau. Phật không làm gì khác ngoài hai việc này. Người ta cũng không tìm thấy lời nào của Phật vượt ra ngoài hai phạm trù căn bản này.

Để làm sáng tỏ sự khổ và diệt khổ, Phật vận dụng nhiều cách thức khác nhau. Cái khổ của nhân sinh là thực và muôn hình vạn trạng, thế nhưng không phải ai cũng dễ dàng nhận ra. Con người có khuynh hướng lờ đi những gì khiến gợi lên ý nghĩa khổ đau bằng cách cố tìm kiếm các cảm xúc đối lập nhằm chống lại cảm thức bị thương tổn. Có rất nhiều thú vui, những "bức rèm cảm xúc" mà cuộc đời không ngừng sáng tạo ra để giúp cho con người tránh bớt cảm thức bị bối rối thương tổn trước các sự thật trớ trêu của hiện hữu. Hẳn nhiên, có nhiều sự thật bị che mờ, nhưng phần lớn chúng ta thì cảm thấy an tâm trong

một thế giới được che chắn mờ ảo bởi những thú vui giả tạm, những “bức rèm cảm xúc” như thế.

Khác với quan niệm của thế gian, Đức Phật không tạo thêm “bức rèm cảm xúc” nào nhằm xoa dịu cảm thức bối rối của con người trước sự thật khổ đau trần thế. Ngài chủ trương giúp cho nhân loại thoát khỏi cội rễ khổ đau bằng cách nêu rõ bản chất bất toại của hiện hữu, đồng thời chỉ bày cho con người cách thức nhằm chấm dứt sự khổ. Ngài được xem là người “phơi bày ra những gì bị che kín, đem đèn sáng vào trong bóng tối”. Ngài xác nhận rất rõ rằng Ngài thuyết giảng sự diệt tận khổ đau cho người biết (*jānato*) và người thấy (*passato*), chứ không phải cho người không biết (*ajānato*), không thấy (*apassato*)². Nghĩa là cho người biết rõ và thấy rõ sự thật khổ đau và sẵn sàng đối diện với nó bằng một thái độ hiểu biết và tỉnh táo, chứ không có mơ hồ tìm kiếm các thú vui giả tạm hay các “bức rèm cảm xúc” nhằm xoa dịu hay che giấu cảm thức bối rối sợ hãi. Chính vì thế mà người học Phật cần nuôi dưỡng cái nhìn chín chắn và trưởng thành về chính mình và về cuộc đời thì mới thấy hết cái hay cái lợi lạc của lời Phật dạy. Vậy Phật nói thế nào về cuộc đời này, trong ý nghĩa chỉ bày cho con người về sự thật khổ đau và cách thức diệt trừ sự khổ? Chúng ta xem qua ba luận đề sau đây do Phật đưa ra:

1. *Vị ngọt của các dục (Assāda)*: Phật xác nhận cuộc đời có vị ngọt, nghĩa là có sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu làm say đắm lòng người, khiến cho con người trở nên mê say, thích thú, nỗ lực tìm kiếm nhằm thỏa mãn lòng khao khát.

2. *Sự nguy hiểm của các dục (Ādinava)*: Bên cạnh vị ngọt khiến cho con người trở nên đam mê thích thú, Phật nói đến sự nguy hiểm của các dục hay lạc thú thế gian. Nghĩa là, vì để có được vị ngọt hay để thỏa mãn các ham muốn dục lạc mà đôi khi con người phải trả những cái giá như thế này:

- Lao tâm khổ tứ trong cuộc sống, phải làm việc cật lực, thức khuya dậy sớm, chịu nắng chịu mưa.
- Rơi vào phiền muộn khổ não, nếu công ăn việc làm bị thất bại.
- Lo lắng tài sản bị tổn thất bởi nạn trộm cướp, bởi quan lại nhũng nhiễu, bởi thiên tai hỏa hoạn hay bởi con cái phá tán.
- Rơi vào các việc làm xấu ác, vi phạm pháp luật khiến bị tù tội, chịu nhiều cực hình tra tấn khổ đau.
- Rơi vào tranh chấp cãi vã xâu xé lẫn nhau giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em hay giữa bạn bè với nhau chỉ vì mục đích thỏa mãn dục vọng.
- Tranh chấp dòng tộc, đấu tranh giai cấp dẫn đến đả thương, tàn sát lẫn nhau vì lý do danh vọng quyền lợi không được chia đều.
- Tranh chấp lãnh thổ, xâm chiếm đất đai, chiếm đoạt tài nguyên giữa các quốc gia khiến chiến tranh xảy ra gây chết chóc khổ đau cho vô số người.

- Tạo các ác nghiệp về thân, về lời, về ý do duyên dục vọng nên sau khi thân hoại mạng chung, bị tái sinh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

3. *Sự xuất ly các dục (Nissarana)*: Nhận thức rõ các mối nguy hại tiềm ẩn của dục lạc hay các lạc thú thế gian, khởi tâm tìm kiếm một nếp sống an tịnh, thiểu dục tri túc, hạn chế và rời xa các ham muốn thế tục bằng cách ứng dụng phương pháp chuyển hóa và phát triển tâm thức, dần dần đạt đến khả năng tự chủ, chiến thắng lòng đam mê thái quá đối với dục lạc hay sự say đắm các lạc thú thế gian.

Ba luận đề trên là tiêu biểu cho cái nhìn của Đức Phật về nhân thế trong ý nghĩa chỉ bày cho con người về sự khổ và cách thức chấm dứt sự khổ. Hai luận đề đầu nói đến sự khổ và luận đề thứ ba nêu rõ cách thức chấm dứt sự khổ. Đức Phật chỉ nói lên sự thật, thông qua kinh nghiệm giác ngộ của Ngài. Ngài nói đến vị ngọt của các dục và lòng đam mê các lạc thú thế gian là nguyên nhân của mọi rối loạn khổ đau và nêu rõ sự khắc phục lòng ham muốn dục lạc chính là con đường đi ra khỏi khổ đau. Đây hẳn là cái nhìn minh triết của bậc giác ngộ trong ý nghĩa khai mở con đường hạnh phúc an lạc cho nhân thế, một cái nhìn rất thực về ý nghĩa và giá trị nhân sinh rất đáng cho mọi người quan tâm suy ngẫm. Chúng ta chiêm nghiệm những lời dạy thiết thực của Phật³:

“Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị ngọt các dục?”

Này các Tỷ-kheo, có năm pháp tăng trưởng dục này: Các sắc pháp do nhãn căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn; các tiếng do nhĩ căn nhận thức... các hương do tỷ căn nhận thức... các vị do thiệt căn nhận thức... các xúc do thân căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, có năm pháp tăng trưởng dục như vậy. Này các Tỷ-kheo, y cứ vào năm pháp tăng trưởng dục này, có lạc hỷ khởi lên, như vậy là vị ngọt các dục.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là sự nguy hiểm các dục?”

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có thiện nam tử nuôi sống với nghề nghiệp, như đếm ngón tay, như tính toán, như ước toán, như làm ruộng, như buôn bán, như chăn bò, như bắn cung, như làm công cho vua, như làm một nghề nào khác. Người ấy phải chống đỡ lạnh, phải chống đỡ nóng, phải chịu đựng sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, bị chết đói chết khát. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, nếu thiện nam tử ấy nỗ lực như vậy, tinh cần như vậy, tinh tấn như vậy, nhưng các tài sản ấy không được đến tay mình, vị ấy than vãn, buồn phiền, khóc than, đấm ngực, mê man bất tỉnh: “Ôi! Sự nỗ lực của ta thật sự là vô ích, sự tinh cần của ta thật sự không kết quả”. Này các Tỷ-kheo, như vậy, là sự nguy hiểm các dục... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, nếu thiện nam tử ấy nỗ lực như vậy, tinh cần như vậy, tinh tấn như vậy, và các tài sản

ấy được đến tay mình, vì phải hộ trì các tài sản ấy, vì ấy cảm thọ sự đau khổ, ưu tư: “Làm sao các vua chúa khỏi cướp đoạt chúng, làm sao trộm cướp khỏi cướp đoạt chúng, làm sao lửa khỏi đốt cháy, nước khỏi cuốn trôi, hay các kẻ thừa tự không xứng đáng khỏi cướp đoạt chúng?”. Dầu vì ấy hộ trì như vậy, giữ gìn như vậy, vua chúa vẫn cướp đoạt các tài sản ấy, trộm cướp vẫn cướp đoạt, lửa vẫn đốt cháy, nước vẫn cuốn trôi hay các kẻ thừa tự không xứng đáng vẫn cướp đoạt chúng. Vì ấy than vãn, buồn phiền, khóc than, đấm ngực, mê man bất tỉnh: “Cái đã thuộc của ta, nay ta không có nữa”. Đây các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, vua tranh đoạt với vua, Sát-đế-ly tranh đoạt với Sát-đế-ly, Bà-la-môn tranh đoạt với Bà-la-môn, gia chủ tranh đoạt với gia chủ, mẹ tranh đoạt với con, con tranh đoạt với mẹ, cha tranh đoạt với con, con tranh đoạt với cha, anh em tranh đoạt với anh em, anh tranh đoạt với chị, chị tranh đoạt với anh, bạn bè tranh đoạt với bạn bè. Khi họ đã dẫn mình vào tranh chấp, tranh luận, tranh đoạt, họ công phá nhau bằng tay; họ công phá nhau bằng đá; họ công phá nhau bằng gậy; họ công phá nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Đây các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ dàn trận hai mặt, và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Đây các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ công phá thành quách mới trét vôi hồ và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Ở đây, họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ đổ nước phân sôi, họ đè bẹp nhau bằng đá, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Đây các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ đột nhập nhà cửa, họ cướp giết đồ đạc, họ hành động như kẻ cướp, họ phục kích các đường lớn, họ đi đến vợ người. Các vua chúa khi bắt được một người như vậy liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc đầu, họ dùng hình phạt bóc đôi hình (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò), họ dùng hình phạt la hầu khấu hình... hỏa man

hình (lấy lửa đốt thành vòng hoa)... chúc thủ hình (đốt tay)... khu hành hình (lấy rơm bện lại rồi siết chặt)... bì y hình (lấy vỏ cây làm áo)... linh dương hình (hình phạt con dê núi)... câu nhục hình (lấy câu móc vào thịt)... tiền hình (cắt thịt thành hình đồng tiền)... khối tráp hình... chuyển hình... cao đập đài... họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Đây các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm của dục... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý. Do họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý, khi thân hoại mạng chung, họ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đây các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, đưa đến đau khổ tương lai, là khổ uẩn, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nhân duyên, do chính dục làm nhân.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là sự xuất ly các dục?

Này các Tỷ-kheo, đó là sự điều phục dục tham đối với các dục, sự đoạn trừ dục tham, như vậy là sự xuất ly các dục¹.

Đáng chú ý rằng, về cách thức hay phương pháp khắc phục lòng tham mê dục lạc đưa đến chấm dứt sự khổ, Đức Phật nêu rõ một kinh nghiệm rất cụ thể mà chính Ngài đã trải qua, đó là hành Thiền hay thực tập chuyển hóa và phát triển nội tâm thông qua thiền định². Phật chủ trương hóa giải lòng tham mê dục lạc bằng thiền định, vì theo kinh nghiệm của Phật thì hành thiền khiến tâm hồn con người trở nên thanh cao hướng thượng do chúng nghiệm được thiền lạc, tức các trạng huống hân hoan, an lạc và thanh thản nội tâm như “hỷ lạc do ly dục sanh”, “hỷ lạc do định sanh”, “xả niệm lạc trú”, “xả niệm thanh tịnh”. Chính các trạng huống hạnh phúc an lạc nội tâm sâu lắng và an tịnh như vậy mới có khả năng chuyển hóa cách nhìn hạn hẹp của con người về ý nghĩa và giá trị của sự sống, giúp con người thấy rõ sự hạn chế và nguy hại của dục lạc, tìm thấy sự hài hòa, thanh thản và tự do trong đời sống hàng ngày, không còn xem dục lạc là mục tiêu cứu cánh của nhân sinh, thoát khỏi mọi ám ảnh và không bị chi phối bởi dục vọng, không còn ham muốn thái quá đối với các lạc thú thế gian. Nói cách khác, chỉ có hành thiền hay thực tập chuyển hóa và phát triển nội tâm theo pháp môn Giới-Định-Tuệ của Phật thì lòng tham mê dục lạc mới dần dần được chế ngự, các phiền não khổ đau (chủ yếu do tham dục tạo ra) mới dần dần được khắc phục và loại trừ.

Chú thích:

1. Kinh Xà dụ, Trung Bộ.
2. Kinh Tất cả lậu hoặc, Trung Bộ.
3. Đại kinh Khổ uẩn, Trung Bộ.
4. Tiểu kinh Khổ uẩn, Kinh Māgandiya, Đại kinh Saccaka, Trung Bộ. ■



Kẻ được hưởng

TÁN NGHĨA

Chuyện này do Bạc Đạo sư kể khi Người trú tại Kỳ Viên. Chuyện kể về một cô gái tên là Sujata. Cô này là con dâu của Anathapindika (Cấp-cô-độc), lại là con gái vị phú thương Dhananjaya và là em út của nữ cư sĩ Visakha.

Anathapindika là vị cư sĩ giàu có đã quy y với Đức Phật. Ông đã dát vàng toàn bộ Kỳ Viên tự và cúng dường cho Đức Phật. Visakha là vị nữ cư sĩ đứng đầu trong hàng nữ cư sĩ về hạnh bố thí. Kinh Tăng Chi Bộ viết: “Này các Tỷ-kheo, trong các vị đệ tử nữ cư sĩ có hạnh bố thí của ta, tối thắng là Visakha Migaramita”. Như vậy, cô con dâu của Anathapindika sinh ra trong một gia đình danh giá.

Cô ta về làm dâu nhà Anathapindika mà rất kiêu ngạo vì nghĩ rằng mình xuất thân từ một gia đình bề thế.

Mặc dù về làm dâu một thế gia, cô vẫn tự phụ về xuất thân của mình. Với những cô gái trẻ tuổi gia đình khá giả hay có truyền thống, việc coi nhẹ gia đình nhà

chồng rất dễ xảy ra. Đặc biệt nếu gia đình nhà chồng thua kém gia đình bố mẹ đẻ.

Cô rất bướng bỉnh, thô lỗ, nóng nảy và hung tợn. Cô từ chối các bổn phận với cha mẹ mới và đối với chồng. Cô đi khắp nhà gắt gỏng, rầy la và còn đánh đập mọi người.

Một hôm Bạc Đạo sư cùng năm trăm môn đệ đến viếng nhà Anathapindika. Mọi người ngồi xuống. Người Đại thương gia ngồi bên cạnh Thế Tôn và nghe Ngài thuyết pháp. Lúc ấy Sujata đang la mắng những người giúp việc.

Bạc Đạo sư ngưng nói và hỏi xem do đâu mà có tiếng ồn ào như vậy. Vị thương gia giải thích rằng đó là do người con dâu thô lỗ của ông, rằng cô ta đã không cư xử đúng đắn với chồng và cha mẹ chồng, rằng cô chẳng hề bố thí và không có điều nào tốt cả; bất nghĩa, vô tín, cô đi khắp nhà la mắng những người giúp việc.

Ông Anathapindika hẳn là rất phiền lòng về cô con dâu. Nay được Đức Phật hỏi thăm, ông tâm sự với Ngài.

Giàu như ông cũng có những nỗi buồn phiền của riêng mình. Không giàu có thì có những nỗi khổ riêng, còn giàu có cũng có những nỗi khổ riêng. Muốn mà không được thì khổ. Ông Anathapindika rất muốn có đứa con dầu ngoan hiền, vì thế mà ông rất khổ tâm.

Bậc Đạo sư truyền cho mời cô lại. Người phụ nữ kia đến và sau khi đánh lễ Bậc Đạo sư, cô đứng một bên. Bậc Đạo sư hỏi cô: "Này Sujata, có bảy loại vợ mà một người đàn ông có thể có, người thuộc về loại nào?". Cô ta trả lời: "Bạch Ngài, Ngài dạy vẫn tất quá, con không hiểu được, xin Ngài giải thích thêm". Bậc Đạo sư bảo: "Được rồi, hãy chú ý nghe đây". Rồi Ngài đọc đoạn thơ sau:

Tâm địa xấu, điều hay chẳng có
Yêu người ta ghét bỏ cả chồng,
Của tiền chồng tạo phá tung,
Gọi là "phá diệt" mới cùng xứng tên
Đồ chồng tặng do tiền mua bán,
Nghề tinh chuyên cuộc xéng nông gia
Cũng mong cấp lấy trích ra
Vợ mà như thế gọi là "gian tham".
Quên phận sự hung tàn lười biếng,
Lại tham lam xấu miệng, căm cay,
Nghịch quyền với kẻ dưới tay,
"Cao cường" là loại vợ này xứng tên
Còn có kẻ tôn khen điều tốt,
Chăm sóc chồng như một mẹ hiền,
Của tiền chồng tạo giữ gìn,
"Mẫu nghi" mới gọi đúng tên vợ này.
Tôn trọng chồng cũng tày như thế
Đàn em thơ kính nể người anh,
Nhún nhường tuân phục chồng mình
Vợ là "hiền muội" đúng tính chất chơn
Còn có kẻ chồng luôn mong thấy
Như bạn bè sau mấy độ xa,
Hiền dáng, đức độ nghiêm hòa,
Vợ mà như thế gọi ra "thân bằng"
Sợ hung tàn, khượng an trước khổ
Chẳng cuống si chỉ cố kiên trì
Chân tình chiều chuộng mãi ghi
Vợ kia phải gọi "nô tỳ" mới nên.

Bảy loại vợ này chúng ta có thể thấy trong đời sống của mình. Trong thực tế, mỗi người vợ có thể là sự kết hợp của nhiều loại. Vợ luôn tâm sự với chồng sẽ là "vợ như bạn" nhưng nếu chăm sóc chồng chu đáo thì cũng là "vợ như mẹ".

Này Sujata, trên đây là bảy loại vợ mà một người đàn ông có thể có. Ba loại vợ "phá diệt, gian tham, cao cường" sẽ bị tái sinh vào địa ngục. Bốn loại người vợ còn lại sẽ được sanh vào cõi trời thứ năm.

Vợ cao cường, gian tham, phá diệt,
Giận dữ hoai, chẳng biết kính ai;
Hết đời thoát xác, đầu thai,
Xuống nơi địa ngục khó ngày thoát đi
Vợ thân bằng, mẫu nghi, hiền muội,

Hoặc nô tỳ trong cõi đời này
Ngoan hiền tự chủ lâu dài,
Hết đời, thoát xác lên trời sống vui.

Nói theo thuật ngữ thời thượng của ngành giáo dục hiện nay là Đức Phật đang nói đến "chuẩn đầu ra" của bảy loại vợ. Có ba loại vợ có "đầu ra" là địa ngục và bốn loại vợ có "đầu ra" là cõi trời thứ năm.

Khi Bậc Đạo sư thuyết giảng về bảy loại người vợ như thế, Sujata đắc quả Dự lưu.

Quả Dự lưu là quả thứ nhất trong bốn Thánh quả. Người được quả Dự lưu có lòng tin vững chắc vào Phật, Pháp, Tăng và biết cách điều chỉnh bản thân để sống phù hợp với luật nhân quả.

Bấy giờ Bậc Đạo sư hỏi lại rằng nàng thuộc loại vợ nào thì nàng thưa: "Bạch Ngài, con là kẻ nô tỳ". Nói xong nàng đánh lễ Đức Phật và xứng đáng được Ngài tha thứ...

Một người đắc quả Dự lưu thì biết điều gì sẽ đem lại lợi ích cho hiện tại và tương lai cho mình và cho người khác.

Bấy giờ các Tỷ-kheo họp nhau tại Pháp đường và ca ngợi Bậc Đạo sư: "Này các pháp hữu, do một sự khuyên bảo đặc biệt, Bậc Đạo sư đã thuần hóa người phụ nữ kia và đưa nàng nhập quả Dự lưu". Bậc Đạo sư bước vào và hỏi xem họ ngồi với nhau đang thảo luận chuyện gì.

Trong các kinh điển, Đức Phật thường khuyên nhủ các đệ tử khi bàn luận với nhau thì chỉ nên bàn luận về các vấn đề giải thoát hoặc là "giữ sự im lặng như bậc thánh". Không nói những điều vô ích, là những điều không giúp ích gì cho sự tự điều chỉnh của bản thân, không giúp ích gì cho người khác, chỉ là những chuyện nói cho vui. Vì thế, khi các Tỷ-kheo ngồi bàn luận với nhau, Đức Phật thường hỏi thăm xem các vị đó bàn chuyện gì để nhắc nhở họ.

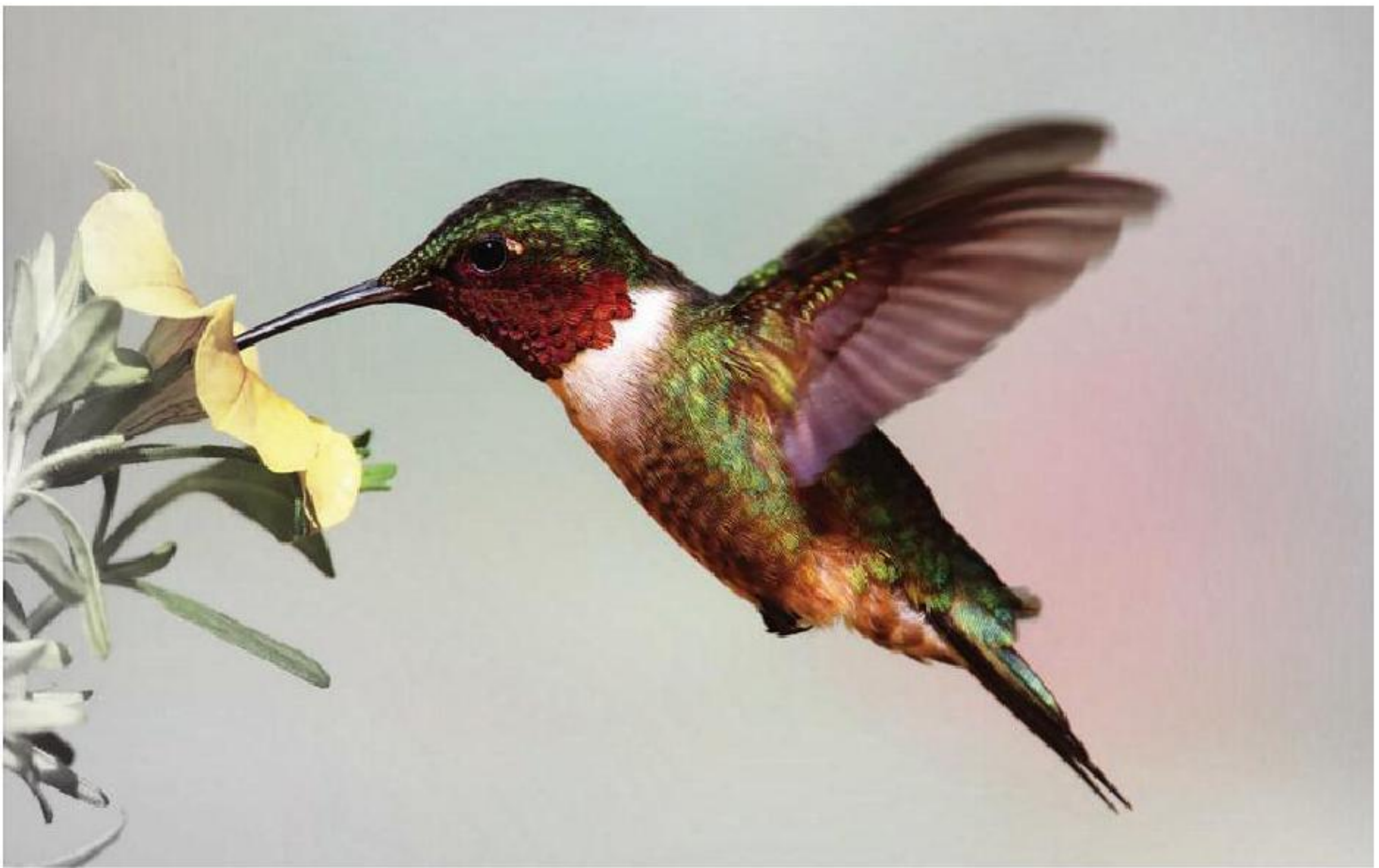
Họ thuật lại như trên. Ngài dạy: "Đây chẳng phải là lần đầu tiên Ta thuần hóa Sujata bằng một sự khuyên bảo đặc biệt đâu!". Rồi Ngài kể tiếp một chuyện tiền kiếp.

Việc khuyên bảo của Đức Phật có hiệu quả vì Sujata đã có nhân duyên từ trước với Đức Phật. Thông thường, để khuyên bảo một người, điều kiện cần trước hết là người đó chịu nghe mình nói. Muốn vậy mình phải "có duyên" với người đó. Trong một chuyện tiền thân khác, để khuyên bảo một người có tính bủn xỉn, Đức Phật đã phái Mục-kiền-liên đi vì vị đại đệ tử này có duyên với phú gia bủn xỉn ấy.

Ngày xưa khi vua Bramadatta trị vì xứ Ba-la-nại, Bồ-tát là thái tử do chánh cung hoàng hậu sinh ra. Người lớn lên và được giáo dục tại Takkasila. Sau khi vua cha chết, ngài nối ngôi và trị vì rất công chính.

Mẹ ngài là một người đàn bà rất nóng nảy, dữ tợn, thô lỗ, gắt gỏng, ác khẩu. Ngài chỉ mong sao khuyên được mẹ mình.

Mẹ của Bồ-tát trong kiếp đó chính là nàng Sujata ngày nay. Tính tình nóng nảy, dữ tợn của Sujata được "di truyền" qua nhiều đời. Bồ-tát kiếp đó là Đức Phật bây giờ. Vậy Sujata đã từng là mẹ của Đức Phật. Mỗi



quan hệ “cha mẹ, con cái” vốn là giếng mối trong Nho giáo bị phá hủy khi sang kiếp sống khác. Kiếp này là mẹ, sang kiếp khác có thể là vợ hay con. Do đó quan niệm “con cái phải tuyệt đối vâng lời cha mẹ” của Nho giáo không chắc đúng nữa vì đứa con trong kiếp trước có thể là ông thầy của cha mẹ hiện tại.

Ngài cũng nhận thấy rằng không nên làm điều gì bất kính đối với mẹ. Vì thế, ngài cố tìm một cơ hội để tiết lộ điều ẩn ý.

Như thế, trong Phật giáo, vai trò của con cái đối với cha mẹ có phần tích cực hơn trong Nho giáo. Đứa con ấy có thể có trí tuệ hơn cha mẹ và sự thể hiện đạo hiếu ở đây là sự khuyên bảo cha mẹ lánh ác làm thiện. Kinh Tăng Chi (chương Hai pháp, phẩm Tâm thăng bằng) viết: “... ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với cha mẹ xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các tỷ kheo, là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha”. Câu chuyện được kể tiếp tục như sau:

Một hôm ngài đi vào vườn hoa cùng với mẹ, có các nhà quý tộc doanh vẫy. Trên đường đi, một con chim cu cườm xanh đang kêu the thé trên cây. Khi ấy các nhà quý tộc đều bịt tai lại và la lên: “Cái âm thanh kinh khủng! Cái tiếng kêu ấy thật ghê khiếp! Đừng gây ra cái tiếng ấy nữa!”. Lúc Bồ-tát đi qua vườn hoa với mẹ thì một con chim cu đậu trong đám lá rậm của cây sala hót lên âm điệu ngọt ngào. Mọi người đều khoái trá khi nghe nó hót:

“Ôi! Thật là một giọng hót êm dịu, một giọng hót tốt lành, một giọng hót thanh lịch! Hót lên, chim ơi hót lên!”.

Bồ-tát chú ý đến hai sự việc này, nghĩ rằng đây là dịp may để tiết lộ ẩn ý của mình cho mẫu hậu: “Thưa mẹ, tiếng kêu của con chim cu cườm trên đường làm cho ai cũng phải bịt tai và thốt lên: đừng gây ra cái tiếng ấy nữa! Đừng gây ra cái tiếng ấy nữa! Và họ bịt tai vì âm thanh dữ dằn chẳng ai ưa cả”. Thế rồi ngài đọc đoạn thơ sau:

*Kẻ hường được vẻ ngoài duyên dáng
Thoạt nhìn vào tươi sáng đẹp thay
Nhưng buông lời nói chối tai
Gần xa khắp chốn chẳng ai yêu vì!
Chim cu kia, mẹ thường khi thấy,
Lỗi đốm đen xấu xí dường bao,
Tiếng kêu êm dịu ngọt ngào,
Bao nhiêu kẻ đã đón chào mến thương.
Mong tiếng mẹ dịu dàng thanh lịch
Lời khôn ngoan nỏ hết tự kiêu,
Âm thanh êm ái mỹ miều,
Lời kia là thánh lệnh nêu tỏ tường.*

Khi Bồ-tát khuyến dụ mẫu thân bằng ba đoạn thơ trên, người đã khiến mẹ suy nghĩ. Sau đó bà sống theo chánh đạo. Bằng lời nói, Bồ-tát đã làm cho mẹ thành một phụ nữ biết quên mình. Rồi về sau Bồ-tát đi theo nghiệp của mình.

Khi kể xong pháp thoại, Bạc Đạo sư nhận diện tiền thân: “Sujata là mẹ của vì vua ở Ba-la-nại, còn Ta chính là vì vua ấy”.

Ghi chú: Phần trích dẫn lấy từ bản dịch của TTM. ■



Tri ân Thiền viện Nguyên Thủy

NGUYỄN PHƯƠNG TRÌNH

Khóa tu thiền Tứ Niệm Xứ đợt I năm 2012 tại Thiền viện Nguyên Thủy mà tôi được tham dự đã kết thúc gần một tuần rồi; nhưng với tôi, dư vị và những kỷ niệm của khóa tu vẫn còn nguyên. Một vài buổi khuya, tôi giật mình thức dậy vì lo trễ thời thiền 4 giờ sáng của chùa, rồi ngậm ngùi nhận ra rằng mình đang chần ăm nệm ấm ở nhà.

Thú thật, tôi chưa bao giờ tìm hiểu hay nghiên cứu

bất cứ tài liệu nào về thiền, tôi cũng chẳng mong cầu sẽ đạt được kết quả mỹ mãn sau khóa tu. Biết tin tôi tham gia đợt tu này, bạn bè thì nhau chòng ghẹo và cùng dự đoán xem tôi trụ lại được bao lâu. Tuy nhiên, tôi quyết định đến với khóa thiền chỉ vì cuộc sống hiện tại quá mệt mỏi, tôi mất phương hướng và cứ mãi loay hoay tìm cách giải quyết bài toán cuộc đời; tôi chỉ mong sau mười ngày được sống trong môi trường Phật pháp,

tâm của tôi sẽ có được một nơi vững chãi để nương nhờ và quên đi những buồn lo, mệt mỏi về thất bại gần đây cả trong công việc lẫn tình cảm, Thiền viện Nguyên Thủy đã cho tôi còn hơn thế nữa.

Khoan hãy đề cập và đi sâu vào khía cạnh thiền nhé, vì tôi không phải một hành giả thân cận của Tứ Niệm Xứ đâu; tôi còn quá mới mẻ và non nớt để dám nêu lên những kiến thức và cảm nhận của tôi về môn khoa học thâm sâu và kỳ diệu trên của Đức Phật. Bài viết này tôi chỉ xin chia sẻ những kỷ niệm và cảm nhận của tôi về khóa Thiền, đồng thời tôi cũng muốn “khoe” với các bạn bè đạo hữu, những người con Phật, về những kết quả đạt được cũng như sự thay đổi theo chiều hướng tích cực của tôi ngay sau khóa thiền.

Đầu tiên, tôi xin chia sẻ về cuộc sống thường nhật tĩnh lặng nhưng không thiếu hơi ấm tình người tại Thiền viện Nguyên Thủy. Chính lòng yêu thương không toan tính, sự quan tâm và chia sẻ chân thành của quý Sư, quý Cô và các bạn thiền sinh xung quanh tôi đã là động lực chính yếu có ảnh hưởng trực tiếp giúp tôi nán lại khóa tu cho đến ngày cuối cùng. Tôi biết ơn lắm những lúc sư trụ trì Pháp Chất nhìn tôi và hỏi “Con nghe thấy thuyết pháp có hiểu gì không?”; tôi biết ơn lắm những khi cô Hạnh Chánh kiểm tra và la rầy vì phát hiện chúng tôi còn nói chuyện phiếm trong thời thiền, cũng như sửa cho chúng tôi tư thế ngồi thiền sao cho không đau lưng, đau cổ; tôi cũng biết ơn lắm cô Hạnh Giàu kéo tôi lại và thiết tình nói “Cô biết con đói bụng, con cứ ăn để còn lấy sức ngồi thiền, nhưng con ăn ở đây thôi nhé con, lên thiền đường bị la đó nha”. Tôi cũng nhớ nhất những giờ quét dọn chùa sau khi ăn sáng, tôi vui vì đã học được cách lao động tập thể, tự nguyện giúp đỡ và chia sẻ công việc một cách công bằng và bình đẳng với các thiền sinh đồng tu, tôi hạnh phúc khi nhận ra mình đã biết chạy đến đỡ lấy những xô nước nặng, cùng quét sân, hốt rác, lau thiền đường, lau dọn nơi ở trong sự thanh thản nhất của tâm hồn; tôi đã hạnh phúc khi được một bạn thiền sinh nam chia cho vài hoa Sala đẹp nhất mà bạn đã cất công chọn lựa từ sớm để cùng dâng cúng Phật. Khi các chị, các cô quan tâm hỏi xem tôi có đói bụng không, tôi ngủ có ngon không, tôi cảm nhận được sự quan tâm chân thành từ họ và tôi xúc động; mỗi buổi tối, tôi luôn nhanh chóng chìm vào giấc ngủ với cái nhoeo cười hạnh phúc trên môi, tôi hạnh phúc với tình cảm nhẹ nhàng từ mọi người xung quanh mà trước đó chưa từng quen biết nhau, tôi mỉm cười vì... tôi được thương. Qua mười ngày tu học, tôi nhận được bài học về cách yêu thương giữa người với người, những bài học quá đơn giản và mộc mạc nhưng chẳng bao giờ tôi tìm thấy được ngoài xã hội. Tình cảm đó xuất phát tự nhiên và bao bọc ngôi chùa như tình cảm của người cha, người mẹ dành cho con cái mình vậy.

Về vấn đề ngồi thiền, tôi phải thú nhận là tôi vẫn chưa đạt được kết quả tối thiểu của một hành giả thiền. Tuy nhiên, tôi có được những lợi ích khác, tôi học được cách

làm cho tâm an tĩnh, tôi biết cách vứt bỏ tất cả những suy nghĩ quá ảo tưởng và vô minh để giảm căng thẳng, quên đi những nỗi lo và mệt mỏi của cuộc sống bên ngoài; ngoài ra, tôi còn học được đức tính kiên nhẫn và không chiều chuộng những đòi hỏi liên tục và vô lý của cơ thể, tôi tập trung chăm chú và nâng niu cho phần tâm. Những ngày đầu ngồi thiền và không được phép trò chuyện, tôi cảm thấy bên trong tôi có một con mãnh thú cứ chực chồm lên đòi tự do, đòi được ăn vật, được trò chuyện, được nghe nhạc, gọi điện thoại, vào mạng internet; nó quấy đạp liên tục khiến tôi chỉ ngồi được cao lắm là mười phút và không thể tập trung. Những ngày sau đó, nghe theo lời dạy của thiền sư, tôi cố gắng đấu tranh với chính mình; tôi tự tưởng tượng ra một cái lồng sắt và nhét con mãnh thú của mình vào đó, cho nó mặc sức kêu gào và làm nũng, tôi quyết định làm ngơ và từ đó tôi ngồi được 20 phút, rồi 30 phút và hơn nữa. Ngoài những lời dạy quý báu của thiền sư, thì chính những lời động viên của các thiền sinh khác giúp tôi tinh tấn hơn trong việc ngồi thiền, tôi nhớ nhất lời của một chú thiền sinh lớn tuổi đã nói “Cái tâm mình nó đi du lịch hoài, đi xa lắm, khi đi Nha Trang, khi đi Vũng Tàu; nhiệm vụ của mình là phải lôi nó về đó con. Con lôi nó về tới quận Hai, rồi lôi về Cát Lái, lôi qua cổng Thiền viện Nguyên Thủy là con thành công”, hay lời của một chị thiền sinh khác đã giúp tôi có nhiều động lực hơn để ngồi thiền, “Mới đầu ngồi thiền đau đủ thứ, từ cổ xuống lưng, tê hết cả chân, nhưng nếu mình ráng vượt qua cái đau đó thì kết quả đạt được sẽ rất xứng đáng; ở đời đều vậy, cái gì khó khăn đạt được thì phần thưởng cuối cùng đều ý nghĩa em à”. Sau 10 ngày, tôi đã ngồi được một giờ và cảm nhận được sự an lạc cho tâm hồn. Tôi biết ơn vô cùng những lời động viên và chỉ dạy thân tình của mọi người nơi đây.

Mười ngày cho một hành giả học thiền là quá ngắn ngủi, song lại là một thời gian đủ dài cho một thanh niên đang tràn căng sự sống và nhiệt huyết, đã quen với cuộc sống ồn ào, ồn ào bên ngoài bước vào chùa. Thay vì tiếng còi xe inh ỏi, tiếng điện thoại reo đủ loại, tiếng người nói liên hồi, thì nơi đây, tôi được ngồi nghe tiếng chim hót ríu rít, tiếng cây cối xào xạc, tiếng mưa rơi khi rả rích, khi dữ dội, tiếng chú tắc kè uể oải, và tối tối ngồi ngắm cả một bầu trời đầy sao rồi mặc sức thả mình vào thiên nhiên. Có thể nhiều người cho rằng, tu có mười ngày thôi mà cũng làm cho to tát; nhưng với tôi, mỗi giây mỗi phút tại Thiền viện Nguyên Thủy vô cùng quý giá, tôi tha hồ cảm nhận và học hỏi cũng như xem xét, suy nghĩ và rút ra nhiều kinh nghiệm, bài học cũng như triết lý sống cho riêng mình.

Kết thúc bài viết này, tôi xin cảm ơn sư trụ trì Thiền viện Nguyên Thủy cùng các thành viên trong Ban tổ chức Khóa Thiền Tứ Niệm xứ 2012, kính chúc quý Sư, quý Cô cùng toàn thể các bạn thiền sinh có đầy đủ duyên lành, sức khỏe để tu hành tinh tấn và đạt được kết quả như ý.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. ■

Cầu cúng có được chăng?

MINH HẠNH ĐỨC



Thìh Vân thiền thoại kể rằng:

Có một ông nhà giàu quanh năm suốt tháng mãi mê đầu cơ tích trữ, vun vén cho bản thân, nuôi tham vọng làm cho cơ nghiệp ngày càng thêm lớn, bất chấp thủ đoạn, giẫm bừa lên khổ đau của người khác. Một lần vợ ông bệnh nặng, ông thỉnh một vị Tăng về nhà tụng kinh cầu phước giải bệnh. Ông nói với vị Tăng:

- Nhờ thầy thay tôi tụng kinh cầu nguyện chư Phật và Bồ-tát gia hộ cho gia đình tôi được bình an, việc làm ăn của tôi thêm phát đạt, vợ tôi qua khỏi cơn trọng bệnh, con cháu tôi sớm được thăng quan phát tài.

Nghe ông nhà giàu nói những điều mong cầu mà vị Tăng thờ dài ngao ngán. Vị Tăng muốn cảnh tỉnh ông, bèn làm lễ, tụng kinh và khấn lớn tiếng rằng:

- Nguyện chư Phật và chư Bồ-tát phương xa từ bi chứng giám, hiện tiền gia chủ cầu khẩn chư Phật, chư Bồ-tát gia hộ cho gia đình ông ta được bình an, làm ăn thịnh vượng, vợ ông mau chóng khỏi bệnh, con cháu thăng quan phát tài.

Ông nhà giàu nghe vị Tăng khấn nguyện lấy làm ngạc nhiên, thắc mắc:

- Bạch sư phụ, sao thầy lại cầu khẩn Phật và Bồ-tát phương xa mà không cầu khẩn các vị ở gần để các vị ấy đến đây cho mau lẹ?

Vị Tăng đáp:

- Sở dĩ tôi không cầu Phật và Bồ-tát ở gần là vì e ngại các vị ấy không chịu giúp ông. Ông nghĩ coi, bình thường ông chẳng làm việc phước đức, chẳng gieo nhân lành, không làm việc gì có ích cho ai, ngược lại còn xan tham, sân hận, si mê tà kiến, kiêu căng ngã mạn. Tôi e rằng Phật và Bồ-tát ở gần đây đều biết ông, các vị ấy sẽ không đáp ứng lời thỉnh cầu của ông. Vì vậy mà bất đắc dĩ tôi phải cầu chư Phật và Bồ-tát ở xa giúp ông, may ra vì không biết rõ về ông mà các vị ấy giúp ông ít nhiều.

Lúc bình thường không gieo nhân lành, không kết thiện duyên, không tạo công đức phước báu gì thì dù cầu chư Phật và chư Bồ-tát ở gần hay ở xa cũng khó có sự cảm ứng. Vị Tăng trong câu chuyện trên mượn việc cầu Phật

và Bồ-tát phương xa mà không cầu Phật và Bồ-tát ở gần để thức tỉnh ông nhà giàu, chứ kỳ thực chẳng phải Phật, Bồ-tát ở xa thì không hay không biết việc làm của ông nhà giàu. Đối với chư Phật và Bồ-tát thì không có chuyện ở xa hay ở gần mà không biết, quan trọng là người đời có thiện tâm hay không, có thật lòng hướng về Phật và Bồ-tát hay không, và tâm ý, việc làm của người đó có tương ứng với hạnh nguyện của các Ngài hay không. Có nghĩa là muốn cầu Phật và Bồ-tát có sự cảm ứng thì phải sống cho tốt, biết hành thiện, làm việc lợi ích cho mình và cho người khác, có lòng từ bi, hỷ xả, vị tha... Bởi vì Phật và Bồ-tát là những bậc toàn chơn, toàn giác, toàn thiện, toàn mỹ, muốn cầu các Ngài có cảm ứng thì tâm niệm và việc làm phải tương ứng với hạnh nguyện của các Ngài.

Trên thế gian không chỉ riêng ông nhà giàu nọ, còn có biết bao người trong lúc bình thường chẳng màng tội phước, không tin nhân quả, điên đảo thiện ác, không ngần ngại tạo nghiệp xấu, ác để thỏa lòng tham lam, sân hận, kiêu căng, ngã mạn, đến lúc tai họa giáng xuống đầu, gặp chuyện không may bất trắc xảy đến thì lạy lục cầu xin Phật, Bồ-tát che chở. Lúc đó dù có dâng cúng phẩm vật trọng hậu, quỳ mọp sát đất lạy lục đến mấy cũng chẳng ích lợi gì. Nhân quả tương ứng, đâu có Phật, Bồ-tát nào làm thiên lệch quy luật nhân quả được. Những người có tâm địa không tốt, xấu xa, độc ác, tham lam, ích kỷ, hẹp hòi thì làm sao có được kết quả tốt đẹp và làm sao có được sự cảm ứng nơi các Ngài.

Không nên chỉ biết trông cậy vào sự giúp đỡ, chở che của Phật, Bồ-tát, mà cần phải hiểu rằng sự gia hộ của Phật, Bồ-tát cũng do chính mình mà được, do việc làm thiện lành của mình, do công đức phước báo mình đã tạo mà có sự cảm ứng đó. Khi đã tin hiểu nhân quả thì biết muốn có cây lành trái ngọt thì phải gieo nhân tốt và tạo các duyên thích hợp, thuận lợi cho nhân đó phát triển. Ví dụ muốn cầu sống lâu trường thọ thì phải có ý thức giữ gìn sức khỏe, sống hợp vệ sinh, siêng năng vận động, rèn luyện thân thể, quan tâm đến chế độ dinh dưỡng, sống tiết độ, không làm tổn hại sức khỏe, tính mạng chúng sinh khác, biết phóng sinh, bố thí thuốc, các phương tiện điều trị cho người ốm đau bệnh hoạn... Muốn được giàu sang thì cần kiệm siêng năng học tập, lao động, giúp đỡ người nghèo khó đói rách, những người có hoàn cảnh neo đơn, cơ nhỡ bằng cách bố thí tài vật, phương tiện sinh kế v.v. Tóm lại, nếu không sống tốt, không biết gieo nhân lành, sống thiếu ý thức trách nhiệm đối với bản thân và xã hội thì đâu có Phật, Bồ-tát nào lại đi "phò hộ", "che chở", "giúp đỡ" cho.

Ngày nay hiện tượng tín ngưỡng nhiều nhưng ít người có được chánh tín, chỉ tin vào những điều dị đoan, huyền hoặc: nghe đồn chùa nào linh thì đến để cầu được ước thấy, xin bùa xin phép để làm ăn phát đạt, dán tiền lên tượng Phật, Bồ-tát hoặc lấy tay xoa lên tượng rồi xoa lên thân mình, chẳng biết những việc làm đó có ý nghĩa, lợi ích gì; suy nghĩ sai lầm, lệch lạc, mê tín cho



rằng chư Phật, Bồ-tát, thần thánh cũng có tâm niệm như phàm phu, từ đó dẫn đến những hành động mù quáng, sai lầm: Khi đến chùa thì xì xụp vái lạy cầu xin đủ thứ chuyện, cúng một ít tiền hay phẩm vật thì muốn Phật, Bồ-tát làm cho mình lắm điều, không biết họ nghĩ Phật, Bồ-tát là những ai, mỗi ngày ngồi chờ hương quả để cho họ sai khiến sao? Nếu những gì họ cầu xin mà được như ý thì thế gian chẳng có công đạo, luật nhân quả không còn. Những việc làm đó chẳng khác nào hủy báng chư Phật, Bồ-tát, hủy báng Chánh pháp.

Nếu bỏ tiền ra thật nhiều để cúng chùa, làm phước, bố thí, phóng sinh, in kinh, tạo tượng mà không cần thuận theo nhân quả, và chỉ làm có hình thức, không có thật tâm mà vẫn được phước báu, vẫn tai qua nạn khỏi, vẫn bình an, thì trên thế gian này chỉ có người giàu mới có được an vui hạnh phúc, vì người nghèo làm gì có tiền để làm phước, cúng chùa... Nếu bố thí với tâm tham, mong rằng nhờ việc bố thí mà mình giàu hơn, làm ăn thuận lợi hơn; nếu phóng sinh với tâm tham, bỏ tiền ra mua con vật rồi nhốt ở đó, chờ tụng kinh cầu nguyện cho mình được việc, mặc cho con vật đói khát trong chậu, trong lồng, quần quai khổ đau đang mong chờ sự sống; nếu cúng chùa với tâm tham muốn cho nhiều người biết đến mình, nhiều người hâm mộ mình, muốn cho Phật, Bồ-tát ghi công mình, phò hộ mình; nếu làm việc phước thiện với những tâm niệm ấy thì phước báu chẳng những không có được mà còn tăng thêm tà kiến. ■



Nghe kinh

PHẠM THANH CHƯƠNG

... Lỗi thời bỗng trẻ đất già
Có khôn thiêng nhẽ lại mà nghe kinh...

Nguyễn Du (*Chiêu hồn thập loại chúng sinh*)

Suốt trong thời thơ ấu, tôi sống cùng gia đình ở một vùng trung du, heo hút trên miền rừng cao, chung quanh là đồi núi chập chùng.

Làng mạc trải dài theo dòng sông, rải rác dăm ba ngôi nhà lợp tranh vách lá ở cách xa nhau cả cây số. Tất cả đều sống bằng nghề nông và

nương rẫy. Nhà tôi tương đối khá giả vì có mấy đám ruộng và vài con trâu, đó là cả gia tài của ông bà để lại. Khi tôi bắt đầu đi học ở trường làng thì thầy tôi (tôi gọi cha bằng thầy) cũng đã già. Hình như suốt quãng đời còn lại ông dành hẳn cho việc tu hành, đôi khi ông đi chùa cả tuần lễ mới về. Mọi việc ở nhà đều do mẹ tôi quán xuyến.

Một lần, tôi bị sốt cao, trong làng không có trạm xá hay thầy thuốc; ở làng bên, cách nhà tôi cả mươi cây số chỉ có một ông cụ đã già làm nghề thuốc Bắc. Ông chỉ



xem mạch và hốt thuốc cho những người bệnh đến nhà ông. Nếu người bệnh không đi đến để ông bắt mạch được thì người nhà đi thay và khai bệnh để ông “bỏ” vài thang về uống, thường thường ông ghi chữ Nho ngoài thang thuốc, người nào không đọc được thì ông nói miệng và nhắc đi, nhắc lại nhiều lần vì sợ họ quên, thang thuốc nào ông cũng “dặn” về đồ 3 chén nước, sắc còn 8 phân.

Tôi mệt lả vì cơn sốt, mẹ tôi để tôi nằm trên võng, tiếng võng kéo kẹt cùng với tiếng thấy tôi “ê..a” tụng kinh đều đều tạo nên một thứ âm thanh êm ả đưa tôi rơi dần vào giấc ngủ, đúng hơn là tôi bị cơn sốt làm mê rồi thiếp đi.

Khi tỉnh lại, tôi thấy thấy tôi cầm ly nước lọc và bảo tôi uống vào sẽ hết bệnh, tôi uống hết ly nước rồi nhắm mắt ngủ tiếp, trong giấc mơ tôi thấy mình đi trên cánh đồng đầy nắng, bên kia dòng sông có những người cao lớn rượt đuổi nhau đến tận chân núi xanh lơ phía trên có mây vàng che phủ.

Những ngày tháng sống lặng lẽ như vậy rồi cũng qua đi, sau này khi đã lớn tôi mới nghe mẹ tôi kể lại năm ấy tôi bị bệnh “thập tử nhất sinh” thấy mẹ tôi nghĩ chắc tôi không qua khỏi khi sống ở một nơi “đèo heo hút gió” như vậy, không có nhà thương, không có thầy thuốc, không có một phương tiện nào để chữa bệnh. Thấy tôi đã quì hai tiếng đồng hồ tụng kinh xin nước cho tôi uống với cả tấm lòng thành mong cho tôi qua khỏi.

Khi hồi tưởng lại câu chuyện năm xưa, tôi không biết do kháng thể trong người hay do uống ly nước thấy tôi “xin” trên bàn thờ với cả tấm lòng tin tưởng mà tôi hết bệnh?

Lúc lớn hơn một chút, tôi ra tỉnh học, thấy tôi xin tôi vào ở trọ trong một ngôi chùa. Đó là một ngôi chùa nhỏ nằm gần ga xe lửa, gian giữa chánh điện là nơi thờ phụng, hai bên là những dãy nhà lợp tôn, vách lá cho khách thập phương tạm trú trong những ngày lễ, vía. Tôi ở chung một căn phòng với anh Đạt, anh lớn hơn và học trên tôi 3 lớp. Những buổi chiều mùa đông trời lạnh căm căm, tôi nhớ nhà, nhớ mẹ tôi, nhớ dòng sông, đồng cỏ của những tháng ngày thơ ấu, những lần như vậy tôi thường ra chờ những chuyến tàu hỏa chạy qua, tàu chạy chậm, ống khói trên đầu tàu phun ra những đụn khói như những đám mây đen kịt, tiếng còi tàu khô khốc, buồn rầu như một lời từ biệt. Tôi lủi thủi trở về căn phòng vách lá của mình, trời lạnh như cắt da, tôi quần chăn nằm nhớ miền man ngòi làng, đồng cỏ, những ngày đi chăn trâu và những người cao lớn rượt nhau đến tận chân núi xanh lơ trong giấc mơ của những ngày thơ bé.

Gần khuya, tôi thức giấc lơ mơ nghe tiếng anh Đạt học bài bên chiếc đèn tù mù cạnh cửa sổ:

... Rằng nghe nổi tiếng cầm đài.

Nước non luống những lẳng tại Chung Kỳ...”

Anh Đạt đang học truyện *Kiều*, tiếng anh đều đều rồi nhỏ dần và tôi lại chìm vào giấc ngủ. Gần sáng tôi nghe tiếng chuông trên chánh điện, tiếng tụng kinh và tiếng gà gáy bên kia đường xe lửa. Tiếng tụng kinh êm ả như tiếng mẹ tôi ru tôi ngày thơ ấu. Tôi rưng rức nhớ tiếng võng giữa trưa, tiếng ve sầu râm ran trên hàng cau ngoài đầu ngõ, tiếng mưa rơi lộp độp trên tàu lá chuối lúc giữa khuya... Quê tôi nghèo khó, thiếu thốn mọi bề nhưng lại có quá nhiều điều để làm tôi nhớ.

Một lần tôi về lại nơi xưa, thấy mẹ tôi đã mất, những người quen chẳng còn ai, tất cả đều thay đổi, anh Đạt người ở trọ chung phòng với tôi trong ngôi chùa năm cũ cũng đã qua đời vì tai biến. Không biết tại sao tiếng học bài của anh trong suốt hơn bốn mươi năm qua cứ vương vấn mãi trong giấc ngủ của tôi và “lẽo đẽo” theo tôi đến tận bây giờ? ■



Thư gửi con

THÚY HƯƠNG

Ngày 30-5 vừa qua, tại nhà riêng của GS Trần Văn Khê ở Bình Thạnh, TP.HCM, đã diễn ra buổi ra mắt và giới thiệu cuốn sách *Thư gửi con* của GS Thái Kim Lan. Đến dự buổi ra mắt cuốn sách, người ta nhận thấy sự hiện diện của nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương, BS Trương Thìn, BS Đỗ Hồng Ngọc, nhà văn Nguyễn Thị Hoàng (người viết lời bạt cho *Thư gửi con*)... cùng rất nhiều những ông bố bà mẹ đang và sẽ có con quan tâm tới phương pháp nuôi dạy con vừa mới mẻ vừa rất gần gũi và rất Việt Nam, là nội dung của cuốn sách.

Buổi gặp gỡ các vị thân hữu và các ông bố bà mẹ quan tâm tới chủ đề *Thai giáo* biến thành buổi chia sẻ trao đổi rất thân tình, ấm cúng và xúc động giữa những người đọc *Thư gửi con* và tác giả của cuốn sách. Mở đầu, GS Trần Văn Khê nhắc lại một vài kỷ niệm rất sâu sắc của mình khi ông gặp GS Thái Kim Lan từ những năm 1960 và thể hiện những xúc động khi ông đọc cuốn sách đang được giới thiệu. Ông nhận xét, dù GS Thái Kim Lan sống tại nước Đức – quê hương của âm nhạc cổ điển Âu châu, của những Beethoven, Mozart... nhưng bà vẫn sử dụng hát ru trong quá trình nuôi dạy con, cho con bú chứ không cho ăn sữa bò, sử dụng nôi bằng tre thay vì chiếc nôi hiện đại. Ông cho rằng những chăm chút như thế của một người mẹ Việt là bằng chứng về tình

yêu thương vô bờ, về một cách giáo dục con hết sức triu mến, và về một tinh thần sốt sắng gìn giữ gốc tích và bản sắc người Việt. Ông cũng khẳng định rằng hát ru có vai trò nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ rất lớn lao mà dường như các bà mẹ Việt Nam hiện đại đang bỏ lỡ.

Trong buổi gặp mặt, GS Kim Lan có chia sẻ về nguồn gốc ra đời cuốn sách, về một vài phương pháp nuôi dạy con của mình, về vai trò của tình thương cũng như việc thể hiện tình thương đúng cách của các ông bố bà mẹ đối với đứa con.

Cuốn sách *Thư gửi con* gây ấn tượng với người đọc bằng một bìa sách rất giản dị nhưng trang trọng. Và đúng như những lời ở bìa 4 "Siết chặt con trong lòng hay nhìn con rời xa, người mẹ tâm niệm một điều: 'thương mấy cũng chưa vừa, thương như thế vẫn còn chưa đủ.' Chỉ với tâm niệm ấy, Con vẫn ở trong lòng Mẹ dù có bao giờ...", cuốn sách từ trang đầu tới trang cuối đều tràn đầy tình cảm thiết tha, triu mến của một người mẹ dành cho đứa con yêu quý nhất của mình bằng một giọng văn nhẹ nhàng, âu yếm. Bà như nói hộ bao nhiêu bà mẹ trên thế giới cái tình cảm thiết tha mà thiêng liêng ấy.

Một người mẹ Việt (gốc Huế) sống ở Đức từng cất công mua một chiếc nôi bằng tre để cho đứa con của mình được hưởng sự đung đưa nhẹ nhàng và dịu dàng của chiếc nôi tre Việt. Sống giữa cái nôi của âm nhạc cổ

điểm Tây phương vẫn hát ru ầu ơ cho con nghe để con hưởng trọn những câu ca dao ngọt ngào của tổ quốc. Công cuộc giáo dục của người mẹ Việt ấy đã tạo nên một cô con gái có tính cách hòa ái, đáng yêu, học giỏi, nói tiếng Việt (tiếng Huế đặc sệt) rất giỏi, dù tiếng Đức và tiếng Trung đều giỏi.

Điều đặc biệt ở chỗ dù tham khảo và chịu ảnh hưởng của bác sĩ M. Stellmann (một bác sĩ tiên tiến theo trường phái "nhân tính học") nhưng GS Thái Kim Lan vẫn luôn tìm cách áp dụng những gì rất Việt Nam, rất Huế, để hướng dẫn, nuôi dạy đứa con thân yêu của mình.

Vốn là một giáo sư triết học, bà Thái Kim Lan chia sẻ rằng cuốn sách *Thư gửi con* là một cuốn sách rất nhỏ, rất chân tình như là "trái tim của một đứa bé", tuy thế nó lại cho bà cơ hội được thể hiện một góc khác của con người bà. Đó là một người mẹ thương yêu con và trân trọng cơ hội được LÀM mẹ. Bà bộc bạch ngay từ đầu cuốn sách rằng "tôi sinh con ở trên đất khách, xa đại gia đình, xa mẹ và chị, những người phụ nữ thân yêu từng có kinh nghiệm đi trước" và lúc ấy lại đã hơi lớn tuổi, nên có nhiều người có cảm tưởng rằng bà "mê con". Quả thật cuốn sách dường như bộc lộ một sự vui mừng khi có con, đứa con với bà là một điều gì đó vô cùng quý giá, rất đáng nâng niu. Bà đã tìm đủ mọi tài liệu, kinh nghiệm hướng dẫn để nuôi dạy con. Và trong quá trình tìm tòi ấy bà không chỉ tìm thấy những kinh nghiệm nuôi dạy con của phương Tây hiện đại mà còn ở trên con đường tìm về với quê hương, với cội nguồn dân tộc. Bà đã hát ru con nhiều đến nỗi khi tới 5-6 tuổi, Mai Lan (tên người con gái của bà) gần như đã thuộc lòng những "công cha như núi Thái Sơn", "con cò mày đi ăn đêm", "cái cò cái vạc cái nông...". Cũng từ những câu ca dao ấy, và thêm nữa là những câu chuyện cổ tích, mà hình ảnh quê hương xứ Huế đi vào tâm trí của cô con gái của bà tự nhiên, hồn hậu và cũng thấm đẫm tình cảm nồng nàn với Huế như bà vậy. Bà vui mừng cho biết, dường như con gái bà thương Huế như chính bà thương Huế vậy.

Điều đặc biệt nữa là ngoài việc hát ru con, bà còn kiên quyết nói tiếng Việt với con. Không hề lo ngại con sẽ học kém tiếng Đức, bà kiên trì, nhẫn nại, không sợ mất thời gian, bà chỉ nói chuyện với con bằng tiếng Việt; và sau này cả nhà đều nói tiếng Việt khi giao tiếp với nhau. Con gái của bà chẳng những giỏi tiếng Việt (nói giọng Huế đặc sệt) mà còn giỏi cả tiếng Đức và cũng không hề chịu đựng bất kỳ rắc rối nào trước vấn đề *trở ngại về trí tuệ* như nhiều người vẫn lo ngại.

Phương pháp của bà còn liên quan tới hàng loạt các đề tài dinh dưỡng cho trẻ như là: cho trẻ bú mẹ, tới 2 tuổi không trẻ ăn đường, không bú bình, vận động như thế nào, chuẩn bị quần áo cho trẻ... nhưng điều có thể khiến cho người ta kinh ngạc hơn là ngay từ khi mang thai em bé, bà Thái Kim Lan đã hàng ngày ngồi thiền, niệm Phật; với một nhận thức rõ rệt về *thai giáo*. Như đã được nêu rõ trong cuốn sách, bà dành hẳn một

chương "Niệm Phật cùng con" để nói về điều này.

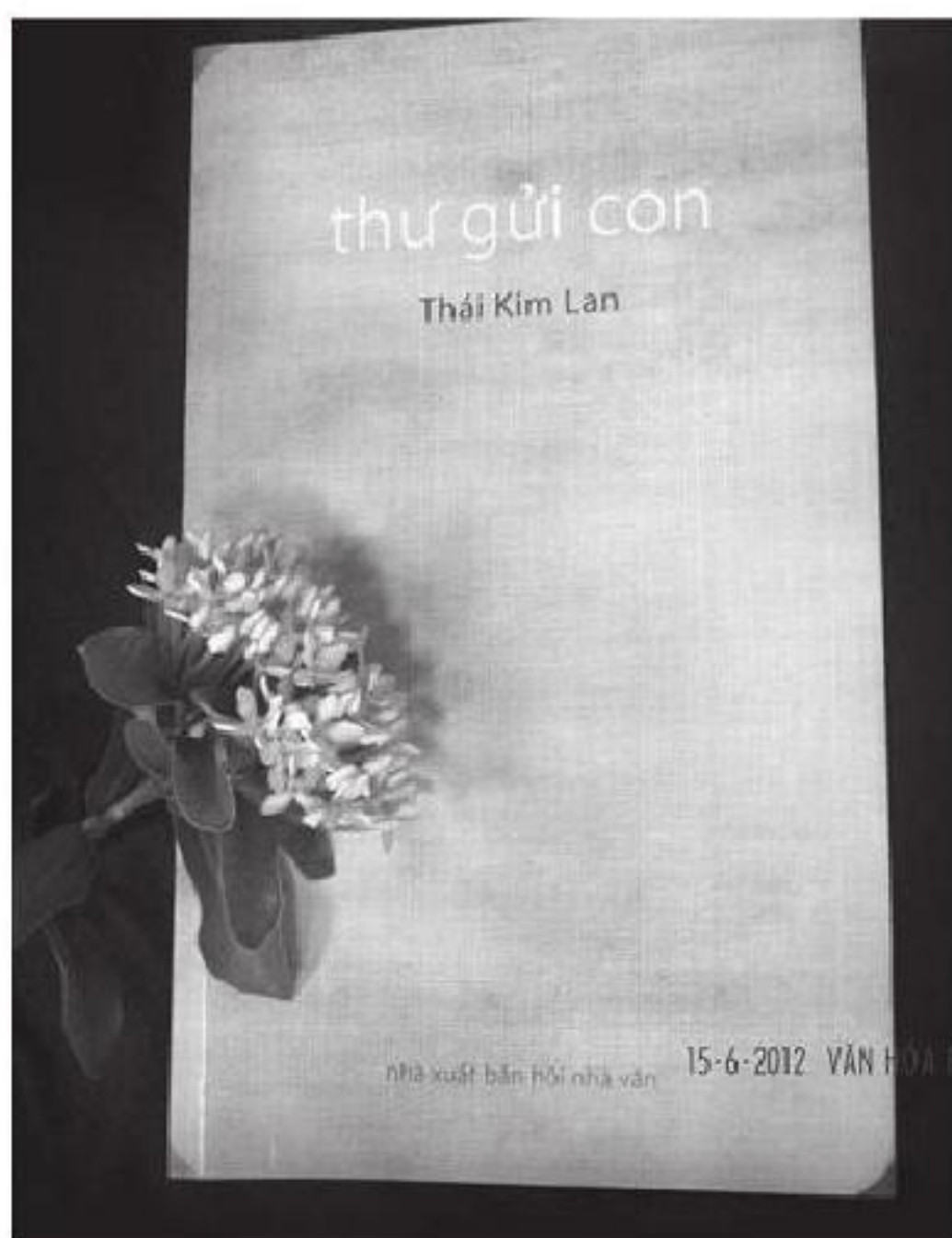
Từ những dấu ấn tuổi thơ, bà cũng được nuôi dạy trong bầu sữa mẹ, trong lời ru và đặc biệt là trong tiếng tụng kinh trầm trầm, đều đặn, kiên trì của bà nội. Bà viết thế này: "Giữa tiếng ru con giọng Huế lạc lõng bên trời Âu, con tôi đã được nghe tiếng niệm Phật của mẹ ngay những ngày đầu trong đời. Khi lên bốn tuổi đứa con đã thuộc lòng "Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật", đã biết chấp tay cúi đầu trước tượng Bốn sư và thấy thân thuộc khi nghe tiếng chào "A-di-đà Phật"...

"Suốt mười mấy năm, việc trì tụng "Nam-mô Bốn sư" không một chút hình thức ấy đã cho hai mẹ con những giây phút hòa đồng và ấm áp nhất, nếu không nói trong khi cùng nhau trì tụng, mẹ với con trở thành là MỘT như thuở chưa sinh, nhưng lần này là một nhất thể gấp đôi: qua tiếng kinh không những con ở trong mẹ mà chính mẹ cũng ở trong con, mẹ con bình đẳng như tất cả chúng sinh trong một tiếng niệm Phật Bốn sư".

Ngoài niệm Phật ra, bà còn thực tập thiền (cùng với một nhóm thiền sinh học Phật), bà cho rằng thực tập thiền với thai phụ giúp ổn định những trạng thái tâm lý như hoảng hốt, lo âu, sợ hãi cùng nhưng tâm lý phức tạp khác. Ngoài ra, thực tập thiền cũng là một cách giúp thai phụ tư duy tích cực hơn, giúp ích nhiều cho đứa bé trong bụng.

Và kết quả là: "Một cách vô thức tôi với con trong nhiều năm tháng của cuộc đời đã cùng nhau ương trồng một vườn sen thơm ngát vị Đạo trong một lời niệm đơn giản thuần thành "Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật".

Gấp cuốn sách lại, độc giả có thể cảm thấy tác giả là một bà mẹ hạnh phúc rạng ngời, toàn vẹn, một bà mẹ đã làm tất cả những gì tốt đẹp nhất vì con. Một người mẹ có thể nói là đã trưởng thành cùng con, học hỏi về mình, về con, về thế giới xung quanh qua hành trình nuôi con. Đó quả là một hành trình không dễ dàng nhưng rất đáng đi với mọi bà mẹ trên đời. ■





Tình nhân loại... trong chiến tranh

TRẦN VĂN CHÁNH

Có câu chuyện mới xảy ra gần đây thật cảm động về hai cựu binh người Úc đã từng tham gia chiến cuộc tại Việt Nam:

Sau nhiều năm trần trở, nhẩn nha tìm tòi khắp nơi, rồi lặn lội đường xa, sáng ngày 3.4.2012, hai ông Laurens Wildeboer và Derrill De Heer, cựu binh Úc, đã tìm đến được gia đình của một liệt sĩ Việt Nam ở Đồng Nai để trao lại cho bà mẹ già của liệt sĩ này những kỷ vật mà hai ông đã lưu giữ trong suốt 42 năm. Trong cuộc hội ngộ ly kỳ hiếm có này của những người trong thời chiến tranh vốn thuộc hai bên chiến tuyến, ai cũng cố kìm nén để khỏi bật thành tiếng khóc lớn.

Người liệt sĩ nói trên tên Phan Văn Ban, chết trận năm 1970, hiện vẫn còn mẹ già 85 tuổi ngụ tại ấp 2, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Vào đến nhà rồi, sau phần thủ tục giới thiệu, cựu binh Derrill De Heer bắt đầu nhìn chiếc hộp đựng kỷ vật rồi mở lời: "Đây là những gì mà Laurens đã lưu giữ của liệt sĩ Ban suốt 42 năm qua. Laurens đã day dứt bao nhiêu

năm, đến ngày hôm nay mang đến cho mẹ". Laurens mở hộp, lấy từng kỷ vật trao cho bà mẹ liệt sĩ: "Đây là chiếc khăn choàng kèm với cuốn sổ ghi chép của liệt sĩ Ban mà trong chiến tranh tôi đã giữ được". Rồi ông nói tiếp, cố kìm nén xúc động: "Xin lỗi mẹ về những gì đã xảy ra trong quá khứ. Liệt sĩ Ban và những người lính Việt Nam thật tuyệt vời. Họ thật tuyệt khi làm tất cả vì đất nước. Những kỷ vật mang đến hôm nay cho mẹ để mẹ và gia đình thanh thản" (xem báo *Tuổi Trẻ*, 4.4.2012, trang 18).

Như chúng ta đều biết, Úc là một nước đồng minh của Mỹ đã cùng với vài đồng minh khác nữa tham gia cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài tại Việt Nam trước đây. Vì nghĩa vụ quân sự, nhiều người lính phải rời bỏ quê hương để tham dự vào một cuộc chém giết mà bản thân họ đều không mong muốn và chủ động, nên có lẽ không ai hiểu rõ tính chất phi nhân tàn bạo chỉ mang đến đau khổ của chiến tranh bằng chính những người lính dự trận bất đắc dĩ mà mạng sống là do những quyết định ở đâu đâu khác. Vì thế khi chiến tranh kết thúc năm

1975, những người lính thoát chết như vậy chỉ biết có vui mừng vô điều kiện mà chẳng chút hận thù, kể cả hận thù đối với những người trong hàng ngũ buộc lòng họ phải coi là đối địch của một thời. Các chính phủ của họ cũng chẳng mất công sức làm cái việc tuyên truyền cho lòng thù hận để chờ dịp... phục thù...

Thật ra, từ nhiều năm trước, đã từng có những cựu binh Mỹ cũng đem kỷ vật nhật được trong lúc giao tranh với bộ đội Việt Nam để trao lại cho gia đình kẻ quá cố, với những chi tiết câu chuyện cảm động không kém. Họ làm như vậy vì một nỗi day dứt thấm sâu kéo dài trong lòng do chiến tranh gây ra, và như một cách biểu thị sự ân hận đồng thời giải tỏa tâm lý, cũng như để chia sẻ với số phận không may của người lính trận kém may mắn hơn mình.

Sau chiến tranh, không ít người lính Việt Nam ở cả hai bên chiến tuyến cũng kể thật rằng khi ra trận thì họ phải đánh, bắn vậy thôi chứ đâu có thù hận chi ai, và thường thì anh nào cũng sợ chết gần giống như nhau, hết như mấy câu thơ của Phan Xuân Sinh làm để chia sẻ tâm sự với những người lính cộng sản từ Bắc vào, trong dịp Tết năm 1972, trong khi hai bên tạm ngừng bắn để ăn Tết:

*Thằng lính nào mà chẳng rét lúc ra quân,
Khi xung trận mà không té đái!...*

Nói cho chính xác công bằng, thật ra cũng có trường hợp thù hận, nhưng chỉ nhất thời, do bối cảnh đặc biệt bị quy định và xui khiến bởi cuộc chiến tranh, nên khi hòa bình lập lại rồi thì hầu như ai cũng có dịp suy đi nghĩ lại... John Merson, tác giả cuốn *Những bài học chiến tranh* (*War Lessons*, bản dịch của Trần Gia Quang, NXB. Thời Đại, 2010) là một trong rất nhiều trường hợp điển hình như thế. Tham gia giai đoạn đầu cuộc chiến tranh Việt Nam từ tháng 4.1966 đến tháng 5.1967 thì được trở về quê hương an toàn, và năm 2008 ông đã viết cuốn sách nêu trên để tỏ lòng ân hận: *"Theo kinh nghiệm của tôi, không có người chiến thắng trong chiến tranh, chỉ có những hình thức mất mát khác nhau mà thôi"* (tr. 198). Ở một chỗ khác, trong phần "Tái bút" đặt ở cuối sách, ông viết: *"Tôi đã bắt đầu không còn xem những người lính Việt Nam là kẻ thù của tôi nữa mà thay vào đó, là những người anh em của tôi"* (tr. 212).

John Merson nói như thế hoàn toàn không giả dối, cũng không do đột hứng nhất thời, vì sau khi chiến tranh kết thúc, ông đã nhiều lần trở lại Việt Nam làm tất cả những gì có thể làm được nhằm góp phần xoa dịu đau thương và hàn gắn vết thương chiến tranh, như một cách để chuộc lỗi... Tác giả lại viết tiếp, *"Tôi muốn giúp hàn gắn những vết thương tôi chứng kiến ở quanh mình, cũng như những vết thương trong lòng tôi. Tôi hết sức phấn khởi khi gặp lại một đất nước mà tôi nhớ bởi cả vẻ đẹp thiên nhiên xen lẫn sự đau khổ của con người"* (tr. 213).

* * *

Như một cách để kỷ niệm ngày 30.4.1975 chấm dứt cuộc chiến tranh Việt Nam, báo *Tuổi Trẻ* năm nay đăng bài "Chuyện hai người lính" (*Tuổi Trẻ*, 30.4.2012) của nhà

báo Hàng Chúc Nguyên, đọc cảm động không kém gì câu chuyện hai cựu binh người Úc đã kể trên kia.

Chuyện người thật việc thật, với nhiều tình tiết sống động, nhưng đại khái: Năm 1972, khi chiến trường diễn ra ác liệt, một người bộ đội miền Bắc đang ở tuổi 19 bị thương nặng, nát cả đôi chân, nằm ướt mẹp thoi thóp bên dòng suối giữa rừng chờ chết. Đồng đội buộc phải đi tiếp vì nếu không sẽ chết chung cả đám, đành treo chiếc võng trên cành cây thấp rồi đặt anh nằm lên đó, ghi dấu lên thân cây để sau còn có thể tìm xác lại được. Một toán quân địch đi tới phát hiện, có người định "cho nó một phát cho rồi" nhưng có một người khác ngăn cản rồi kéo mọi người đi, "để cho anh ta tự chết". Khi tỉnh dậy, người chiến sĩ thấy trên ngực mình để sẵn một chiếc biđông đầy nước và dưới võng có hai bịch gạo sấy. "Trong cơn khát cháy cả ruột gan, chiếc biđông nước ấy đã giúp tôi kéo dài được sự sống, giúp tôi sống", người lính kể. Sau đó anh được đưa về trạm xá điều trị và thoát chết. Năm 1974, ông được đưa ra miền Bắc tiếp tục điều trị và học tập văn hóa, để đến khi hòa bình lập lại, làm hiệu trưởng một trường trung học lớn ở Quảng Ngãi.

Thời bom đạn đã qua, người cựu chiến binh đó luôn nghĩ về chiếc biđông nước và hai bịch gạo sấy của người lính đối phương đã để lại trên ngực mình. Rồi anh đánh tiếng khắp nơi, nhờ bạn bè giúp đỡ, quyết tìm mọi cách cho ra người lính vô danh ở bên kia chiến tuyến để đến ơn cứu tử, và rốt cuộc đến năm 2005 đã may mắn tìm được. Người lính vô danh này sau trận đó, đến năm 1973, cũng bị thương tại chiến trường Quảng Ngãi, mất một tay, thành thương phế binh. Cuộc trùng phùng thật cảm động: người cựu chiến binh mất một chân này nắm lấy bàn tay còn lại của người kia, ôm nhau mà nước mắt tuôn trào, nhận nhau làm anh em như chung một nhà.

* * *

"Người mà tôi không giết" là một câu chuyện khác (bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, in trong quyển *Ý cao tình đẹp*, NXB. Trẻ, 2004), được người kể chuyện nâng lên bằng những lời bình luận còn sâu sắc hơn nữa về tình nhân loại. Tác giả là André Chamson, một sĩ quan cấp đại úy người Pháp trong cuộc chiến tranh Đức-Pháp hồi Thế chiến thứ hai: Sáng hôm đó trời lạnh 28 độ dưới số không, dẫn một toán quân do thám đi, ông phát hiện một người lính Đức ở cách chừng 60-80 mét cũng đang làm công tác do thám cho phía bên kia, và đưa họng súng nhắm ngay vào sau gáy người kia định bóp cò. "Nhưng đang lúc tôi sắp bóp cò thì hắn nhảy lên, lắc lư như một con gấu... Tôi mở cả hai mắt ra, cảm thấy rằng mấy giây trước, hình đó đối với tôi chỉ là cái đích để nhắm thì bây giờ là một người rồi, một người cũng như tôi, bị rét cắt da..., chỉ nghĩ cách chống với cái rét và quên cả chiến tranh... Nòng súng của tôi tự nhiên hạ xuống, và tôi không nhắm lại nữa...".

Viên đại úy (tức André Chamson) còn có dịp nhận dạng người lính Đức đó khi anh ta đóng vai trò đứng

gác trước mỗi toa xe chở tù binh Pháp đưa vào các trại giam. Ngay lúc ấy, lòng hận thù lại có dịp sôi sục, và viên đại úy ân hận rằng lần đó sao không bắn anh ta một phát cho rồi. Nhưng sau khi chiến tranh kết thúc, do một sự tình cờ, viên cựu đại úy Pháp gặp lại người lính Đức kia bấy giờ đã là một học giả cùng dự chung trong một cuộc hội nghị quốc tế: *"Nét mặt một học giả, hơi nghiêm, hơi buồn, nhưng bình tĩnh. Như đa số chúng tôi, ông ta có vẻ một người sống sót sau một tai ách ghê gớm... Trong chúng ta, ai là người còn có thể giết kẻ đồng loại được khi biết rõ kẻ đó, biết nhân tính, đời sống của kẻ đó? Người ta có thể hạ sát một tên lính địch, một con người máy không tên tuổi không mặt mũi, nhưng làm sao có thể giết một người thợ mộc, một người thợ tiện, một nông dân, một họa sĩ, một nhà ngôn ngữ học, một người có vợ con, có cha có mẹ, một người có thể đói rét, sống trong cảnh rầu rĩ hoặc trong niềm hi vọng, một người như chúng ta"* (tr. 221-222).

Rồi tác giả bình luận, kết thúc câu chuyện: *"Hình ảnh người lính do thám Đức mà tôi không nở bắn trong ngày mà thời tiết lạnh nhất đó đã làm cho tôi hiểu một cách sâu sắc hơn là dùng trí óc để suy tư, rằng nếu mỗi người trong chúng ta có thể giảng cho những người đồng loại cảm thấy được rõ mỗi đời người có sự trang nghiêm ra sao, mỗi con người chắc chắn có những nhu nhược ra sao, giảng được như vậy thì sẽ không thể có chiến tranh nữa"* (tr.222).

* * *

Những câu chuyện có thật và cảm động như trên cung cấp cho chúng ta nhiều tài liệu sống động để chiêm nghiệm chính xác hơn về hoàn cảnh thống khổ của con người trong mọi cuộc chiến tranh, từ đó cũng thấy được thế nào là tình đồng loại bộc lộ giữa những con người buộc phải ở hai chiến tuyến đối địch nhau. Đó cũng là những câu chuyện mang ý nghĩa sâu sắc cho vấn đề hòa giải hòa hợp dân tộc của ngày hôm nay. Tất cả đều nói lên được cái mà chúng ta gọi là tình nhân loại hay tình đồng loại, phát ra một cách tự nhiên giữa những con người đồng cảm nhau trong cùng cảnh ngộ ác liệt của chiến tranh đau khổ.

Sau tháng 4.1975, khi chiến tranh đã kết thúc hẳn, một số chiến sĩ cộng sản may mắn còn lạnh lặn được trở về sum họp gia đình, đã không ngần ngại và vui vẻ kể lại rằng, có lúc, sau những trận giao tranh ác liệt và trên đường rút quân, họ trông thấy những người lính Việt Nam Cộng hòa bị thương máu me đầy mình, nằm ngổ la liệt trong góc rừng chờ đồng đội cứu nạn, hoặc cũng có thể chỉ coi là chờ chết. Trong khoảnh khắc đó, tự nhiên họ không còn thù hận, mà nảy lên một thứ tình đồng loại. Còn gì mang trên mình, như gạo, muối, nước uống..., họ đem chia sẻ hết cho những người lính đối phương đang thọ nạn đáng thương ấy, rồi lặng lẽ tiếp tục cuộc hành trình, mà không hề nghĩ cũng như không hề cảm thấy có sai phạm gì đến vấn đề... quan điểm chính trị của thời đó...

Sự cảm thông lẫn nhau do những chỗ tương đồng giữa con người với con người về những mối cảm xúc,

nguyện vọng và nhu cầu... là có thể hiểu được, mà Khổng Tử gọi là "năng cận thủ yên" (lấy ở người gần mình, suy bụng mình ra bụng người), như cùng tham sống sợ chết, cùng mong muốn được an toàn, hạnh phúc..., đã làm phát sinh nên cái tình nhân loại hay đồng loại đó, vốn cũng đã được nhắc nhở khi chúng ta còn ngồi dưới mái học đường, như nội dung một số bài học thuộc lòng sau đây đã diễn tả. Những bài này được tìm thấy lại trong vài quyển sách giáo khoa tiếng Việt bậc tiểu học đã cũ nát trước đây ở miền Nam (giai đoạn những năm cuối 50 của thế kỷ trước), xin được chép ra để lưu giữ và cũng để kết thúc câu chuyện về tình nhân loại... trong chiến tranh:

NHÂN LOẠI

Màu da như thế áo bên ngoài,
Trắng, đỏ, vàng, đen, khác giống nòi.
Người vẫn là người, nhân loại cả,
Cũng vui, cũng khổ, cũng ai hoài.
Cũng biết hân hoan, cũng nói cười,
Cũng lo làm việc để sinh nhai.
Cũng vui sum họp, buồn ly tán,
Máu đỏ đầu xanh cũng một loài.
Cùng dòng lệ chảy, lúc lòng đau,
Trước cảnh chia ly cũng ứa sầu.
Chớ vì màu da đen với trắng,
Mà đem súng đạn giết chung nhau.
Chớ vì màu da đen với trắng,
Cùng trong nhân loại phải thương nhau.

LÊ VĂN TẮT

(Tiểu Học Nguyệt San, 3.1959)

TÌNH NHÂN LOẠI

Sau một trận giao tranh ác liệt,
Giữa sa trường xác chết ngổn ngang.
Có hai chiến sĩ bị thương,
Hai người hai nước hiện đương nghịch thù.
Họ đau đớn khừ khừ rên siết,
Vận sức tàn cố lết gần nhau.
Phếu phào gắng nói vài câu,
Lời tuy không hiểu, hiểu nhau nỗi lòng:
Họ hai kẻ không cùng Tổ quốc,
Nhưng đã cùng vì nước hi sinh.
Cả hai ôm ấp mối tình,
Yêu thương đất nước, gia đình, quê hương.
Đêm dần xuống, chiến trường sương phủ,
Một thương binh hơi thở yếu dần.
Trước khi nhắm mắt từ trần,
Xót thương người bạn tắm thân lạnh lùng.
Anh cởi áo đắp trùm lên bạn,
Rồi tắt hơi! thê thảm làm sao!
Cho hay khác nghĩa đồng bào,
Nhưng tình nhân loại còn cao hơn nhiều!

ĐẶNG DUY CHIỂU

(Quốc văn mới, dẫn lại theo
Tiểu Học Nguyệt San, 3.1958) ■



Chùa Hoa

trong đời sống của người dân Cần Thơ

TRẦN PHÓNG ĐIỀU

Sử liệu cho biết người Hoa đã có mặt ở Nam Bộ cách nay hơn 300 năm. Tuy nhiên, Cần Thơ là vùng được khai phá về sau nên người Hoa định cư ở Cần Thơ có phần muộn hơn so với các nơi khác. Ngôi chùa Hoa xưa nhất ở Cần Thơ hiện nay là Thất Phủ Võ Miếu tại Thốt Nốt được xây cất vào năm 1883. Như vậy, cộng đồng người Hoa định cư ở Cần Thơ đông đúc và ổn định sớm nhất cũng vào khoảng cuối thế kỷ XIX.

Lúc đầu, khi mới đặt chân đến Việt Nam, người Hoa cảm thấy lạ lẫm trước cảnh xứ lạ quê người. Trong buổi đầu ấy, họ phải trải qua rất nhiều khó khăn để ổn định cuộc sống. Từ phong tục tập quán, thổ ngữ, ngôn ngữ... mọi thứ đối với họ đều xa lạ. Nhưng với bản chất cần cù, chịu khó, người Hoa đã dần dần thích nghi với hoàn cảnh mới. Từ công việc chọn đất cất nhà

đến việc trồng trọt, buôn bán giúp cho cuộc mưu sinh, nhất nhất họ đều phải đổ mồ hôi sôi nước mắt; đặc biệt là trong quá trình khai phá mảnh đất hoang Nam Bộ này, họ đã cùng với dân tộc Việt anh em đổ biết bao máu xương mình để tạo lập được vùng đất Nam Bộ trù phú như ngày nay. Người Hoa là một dân tộc rất dễ thích nghi với hoàn cảnh mới, họ lại rất năng động; vì vậy cuộc đất nào đã được chọn mà không giúp họ ổn định cuộc sống thì họ lập tức di chuyển đi tìm nơi ở mới. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Cần Thơ về cơ bản đã khai phá xong. Hơn nữa, Cần Thơ là vùng đất tốt, thời tiết và khí hậu không khắc nghiệt. Con người Cần Thơ lại hào phóng, hiền hòa, mến khách nên dần dần đã thu hút được sự di cư của một số người Hoa đến đây định cư, lập nghiệp. Và chỉ sau một thời gian định cư ở Cần Thơ, cộng đồng người Hoa ở đây đã ăn



nên làm ra, không chỉ có cái ăn, cái mặc mà còn vươn lên khá giả, làm chủ của nhiều cơ sở như các chành lúa ở Cái Răng với các tên tuổi nổi tiếng một thời: Lâm Chi Phát, Lâm Dung Xương, Khổng Cẩm Hưng... Điều này, ngoài tài nghệ kinh doanh khéo léo, sự chịu khó, chất chiu không thể nào không nói đến yếu tố địa lợi, nhân hòa ở Cần Thơ.

Cùng với sự lớn mạnh về kinh tế, các dãy phố, nhà xưởng sầm uất của người Hoa mọc lên ở Cần Thơ là các ngôi chùa Hoa được xây dựng từ khá sớm. Ngay từ buổi đầu, khi cuộc sống của họ chưa mấy ổn định, người Hoa cũng đã có ý thức xây dựng chùa, miếu rồi. Vì đây là điều kiện tiên quyết giúp họ ổn định đời sống tinh thần nơi miền xa xứ lạ. Quê nhà không yên ổn, họ phải bỏ quê hương mà ra đi, và sau nhiều ngày lênh đênh trên sóng biển, cái chết cận kề, họ có thể bỏ mạng bất cứ lúc nào, nay lại được bình an trên một vùng đất mới đã không khỏi khiến họ có ý niệm về thần chi phối. Do đó, các ngôi chùa Hoa mọc lên trong cộng đồng của họ là lẽ đương nhiên. Đặc biệt là càng về sau, khi cuộc sống của họ càng ổn định, công việc kinh doanh của họ phát đạt thì nhu cầu tín ngưỡng lại càng tăng cao. Đây là dạng tín ngưỡng mà họ mang theo từ quê nhà, kết hợp với tín ngưỡng bản địa đã tạo nên nét đặc trưng riêng của cộng đồng người Hoa ở Nam Bộ nói chung, ở Cần Thơ nói riêng.

Các ngôi chùa, miếu xưa đơn sơ, nhỏ bé đã lần lần được trùng tu, xây dựng lại theo hướng ngày càng bề thế hơn, rực rỡ hơn. Và bên cạnh đó, các ngôi chùa Hoa mới không ngừng được mọc lên để đáp ứng nhu cầu

tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa nơi đây. Có thể nói, ở đâu có người Hoa cư trú, ở đó tất có chùa Hoa. Chùa Hoa được xây cất phần lớn ở cặp mé sông, như: Hiệp Thiên Cung Ba Láng (Cái Răng), Vô Đế Cổ Miếu (Ồ Môn), Quan Đế Võ Miếu (Bình Thủy)... hoặc được xây dựng ở những nơi dân cư đông đúc, như: Hiệp Thiên Cung (Cái Răng), Thất Phủ Võ Miếu (Thốt Nốt), Quảng Triệu Hội Quán (TP. Cần Thơ)... Việc lựa chọn địa điểm để xây chùa cũng nằm trong hệ thống quan niệm về tín ngưỡng của người Hoa ở Cần Thơ. Do buổi đầu đường bộ chưa phát triển, người ta đi lại chủ yếu bằng đường sông nên việc xây chùa cặp mé sông là thuận lợi vì người ta có thể dễ dàng cho ghe, xuồng tấp vào bờ để lên chùa khói hương cúng bái. Nhưng bên cạnh đó, trong tâm thức của người Hoa, sông nước là điều hết sức thiêng liêng. Bởi khi di cư đến Việt Nam, họ chủ yếu đi bằng đường thủy, công việc làm ăn, buôn bán buổi đầu cũng chủ yếu diễn ra ở bến sông nên sông nước có ấn tượng hết sức đặc biệt đối với họ. Họ quan niệm rằng: Chính các vị thần sông, thần biển, các vị thần chuyên cứu người trên biển như Bà Thiên Hậu chẳng hạn đã phù hộ cho họ rất nhiều trong những chuyến hải trình xa xôi đến Việt Nam, cũng như trong công việc mua bán sau này. Nên ngôi chùa được xây cất ở cặp mé sông chính là để các vị thần trấn giữ, ngăn chặn mọi điều xui xẻo, đem những điều may mắn, tốt lành đến với họ.

Còn việc xây chùa ở những nơi đông đúc, ngoài việc thuận tiện cho khách thập phương đến viếng chùa, còn là sự cầu cho mua may bán đắt, được bình an,



manh khỏe cho cộng đồng. Do đó, nhìn vào ngôi chùa, người ta có thể biết được lịch sử định cư của người Hoa ở vùng đất đó và đồng thời cũng biết được tiềm lực kinh tế của nhóm người Hoa ở khu vực đó.

Các ngôi chùa Hoa ở Cần Thơ không lớn và đều mang màu sắc cổ kính, có niên đại khoảng 150 năm. Kết cấu cũng rất đa dạng và phong phú. Có nơi xây theo hình chữ “Quốc” như Quảng Triệu hội quán. Kiến trúc thường được xây theo kiểu nhà khép kín, vuông góc với nhau, kể phần cửa chính thường có sân thiên tinh, xung quanh là các hoành phi, câu đối, vồng, rèm, các hình hoa lá, chim muông... Trang trí bên ngoài thường có hình vẽ bát tiên, hình cá hóa long... Mái thường lợp ngói âm dương. Trên bờ nóc thường là những hình nhân bằng gốm sứ đủ màu, tượng thần nhật, nguyệt, lưỡng long tranh châu... Trên các thanh xà ngang thường được chạm khắc công phu, sơn son thếp vàng trông thật long lẫy. Trang trọng nhất là gian chính điện, nơi đó được bày các hương án để thờ, thường là được bố trí theo hàng ngang. Bàn thờ Quan Thánh Đế Quân được đặt ở giữa. Bàn thờ Thiên Hậu, Phật Bà Quan Âm được đặt ở hai bên. Nếu nơi nào không có thờ Phật Bà Quan Âm thì tượng Quan Công và Thiên Hậu Thánh Mẫu được đặt cùng một gian thờ như: Hiệp Thiên Cung Cái Răng.

Hệ thống chùa Hoa ở Cần Thơ đã phản ánh rõ nét về lịch sử di dân của người Hoa đến Cần Thơ, địa bàn sinh tụ, đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội... Chẳng hạn như: Ở quận Cái Răng có đến ba ngôi chùa Hoa: Hiệp Thiên Cung Cái Răng, Hiệp Thiên Cung Thạnh Mỹ, Hiệp

Thiên Cung Ba Láng đã cho phép ta đoán định được rằng, vùng Cái Răng xưa là địa bàn cư trú của đông đảo người Hoa. Còn Thất Phủ Võ Miếu ở Thốt Nốt được xây dựng vào năm 1883 đã cho ta thấy, đây là vùng đất tiếp nhận người Hoa đến ngụ cư sớm nhất so với các quận, huyện khác ở Cần Thơ. Còn về bề thế, rực rỡ của Quảng Triệu Hội Quán ở TP.Cần Thơ đã nói lên rằng, cộng đồng người Hoa ở đây có một tiềm lực kinh tế rất mạnh.

Sau nhiều năm định cư ở Cần thơ, cuộc sống của người Hoa dần dần đi vào ổn định và phát triển vươn lên. Theo đó, giấc mơ trở về cố quốc cũng dần dần phai mờ trong tâm trí của họ. Đối với lớp hậu sinh thì giấc mơ ấy càng trở nên xa vời hơn khi hàng ngày họ phải lo toan bao nhiêu việc, bận rộn với cuộc sống mưu sinh, tiếp xúc, giao lưu với các dân tộc bản địa. Vì lẽ đó, mảnh đất Cần Thơ ngày càng gắn chặt cuộc đời của họ, đã trở thành quê hương của họ trong việc ổn định cuộc sống lâu dài. Sống cộng cư với các dân tộc bản địa lâu ngày, đời sống văn hóa của người Hoa cũng có những thay đổi cho phù hợp với nền văn hóa bản địa. Nhu cầu về văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo cũng khác nhiều so với những nét văn hóa, tín ngưỡng truyền thống ban đầu. Cuộc sống kinh tế khá giả, người Hoa ở Cần Thơ không chỉ xây thêm chùa, miếu mà còn nâng cấp, sửa chữa các ngôi chùa cũ, xuống cấp trở nên long lỷ hơn. Nếu như buổi đầu xây dựng, các vật liệu được chuyên chở chủ yếu từ chính quốc sang thì ngày nay, người Hoa đã dùng các vật liệu ở địa phương mỗi khi xây dựng, sửa chữa ngôi chùa. Cách bày trí kiểu kiến trúc của các ngôi chùa Hoa ở Cần Thơ cũng dần dần khác xa so với kiểu kiến trúc của cội nguồn. Cùng cộng cư lâu ngày với các dân tộc Việt, Khmer anh em, người Hoa cũng đã chấp nhận cho các tín ngưỡng khác mình được thờ trong ngôi chùa của mình bằng cách phối tự giữa Quan Công, Thiên Hậu, Phật Bà Quan Âm, Neak Tà... Và cuối cùng, chùa Hoa ở Cần Thơ không chỉ là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa ở đây, mà đó còn là nơi giao lưu văn hóa, sinh hoạt tín ngưỡng của bà con người Việt, người Khmer nữa. Bởi, thần thánh của dân tộc khác vẫn là tiêu biểu cho việc khuyến thiện trừ ác, tuy khác về tên gọi, về hình tượng... Đã đồng hóa, đã tôn kính rồi thì người bản địa và người mới đến chẳng ai mang mặc cảm tự ti hoặc tự tôn. Tất cả đều bình đẳng trước thần thánh.

Chùa người Hoa thể hiện rõ nét về quá trình hội nhập của người Hoa vào cộng đồng Việt Nam ngay từ buổi đầu khai phá. Đồng thời, chùa Hoa còn là một minh chứng cho sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc Việt, Hoa, Khmer trên mảnh đất Cần Thơ này. Và các ngôi chùa Hoa ở Cần Thơ còn là một sự khẳng định về cuộc sống ổn định, lâu dài, gắn bó ngày càng vững chắc vào mảnh đất Cần Thơ nói riêng, dân tộc Việt Nam nói chung của cộng đồng người Hoa ở đây. ■



Bài & ảnh: TRỊNH CHU

Tôi đi. Nắng khóa tràn vào gió lời mời mệt. Con đường vắng bụi đỏ. Lũ trẻ trâu như được sinh ra từ đất, lẫn vào đất hỗn nhiên chân trần. Cụ già trầm mặc dáng núi, gieo hơi thở phong nhiều. Những sơn nữ điệu con lên rẫy, neo vọng ước trong tiếng chim gù xanh thẳm. Mùi hoang dại rừng rú, mùi ngai ngái cỏ cây, mùi hoa cà phê nồng nồng phây phả, mùi khảm khảm, hăng hắc của phân trâu... cứ mặc sức phở diễn trên nền trời cô thôn, ám gợi đến bằng hoàng. Lẩn dò một lúc tôi mới đến được nhà chị Ma Tham - nghệ nhân trình tấu *Rokel* (kèn bầu) của lũ làng Chu Ru, ở plei (thôn, bản) Ma Đanh, xã Tu Tra, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Biết ý định của tôi là muốn tìm hiểu về chiếc *rokel*, chị vui vẻ bảo em gái sang nhà bố mượn rồi bắt đầu trình tấu và diễn giải. Đây là điệu *Con sóc* (Pro), gửi gắm về thân phận người con không có cha có mẹ, sống thui thủi một thân một mình, đơn độc giữa rừng sâu. Chỉ còn biết bầu bạn cùng con chim, con sóc, kiếm được quả gì thì ăn cùng nhau. Giai điệu chậm, buồn, xa vắng, nao lòng... Đây là bài *Ru con* (Ryou anăh), nhẹ nhàng, khoan thai, triu mến, đong đưa, đong đưa... Còn đây là điệu *rokel* đưa tiễn người chết. "Trước khi đi chôn, mình thổi ru đưa tiễn, linh hồn người quá cố sẽ ở lại bên mình". Ma Tham ngập ngừng. Âm điệu nỉ non,

day dứt, đắm chìm trong kỷ niệm về người đã đi vào thiên cổ nhưng không hề bi lụy mà ru vỗ, an ủi người ở lại, đặt điếu tiễn linh hồn người đi. "Có hết, có hết, nó "nói" ở trong này này". Nghệ nhân Ma Tham ngừng thổi, vừa nói vừa chỉ tay vào chiếc *rokel*. "Vui cũng có, buồn cũng có, thủ thỉ tâm tình có, đối đáp thách thức nhau có...," chị say sưa.

Đang dở câu chuyện thì có người tới. Ma Tham nhanh miệng: "Ha Sen - bố chị đấy! Người chế tác *rokel* cho lũ làng Chu Ru mình đấy!". Tôi lặng ngẫm cái dáng hình khắc khổ, lấm lũi của người đàn ông đã bước qua sáu mươi lăm mùa rẫy, và không khỏi chạnh lòng, xót xa. Khuôn mặt ấy vạch chẳng chịt những đường cày sọc phạn sâu hoắm, những tâm sự ẩn chìm, những nỗi đời khuất lấp... may ra chỉ hồn cây khí núi mới có thể thấu ngộ. Bất giác, tôi rừng mình nghĩ: bóng cây thì dài, bóng người lại ngắn, biết đâu...? Rồi tự hiểu vì sao màu âm chủ đạo của *rokel* lại trầm buồn, sâu lắng đến vậy!

Chùng như không muốn thấy sự xa xót hiện lên trong mắt tôi, già Ha Sen lắng sang chuyện chế tác *rokel*.

Trước nhất, chọn quả bầu thật già, dày vỏ, kích thước vừa phải và tròn đều, đem vùi vào đất nhào cho ruột rửa ra. Tiếp đến, loại bỏ ruột qua lỗ cắt ở phía cuống, làm sạch bằng nước suối, mang đi phơi nắng. Phơi xong, cho vỏ bầu vào luộc với lá hoặc vỏ cây rừng có chất đắng chất để

tránh mỗi một và co giãn sau này. Kế theo, gác quả bầu lên giàn bếp khoảng một thảng cho da lên màu nâu đỏ và sần, rồi lại phơi sương vài đêm nữa. Sau đó, khoét lỗ ở bên hông, kiểm tra âm để lắp sáu ống nứa vào thành hai hàng: trên bốn ống, dưới hai ống. “Bốn ống trên là nốt Độ, Rê, Mi, Fa; hai ống dưới là Sol. Thiếu hai nốt La và Si”. Ha Sen giải thích. Ống nứa phải thon giống, mỏng vừa độ. Ống ngắn cho lượng âm cao, ống dài cho lượng âm thấp. Sáu ống dài sáu lỗ phía bên ngoài hộp âm (quả bầu); ngoài ra, mỗi ống nứa lại gắn thêm một cái lưới gà bằng inox dài khoảng hai centimet ở phía trong hộp âm để tạo độ rung. Khâu này rất quan trọng và cũng là khâu khó nhất. Bởi nó quyết định âm sắc. Cuối cùng mới gắn đường âm (sáu ống nứa) vào hộp âm (quả bầu), và dùng sáp của con ong muối hàn kín lại. Chiếc *rokel* hình thành. Tất nhiên, để âm chuẩn, có hỗn vĩa, còn phải tháo lắp, chỉnh sửa nhiều lần.

Ấu đó là định mệnh, hay nói đúng hơn, như một lẽ tự nhiên thường hằng nhuộm màu sắc siêu linh trong việc bảo lưu những tinh túy văn hóa dân gian, Ha Sen được *Yang* (Trời) chọn, trở thành truyền nhân giữ nghiệp làm *rokel* cho lũ làng. Nhờ óc sáng tạo cùng bàn tay khéo léo, tỉ mẩn, cầu kỳ và khả năng thẩm âm tinh tế, Ha Sen đã chế tác nên những chiếc kèn độc đáo, mang đúng điệu thức dân tộc mình. Hơn mười năm nay *rokel* của Ha Sen nổi tiếng khắp vùng. Nó theo chân người yêu nhạc có mặt ở trăm nhà. Từ người Raglai tỉnh Ninh Thuận đến người Châu Mạ, Chu Ru, K’Ho, Cill, Lạch, Srê... ở hầu khắp các huyện thuộc tỉnh Lâm Đồng. Không những vậy, *rokel* của ông còn vượt cả sông K’rông Nô để đến với đồng bào Ê-đê, Bah Nar ở Đăk Lăk, Đăk Nông. Người mua *rokel* là tìm bạn tri âm tri kỷ. Thả hồn mấy điệu, âm sắc chuẩn, mua liền. Chủ khách đều vui cái bụng, rượu gà được bày ra, chén choáng, chất ngất trong men rừng, trong điệu *rokel* ngân vang, da diết, cảm thương, bổng bổng, hoan hỉ...

Cách thức sử dụng kèn bầu sáu ống: thổi (hít) hơi vào cuống bầu. Các ngón cái, trỏ, giữa và áp út bàn tay trái giữ lỗ thoát hơi của bốn ống nứa hàng trên. Ngón cái và ngón trỏ bàn tay phải giữ lỗ thoát hơi của hai ống nứa hàng dưới. *RoKel* có thể dùng độc tấu, hoặc hợp tấu với các loại nhạc cụ khác như chiêng (chỉnh sarr), trống (sơgok), và các điệu dân vũ huyền ảo: Tamya Ariya, T’rum-pô, Dam dra... Trong dàn nhạc hợp tấu, *rokel* đóng vai trò giữ nhịp, tâm sự dọc chiều lễ nghi. *RoKel* tấu trước, cồng chiêng theo sau tạo nên bản hòa âm uyên bác, đa nghĩa. Tín niệm người Chu Ru cho rằng, sự thông nối giữa kèn bầu và cồng chiêng là sự thông nối giữa âm và dương, giữa vợ và chồng, giữa đực và cái. “*Không biết cái nào vợ cái nào chồng, nhưng âm dương (vợ - chồng, đực - cái) thì phải “ăn” nhau*”. Ma Tham nói. Nhưng kèn bầu khác cồng chiêng ở chỗ: Nếu cồng chiêng chịu sự ràng buộc nghiêm ngặt của tín ngưỡng đa thần, chỉ được sử dụng vào các dịp lễ hội đặc biệt; và trước khi sử dụng, bao giờ chủ làng (pô plei) cũng phải tiến hành nghi lễ để xin phép thần linh; ngược lại, *rokel* đã được thể tục hóa, mặc dầu vẫn nằm trong quan niệm

vạn vật hữu linh. Do vậy, đồng bào Chu Ru sử dụng *rokel* ở mọi lúc mọi nơi, trong mọi trạng thái tình cảm. Bài vui thì có: Cúng thần đập nước, mừng lúa mới, mừng nhà mới, cưới hỏi... Tiết tấu nhanh, rộn ràng, linh thiêng. Bài *Lấy lửa* (Mặ ơpui). Lấy lửa bằng cách cào vỏ cây nứa vào nhau. *RoKel* thủ thi tâm tình: con đói rồi vợ ơi, chàng đang làm mồi tay mới ra lửa, về thổi cơm cho con ăn... Bài *Tập trung* (Tơi gùm) kêu gọi đoàn kết, *rokel* lại nói: cùng nhau về bên ché rượu cần, ai cũng ở nhà xa là chia rẽ, hãy tập trung một chỗ, cùng sống với nhau nhằm tránh hoang mang, sợ hãi trước hiểm họa thiên nhiên, thú dữ. *RoKel* ngân, cuốn, du dương, gọi mời. Bài *Giao duyên* tha thiết, quyến rũ, ngọt ngào: Tôi yêu chàng ấy, chàng ấy có yêu tôi không? Tôi thương chàng ấy, chàng ấy thương tôi chứ? Nam thanh nữ tú Chu Ru thích những điệu *rokel* nhanh, mạnh, kiêu hãnh, vui tươi. Còn những người già yêu các điệu trầm, man mác, nhuộm màu hoài niệm.

Mỗi một thông điệp gắn liền với một điệu thức, một bài bản riêng, không hề lẫn lộn. Người thổi *rokel* hay là phân biệt ở chỗ *rokel* có đủ điệu thức hay không, âm sắc có chuẩn, đầy đủ hỗn vĩa không. Ma Tham học thổi *rokel* từ năm mười ba, mười bốn tuổi và bây giờ chị đã ba mươi chín tuổi. Chị bồi hồi nhớ lại: “*Có người già vào làng thổi, mình hỏi điệu này điệu kia, nghe và để trong cái đầu rồi bắt chước, hai năm sau thì thành thạo. Các bài đều có sẵn, nhưng không ai biết ký âm để truyền dạy bằng văn bản, mà chỉ bằng phương pháp thị phạm, ai có năng khiếu cảm thụ thì nhớ*”.

Lướt nhẹ đôi tay trên chiếc *rokel*, nghệ nhân Ma Tham đưa tôi vào một thế giới thần tiên siêu thực, nhưng cũng hết sức bình dị và rất đời, qua những khúc thức, giai điệu bổng trầm: khi trầm thiêng như tiếng sấm rền dội vang từ vách núi; lúc thâm u như tiếng gió giữa đại ngàn; có khi róc rách, nhẩn nhá như con nước xuôi dòng; lấm lấm lại buông lơ lửng, lả lướt như giọt nắng cuối chiều... Và tôi hiểu, đây chính là tiếng lòng của người Chu Ru, tự ngàn rung, tự thấm thấu từ thế hệ này đến thế hệ khác: Tiếng vọng của ngàn xanh.

Bỗng có tiếng gà gáy khan bên đối. Tôi biết phần việc của mình đã xong.

Rời sơn thôn về lại phường phố. Bà con Chu Ru tiễn tôi bằng những bàn tay giao đãi ân tình, những giọng cười vang vang, những đôi mắt bập bùng sắc lửa. Gió ngàn hú. Điệu *rokel* dư ba. Vẳng xa lời Ma Tham: “*Có hết, có hết, nó “nói” ở trong này này*”.

Ma Đan, đường về không chiêm bao mây trắng, không có lá buồn gầy để nuôi dưỡng những mùa xanh sau. Nhưng ở đó có những con người biết làm lung và ca hát. Lam lũ cuộc cày mà vẫn không quên cất lên trời những mùa lễ lạc. Cằn cỗi đói nghèo mà vẫn ngẩng cao đầu đối thoại cùng siêu nhiên. Tạm biệt Ma Tham, tạm biệt Ha Sen, tạm biệt những khuôn mặt đặc dài nắng gió, tạm biệt điệu thức *rokel*, trong tôi lại mê man những thang âm ngày mới. Vẳng, thang âm của niềm tin đại ngàn. ■

Nghệ thuật hát

Dù-kê

của người Khmer ở Sóc Trăng

1. Sóc Trăng, đất và người

Sóc Trăng là tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, nằm trong vùng hạ lưu sông Hậu, trên trục lộ giao thông thủy bộ nối liền TP.HCM với các tỉnh miền Tây Nam Bộ; có bờ biển dài 72km với ba cửa sông lớn là Định An, Trần Đề, và Mỹ Thanh đổ ra Biển Đông.

Sóc Trăng vốn là đất Chân Lạp. Năm 1698 chúa Nguyễn Phúc Chu sai Nguyễn Hữu Cảnh làm kinh lược đất Chân Lạp và chiêu mộ lưu dân từ Quảng Bình trở vào để lập ra thôn xã và khai khẩn ruộng đất ở vùng Đông Phố. Đến năm 1708, Mạc Cửu, vốn là tướng nhà Minh không phục nhà Thanh, sang đất Chân Lạp khai khẩn vùng Hà Tiên, xin nội thuộc chúa Nguyễn, được chúa Nguyễn khi ấy là Nguyễn Phúc Chú tiếp nhận phong làm Tổng binh, cho cai quản trấn Hà Tiên, gồm cả Rạch Giá và Phú Quốc. Từ 1735-1739, con của Mạc Cửu là Mạc Thiên Tứ mở rộng đất đai, sáp nhập các vùng Cà Mau, Bạc Liêu, Hậu Giang, và Cấn Thơ. Trước đó, vào năm 1732, chúa Nguyễn đã tiếp quản vùng đất nay là Vĩnh Long và Bến Tre, lập ra dinh Long Hồ đặt thủ phủ tại Cái Bè. Năm 1757, chúa Nguyễn tiếp nhận thêm các vùng đất Trà Vinh và Ba Thắc (Sóc Trăng). Từ đấy, Sóc Trăng thuộc chúa Nguyễn. Năm 1832,

vua Minh Mạng đặt toàn bộ Nam Kỳ thành 6 tỉnh gồm Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên thì Sóc Trăng thuộc tỉnh Vĩnh Long. Năm 1876, Pháp chia Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chánh gồm Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, và Bassac thì Sóc Trăng thuộc khu vực Bassac. Từ năm 1900, Sóc Trăng trở thành một tỉnh cùng với 19 tỉnh khác của toàn vùng Nam Kỳ. Trong thời kỳ đất nước bị phân ly, cho đến năm 1955, Sóc Trăng vẫn có 4 quận là Châu Thành, Kế Sách, Long Phú và Phú Lộc. Năm 1956, Sóc Trăng được sáp nhập với Bạc Liêu để thành lập tỉnh Ba Xuyên. Từ khi thống nhất đất nước, Sóc Trăng lại được sáp nhập với Cấn Thơ để lập thành tỉnh Hậu Giang. Đến kỳ họp lần thứ 10 khóa VIII, Quốc hội Việt Nam quyết định tách tỉnh Hậu Giang thành hai tỉnh Sóc Trăng và Cấn Thơ. Tỉnh Sóc Trăng chính thức đi vào hoạt động từ đầu tháng 4/1992 gồm các huyện: Mỹ Tú, Kế Sách, Thạnh Trị, Mỹ Xuyên, Long Phú, Vĩnh Châu và thị xã Sóc Trăng.

Theo số liệu thống kê năm 2010, ở Sóc Trăng có gần bốn trăm ngàn người Khmer, chiếm khoảng 29% dân số của tỉnh. Là một tộc người trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, người Khmer đã sinh sống lâu đời ở vùng đất này. Người Khmer có tiếng nói và chữ viết riêng. Phật



TRẦN MINH THƯƠNG

giáo Nam tông chi phối cộng đồng người Khmer ở Sóc Trăng sâu sắc và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, đạo đức lối sống và chính trị. Từ khảo sát điền dã, bài viết này trình bày tổng hợp nghệ thuật hát Dù-kê, một loại hình văn nghệ dân gian có vai trò quan trọng trong đời sống của đồng bào dân tộc Khmer.

2. Nghệ thuật Dù-kê của người Khmer Sóc Trăng

Dù-kê là loại hình sân khấu dân gian của người Khmer miền Tây Nam Bộ nói chung và của người Khmer đất Sóc Trăng nói riêng. Với đời sống cộng cư, Dù-kê cũng chịu sự ảnh hưởng và giao thoa với loại hình nghệ thuật cải lương của người Việt, hát Hố Quảng của người Hoa ở vùng đất này.

Các tác giả quyển *Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ*, (Nhà Xuất bản Tổng hợp Hậu Giang năm 1988), cho rằng thủy tổ của nghệ thuật sân khấu Dù-kê là ông Kru Cô, một người Khmer ở Trà Vinh. Năm 1920, ông Kru Cô thành lập gánh hát Dù-kê lấy tên là “Nhật Nguyệt Quan,” vừa biểu diễn phục vụ, vừa truyền bá và đào tạo diễn viên cho bộ môn nghệ thuật mới mẻ này.

Khi đi tìm hiểu thực tế, chúng tôi được nghe ông Lý Pích, nhà gần chùa Hiếu Từ, huyện Tiểu Cần, Trà Vinh, kể lại: Vào thập niên 20 của thế kỷ trước, tại chùa này có một chú tiểu tên là Kê, chú rất mê xem hát Quảng. Sau khi xem xong, chú thường rủ bạn bè đến sân sau của chùa để phân vai biểu diễn, trông vừa ngộ vừa vui. Dần dần, người Khmer và sau đó là cả người Việt rủ nhau đi coi hát Kê, lâu ngày biến âm thành Dù-kê.

Từ những năm 30 của thế kỷ XX, chiến tranh ác liệt, người dân ở nhiều vùng Khmer thuộc đồng bằng sông Cửu Long phải sơ tán lánh nạn. Trong đó, có một số nghệ sĩ Dù-kê chạy sang Campuchia thành lập đoàn biểu diễn, được người dân đất nước Chùa Tháp đón nhận một cách trân trọng và đặt tên mới cho nghệ thuật sân khấu Dù-kê là “Lkhôn Ba Săc” (kịch hát miền sông Hậu).

Qua phỏng vấn bà Kim Thị Suông (sinh năm 1940), nghệ nhân Dù-kê Đoàn Nghệ thuật Khmer Sóc Trăng, chúng tôi được biết Dù-kê là một loại hình sân khấu mà theo lưu truyền trong dân gian thì người sinh ra nghệ thuật này là ông Lý Cọn, một người Khmer ở xã An Ninh, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng ngày nay. Ông Cọn từng đi Tây học, làm chủ sòng bạc rồi mở một đoàn hát ở Trà Vinh. Dù-kê có hát, múa, đọc thơ theo phong cách dân gian.

Ngày xưa, khi đi diễn, đoàn Dù-kê xin phép ông Tà trước rồi mới cúng Tổ khai diễn. Lễ vật khi đến xin phép ông Tà gồm một trái dừa, một con gà luộc, và một xị rượu.

Cúng ông Tà xong thì cúng để diễn. Người ta bày lên bàn thờ những lễ vật cúng. Bàn thờ được chia làm hai phần bằng nhau. Bên trái thờ Tổ, bên phải thờ Phật. Lễ vật bên Tổ thì đồ mặn gồm: 1 con gà; 2 trái dừa 2 bên; Cốm nổ, bên trong có 3 trứng gà; Huyết gà tươi; Bay sei 1 cặp (7 tảng); 1 đầu heo; Thuốc hút. Lễ vật cúng Phật là đồ ngọt như bánh, trái cây, chè...

Sau khi chuẩn bị xong lễ, mọi người tụ tập lại, hát bài Tổ và mời vị Acha đọc kinh làm phép.

Hiện nay, những đoàn Dù-kê đang hoạt động trong tỉnh Sóc Trăng vẫn duy trì lễ cúng Tổ. Tuy nhiên, lễ vật chỉ cần có con gà luộc và nhất thiết mỗi đêm diễn phải bỏ lên bàn thờ Tổ một quả trứng tươi.

Những diễn viên lần lượt thắp nhang khăn vái và được vị trưởng đoàn xúc lên người một thứ dầu thơm. Dầu thơm này họ vẫn mua ở chợ bình thường nhưng đã được các vị thầy đọc bùa chú và làm phép. Việc xúc dầu thơm cũng mang ý nghĩa truyền phép màu cho diễn viên diễn hay và không mệt mỏi, cho khán giả thích thú.

Những nghi lễ trên là hiện thân của đạo Bà-la-môn và đạo Phật mà người Khmer luôn có niềm tin sâu thẳm. Nó bao gồm những đặc điểm hành động về tôn giáo và sự tồn tại của đấng siêu nhiên, chúa trời, yêu quý, tổ sư...

Các đoàn Dù-kê rất ưa lấy những trích đoạn từ truyện dân gian *Reamker* để diễn. Đây là một tác phẩm có giá trị và ảnh hưởng lớn trong nền văn hóa Khmer.

Quá trình xuất hiện của *Reamker* – một phiên bản của sử thi *Ramayana* trên đất nước Campuchia như



thế nào thì đến nay nguồn tài liệu còn lại không ghi rõ. Những giả thuyết chỉ cho biết có lẽ *Ramayana* đã vào khu vực này từ thời vương quốc Phù Nam qua truyền thuyết nàng Soma lấy vị vua người Ấn tên Cao Đĩnh. Qua tiến trình dung hợp lâu dài rồi có sự thắng thế của Phật giáo đẩy lùi Bà-la-môn giáo.

Ramayana đã trở thành *Reamker* của dân tộc Khmer. Vốn là một văn phẩm Bà-la-môn nay *Reamker* đã thành văn phẩm Phật giáo, với hình thức sử thi nhưng lại đầy chất tự sự. *Reamker* lại mang kết cấu và trực nhân vật như những truyện thơ truyền kỳ. Truyện *Reamker* ghi nhớ một thời kỳ rất quan trọng trong lịch sử xã hội và văn hóa Campuchia, thời kỳ ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ và xây dựng vương quyền Campuchia.

Truyện dài, các đoàn hát trích rất nhiều đoạn khác nhau, ở đây, chúng tôi tạm thời tóm tắt thành 3 tuyến nhân vật chính:

Tuyến Hoàng tử tiêu biểu cho cái thiện, tinh thần anh hùng, tài ba và lòng đức độ. Những nhân vật trong tuyến gồm hoàng tử, công chúa... hiện diện như cái đẹp, cái thiện tồn tại trong xã hội như lý tưởng mà con người mong muốn.

Tuyến bên Chăn tiêu biểu cho cái ác, cái xấu xa tồn tại trong thiên nhiên và xã hội. Đó là những nhân vật yêu quý có nhiều pháp thuật, hung tợn, thường gây ra những nghịch cảnh cho người khác. Chiến tranh giữa tuyến Hoàng tử và tuyến Chăn thường tượng trưng cho những cuộc xung đột, đối đầu giữa cái Thiện và cái Ác, giữa chính nghĩa và phi nghĩa. Mấu chốt vấn đề truyện *Reamker* vẫn thể hiện ý chí và niềm tin tưởng của nhân dân vào sự tất thắng của lẽ phải. Chính nghĩa luôn thắng, còn những kẻ ác thì dù sớm hay muộn sẽ bị tiêu diệt.

Tuyến Khỉ tiêu biểu cho lòng quả cảm và trung thành, sự thông minh và mưu lược. Nhân vật Khỉ vừa mang trong mình sự chính nghĩa nhưng cũng lắm mưu mô, sẵn sàng dùng thủ đoạn nếu cần thiết. Tuyến Khỉ là lực lượng trọng yếu, là cánh tay phải đắc lực trong cuộc chiến giữa hoàng tử và Chăn. Nó là loại nhân vật trung gian giữa thiện và ác.

Tùy theo "thầy tướng" và tác giả của các đoàn, diễn viên sẽ được phân thành những vai để tập luyện, bà Kim Thị Suông còn cho chúng tôi biết thêm: Muốn biểu diễn sân khấu Dù-kê tốt không phải dễ, nó đòi hỏi người có kinh nghiệm trong nhóm phải xây dựng kế hoạch tập luyện rất chi tiết, cụ thể, để diễn trong một đêm phải tập khoảng nửa tháng diễn viên mới thuộc hết phần lời và điệu múa.

Nhạc cụ trong đoàn Dù-kê thường là dàn nhạc ngũ âm (cũng có khi không đủ), chủ yếu gọi theo tiếng Khmer. Dàn nhạc ngũ âm gồm có: 1. Rônek ek 2. Rônek Thung 3. Rônek Dek 4. Kôông Vông Tôch 5. Kôông Vông Thum 6. Samphô 7. Skô Thum 8. Srolay PưnPét 9. Chhưng

3. Kết luận

Hát Dù-kê trước hết là loại hình nghệ thuật mang chức năng giải trí. Từ những vở diễn, tư tưởng Phật giáo, tín ngưỡng dân gian đặc trưng của đồng bào dân tộc được bảo lưu và phát triển.

Loại hình nghệ thuật này thường diễn ra ở sân chùa trong những ngày Lễ, Tết. Một lần nữa chúng tỏ vai trò của ngôi chùa có một vị trí rất quan trọng trong tâm thức người Khmer.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Minh Giang (chủ biên), *Lịch sử vùng đất Nam Bộ - Việt Nam*, Nxb Thế Giới, Hà Nội, 2006.
2. Lê Hương, *Người Việt gốc Miên*, tác giả xuất bản, Sài Gòn, 1969.
3. Huỳnh Lứa, *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1987.
4. Publications de la Societe des Etudes Indo-chinoises, *Monographie de la province de Sóc Trăng*, Imprimerie Commercial Ménard et Rey, 1904.
5. Châu Đạt Quan, *Chân Lạp phong thổ ký* (Lê Hương dịch), Nxb Kỹ Nguyên Mới, Sài Gòn, 1973.
6. François Bizot, *Reamke ou l'amour symbolique de Ram et Seta*, Publié par L'E.F.E-O en 1989. ■

Mùa thi nhớ cha

ĐẶNG TRUNG THÀNH

Cứ vào mùa thi, nhìn sĩ tử náo nức “lều chông” đi thi là tôi lại nhớ về những kỷ niệm thời áo trắng và đặc biệt là nhớ về người cha thân yêu của mình. Bốn năm trước đây, tôi đã từng là một cậu học trò. Sau khi đậu tú tài, tôi không muốn tiếp tục thi đại học vì tôi vốn lười, ham chơi, nên xin cha cho mình đi làm. Khi nghe tôi nói thế, cha nổi giận mắng tôi một trận và bắt tôi phải thi vào trường kinh tế. Cha lại sợ tôi lười học nên động viên tôi bằng những câu nói cố hữu: “Con phải cố gắng học để sau này thoát khỏi cảnh đang lưng ra làm nông như bố. Đời nông dân cơ cực nhưng chẳng khá hơn đâu, con trai ạ”. Tôi phớt lờ những câu nói ấy, chỉ học cho có lệ.

Ngày tôi đi thi đại học, cha bỏ hết công việc ruộng đồng để đưa tôi lên trường thi ở Sài Gòn. Tôi bước vào phòng thi với nét mặt bình thản, xem như không có chuyện gì xảy ra; vì tôi nghĩ mình chỉ đi thi cho cha vui lòng, mặc kệ đậu hay trượt. Ngược lại, ở trước cổng trường, bố hồi hộp từng phút, hết đứng lại ngồi, căng thẳng như bố đang thi vậy. Nhớ lại cảnh ấy tôi thương bố vô cùng.

Sau khi thi xong, tôi chỉ biết đi chơi cho thỏa thích mà chẳng phụ việc đồng áng với cha. Ngày có giấy báo kết quả thi từ Trường Đại học Kinh tế gửi về, cha tôi mừng khôn xiết, dường như không có niềm vui nào hơn thế nữa. Cha ôm lấy tôi, hết lời khen tôi. Cha dứt ruột bán đi hai công đất hương hỏa của ông bà để lại cho tôi đóng tiền học phí, tiền thuê phòng, tiền ăn. Cha lại bỏ công việc để đưa tôi lên Sài Gòn tìm phòng trọ. Đêm đó cha ngủ lại với tôi, tâm sự cho tôi nghe đủ điều, chung quy là những chuyện học hành. Mặc cho cha nói, tôi lăn ra ngủ lúc nào không hay. Tôi có biết đâu, đêm đó cha đã khóc rất nhiều. Khóc vì tôi đã phần nào thực hiện được ước mơ của cha, khóc vì tôi quá vô tâm đến người đã sinh ra mình.

Từ ngày sống xa cha, tôi chơi nhiều hơn học; nhưng cũng may, tôi chưa dính vào những tệ nạn xã hội. Tôi thường hay viết thư, gọi điện về nhà xin tiền cha với

đủ lý do liên quan đến học tập. Tuy khó khăn, nhưng cha cũng chạy vạy để đáp ứng cho tôi. Trong khi đó, những lá thư cha gửi lên tôi chẳng màng xé ra đọc, vì tôi biết trong thư cha không viết gì ngoài việc nhắc nhở tôi phải chăm học và giữ gìn sức khỏe. Trong năm đầu, việc học của tôi chỉ ở mức trung bình. Tôi tiêu tiền như nước vào những việc vô bổ mà không biết rằng nơi quê nhà, cha phải lao động cật lực. Có những đêm trời mưa, cha ngã bệnh nhưng không dám gọi điện lên cho tôi biết, sợ tôi phân tâm.

Cho đến ngày tôi chuyển qua chỗ trọ mới sống với thằng bạn cùng tổ. Sau giờ học, thấy nó lao vào đủ thứ công việc nên tôi hỏi: “Mày đi học thì làm chi cho mệt. Để gia đình gửi tiền lên mà tiêu cho khỏe”. Nó nghẹn ngào: “Gia đình tao nghèo, lấy tiền đâu gửi lên. Tao phải làm để tự lo cho bản thân, rồi nhín chút ít gửi về quê cho bố mẹ mua thuốc, cho em trai mua sách vở”. Nghe nó nói xong, tôi lặng người đi. Chợt thấy mình có lỗi với cha nhiều quá. Cha ở quê còng lưng vất vả để lo cho tôi ăn học, vậy mà chỉ mỗi việc cố gắng học thôi tôi cũng không làm được hưởng hơ gì đi làm thêm kiếm tiền gửi về nhà. Bắt đầu từ hôm đó, tôi không la cà nữa mà chú tâm vào việc học. Mỗi đêm, tôi nhín chút thời gian làm thêm để giảm bớt áp lực cho cha.

Từ khi không thấy tôi viết thư về nhà xin tiền liên miên nữa, cha lấy làm lạ, khăn gói từ quê lên thăm tôi. Khi biết tôi đi làm thêm kiếm tiền, ban đầu cha không chấp nhận vì sợ tôi bỏ bê việc học, nhưng sau đó nhờ sự động viên của tôi và thằng bạn nên cha gật đầu. Trước khi cha về quê, tôi chờ cha lòng vòng quanh phố, mua tặng cha cái nón nỉ và đôi dép da từ đồng tiền tôi kiếm được. Cha tôi mừng lắm khi biết con trai mình đã trưởng thành, biết lo cho cha và cuộc sống của mình. Suốt đêm đó cha không ngủ được, ngồi bó gối uống trà và khóc. Tôi hiểu, những giọt nước mắt của cha đang hạnh phúc khi thấy tôi trưởng thành. Bản thân tôi cũng tự nhủ, phải cố gắng nhiều hơn thế để mai sau trên đường đời, tôi bước đi không chông chênh. ■



Con trai và con rể²

HOÀNG TÁ THÍCH

Ông Tú có hai người con, một trai một gái. Cô con gái đã có vị hôn phu, là một chàng trai anh tuấn, có sự nghiệp, và lại là con trai của một gia đình gia giáo. Vì thế mà ông Tú rất hài lòng, định tâm năm tới, lúc cô con gái vừa ra trường thì cho làm lễ cưới. Trong suốt thời gian chờ đợi, anh chàng rể tương lai đã chứng tỏ mình là một chàng rể quý. Ngày nào sau giờ đi làm việc về chứ đừng nói là ngày nghỉ, anh đều có mặt ở nhà vợ tương lai. Không phải chỉ đến để hẹn hò chuyện trò với người vị hôn thê, mà anh có mặt trong gia đình nhà vợ như một thành viên thường trực mặc dù chưa cưới hỏi chính thức. Anh giúp ông Tú chỉnh lại những trục trặc của chiếc máy vi tính, trồng thêm vài cây hoa trong vườn, tỉa cành những cây kiểng. Anh cũng giúp bà Tú trong chuyện thiết kế lại căn

bếp đã có phần hơi lỗi thời. Anh làm mọi chuyện trong nhà như một người con rể... quý.

Ông Tú rất hài lòng, và thường khoe với bạn bè ông may mắn có đứa con gái, chứ nếu chỉ có con trai thì thật là buồn, vì cậu con trai chỉ thua chị nó có một tuổi mà chẳng được việc gì, suốt cả ngày không bao giờ thấy mặt, chẳng biết đi đâu. May là con gái ông đã đem về cho ông một đứa con trai khác. Đôi khi ông lại còn nghĩ giả như thay vì một trai một gái, ông có hai đứa con gái, thì nay ông sẽ có đến bốn đứa con, lại càng may mắn biết bao.

Có điều ông không biết, rằng cậu con trai thường vắng nhà nhưng rất kín miệng của ông cũng đã có một người bạn gái quen nhau từ mấy năm nay rồi. Gia đình cô ta đã chăm cậu ấy như là con rể, và định sẽ qua lại với gia đình ông Tú trước khi kết sui gia. Hóa ra cậu con trai

của ông đối với nhà cô bạn gái, chẳng khác gì chàng thanh niên đến làm rể nhà ông, túc trực gần như hàng ngày, giúp đỡ cả gia đình những công việc cần đến một người đàn ông vì nhà đó không có con trai. Ông Tú cũng không hề nghĩ ra, có thể là gia đình của cậu rể quý của ông cũng than phiền với bạn bè là cậu con của họ cả ngày chẳng thấy mặt ở nhà, không giúp đỡ gì bố mẹ mà chỉ lo việc cho nhà người ta mà thôi. Ông Tú cũng không ngờ ra một điều là nhờ hai vợ chồng ông thương yêu con gái, và con cái đối với cha mẹ rất hiếu thảo, không khí gia đình đầm ấm thì thằng con rể tương lai mới thường xuyên lui tới, thân thiết với gia đình, chứ nếu con gái không tỏ lòng yêu thương cha mẹ thì cậu con rể cũng chẳng quan tâm gia đình người yêu đến như thế.

Ở đời có những quy luật rất tự nhiên. Ngày xưa, các ông vua cai trị thần dân, còn các bà hoàng hậu thì lo việc nội cung. Ngày nay có những người đàn bà giỏi hơn cả đàn ông trong rất nhiều lãnh vực, tuy nhiên lúc về đến nhà thì việc nấu ăn, chăm sóc con cái, phần lớn cũng đều là thiên chức của người vợ. Đến thăm một gia đình nào, thấy người chồng thay tã cho con, nấu ăn rửa chén bát, còn... bà vợ ngồi đọc báo... thấy nó làm sao ấy, mặc dù nhiều người đàn ông làm những công việc đó cũng rất giỏi. Người ta thường cười nhể những ông chồng sợ vợ, chứ chẳng bao giờ nghe thiên hạ cười đàn bà sợ chồng. Tuy cái quan niệm: “Đàn ông nắm thê bảy thiệp, gái chính chuyên chỉ có một chồng” đã quá xưa rồi, nhưng thời nay, đàn ông có lẳng nhăng chút đỉnh, có bị chê cười thì cũng không bằng người ta coi thường những người đàn bà lang chạ. Tuy nói là nam nữ bình quyền, nhưng cũng có những cái khác nhau giữa nam và nữ. Ngày lễ các bà mẹ, ngày lễ phụ nữ, ai ai cũng nhớ, hoa ngoài chợ lên giá. Ngày lễ các ông cha, chẳng ai nhắc đến nhiều. Người ta thường nói “dâu là con, rể là khách.” Người ta thường đề cập đến vấn đề giữa cô dâu và bà gia, chứ ít nói đến chuyện rể với bà gia hay ông gia. Giỏi việc nhà là cái duyên của người đàn bà. Những người đàn bà làm công quả trong chùa, người ta gọi là di vãi. Không nghe thấy ai nói đến danh từ “chú vãi”, mặc dù trên thế giới các đầu bếp danh tiếng phần lớn là đàn ông. Người ta thường nói đàn ông ga lẳng, có ai nói đàn bà ga lẳng đâu. Ngày lễ tình nhân, chỉ có chàng tặng hoa cho nàng, chứ hiếm khi thấy ngược lại. Đàn ông kéo ghế cho đàn bà, ít khi thấy đàn bà làm cái việc đó cho đàn ông. Người ta nói đàn bà rảnh rang ngồi không thường hay “buôn chuyện”, ít khi nghe chề đàn ông “ngồi lê đôi mách”. Dù cho nam nữ bình quyền đến đâu, cũng không thể lẫn lộn vai trò giữa đàn ông và đàn bà được. Dĩ nhiên là không thể nói đến chế độ mẫu hệ hiện vẫn còn tồn tại trên thế giới, nhưng chỉ là một con số không đáng kể. Và ngay cả trong chế độ mẫu hệ, con gái đi hỏi chồng, cưới chồng nhưng trời sinh cũng chỉ đàn bà đẻ con chứ đàn ông thì cũng không thể nào đẻ được.

Đàn ông nói chung ít để ý những chuyện lật vật nên thường bị chê... vô tình, nhưng không hẳn là thế. Có vợ



rồi mọi chuyện để vợ lo toan, tiền lương đem về hết cho vợ, nên mấy cô em thường cho là một khi lấy vợ, anh trai thường không còn thương mấy cô em gái, và thường xảy ra những mâu thuẫn giữa em gái và vợ. Thế mới có câu “mụ o nhon mồm” là vậy. Ngược lại, vì thương vợ, để được lòng vợ thì đâu có muốn mất lòng mấy cô em vợ, nên anh rể luôn luôn được mấy cô em vợ thương yêu. Phần nhiều gia đình nào mọi chuyện linh tinh cũng do người đàn bà lo toan. Gia đình nào may mắn gặp người đàn bà khôn ngoan lanh lợi giỏi giang thì mọi chuyện đều tốt đẹp. Trái lại gặp người đàn bà vụng về thì không những gia đình đã không được hạnh phúc, mà các ông chồng cũng bị mang tiếng lầy.

Người ta thường nói “Anh em là ruột là rà, vợ chồng như áo cởi ra là rồi,” nhưng người ta cũng nói lại “Vợ chồng là ruột là rà, anh em có cửa có nhà anh em.” Lấy vợ rồi, cái gì cũng hỏi vợ, bởi vợ là cuộc sống mới của mình, là người duy nhất mình có thể chia sẻ mọi điều riêng tư, nhưng vợ lại không phải là máu mủ, mà chỉ là người dưng. Nhưng tự nghìn xưa, điều đó đã xảy ra như thế.

Chung quy, đàn ông con trai thường bị miệng tiếng khá nhiều chỉ vì luôn luôn bị nghi ngờ lấy vợ là chỉ biết có vợ mà thôi. Nhưng nghĩ cho cùng, đó cũng là một thứ quy luật của xã hội. Đàn ông thường bị mang tiếng là làm rể, theo vợ, nịnh vợ rồi quên hết. Thế thì nếu không có đàn ông hoặc đàn ông không phải như thế thì các bà vợ có bằng lòng không? Người con gái nào sẽ chẳng là vợ, và người con trai nào sẽ chẳng là chồng?

Ông Tú có một trai một gái, chứ nếu ông có hai đứa con trai thì chắc ông bà sẽ thất vọng và trách hai đứa con trai vô vị, chỉ biết phục vụ nhà vợ. Nhưng nếu ông có hai đứa con gái thì ông sẽ càng khen mấy cậu con trai nhà khác thật ngoan, thật tốt. Như hiện tại, ông chê cậu con trai của ông và lại khen cậu con rể tương lai của mình hết lời. Ở đời, chuyện khen chê, chuyện xấu tốt, làm sao nói được, chỉ nhận cho ra được những quy luật tự nhiên trong xã hội thì sẽ thấy lúc nào cũng thân tâm an lạc. ■



Một nơi sạch sẽ và sáng sủa

NGUYỄN THỊ HẢI

Ngoài trời mưa tầm tã, nhưng trong *Google Earth*¹, thế giới vẫn tạnh ráo, trong sáng và yên tĩnh. Những ngã đường châu Âu miên man bất tận bất ngờ đưa tôi đến trước cổng nghĩa trang miền thôn dã, nơi có những phần mộ đơn sơ, trang nhã và dường như đang trong mùa xuân, các loài hoa trong nghĩa trang nở rộ, vẻ tươi thắm từ bi của chúng như tình bạn tâm giao đối với những linh hồn đã ngủ yên vĩnh viễn. Bầu trời xanh dịu, nhiều mây trắng, ánh sáng chan hòa, những lối đi sạch thoáng, cánh cổng sắt với những chấn song thưa nhỏ sơn màu xanh đậm, bức tường bao thâm thấp... tất thảy âm thầm gọi lên trong tôi trọn vẹn cái tựa đề truyện ngắn của Hemingway, *Một nơi sạch sẽ và sáng sủa*.

Một nơi sạch sẽ và sáng sủa trong truyện Hemingway là quán cà phê, mỗi khuya sẽ là chốn nung nấu của những linh hồn tuyệt vọng bởi hư vô - *nada* (chữ của Hemingway), như ông già vừa tự tử hụt tuần trước và anh bồi lớn tuổi. Không phải những quán rượu mở thâu đêm hay những quán bar tuy có ánh sáng rực rỡ và dễ chịu nhưng không sạch, cái họ cần là một quán cà phê sạch sẽ. "Lão sợ gì? Không phải nỗi dằn vặt hay mối đe dọa. Đấy chính là hư vô, lão biết quá rõ. Tất thảy đều hư vô, cả con người cũng hư vô nốt. Chỉ có nhận thức ấy cùng với ánh sáng và sự ngăn nắp sạch sẽ nào đó là thực sự cần thiết"². Cần thiết để chống chọi lại nó - cái hư vô, để không đánh mất cái tư thế làm người, như ông già vẫn giữ được phong cách và sự lịch thiệp của mình trong niềm tuyệt vọng.

Nhưng trước mắt tôi bây giờ là nghĩa trang trong vùng Limousin, miền Trung nước Pháp. Trên mảnh đất nhỏ nhoi này, hư vô đã toàn chiếm về vang, lịch sử của nhiều kiếp người đã khép lại, cả niềm tuyệt vọng cũng không còn nữa. Một nơi như thế này đây, tôi tự nhủ, tôi sẽ bằng lòng giao phó mình cho nó một ngày nào đó, mà không cảm thấy quá hãi hùng, bị thương.

Gabriel García Márquez - người tự nhận là học trò của Ernest Hemingway, kể lại đã từng nhiều lần tới ngôi ở quán cà phê nằm trên quảng trường Saint Michel, Paris, nơi Hemingway trước đây thích ngồi viết, "bởi quán cà phê ấy ấm áp, sạch sẽ và dễ chịu, khiến ông có cảm tình". Trong tập truyện ngắn nhan đề *Mười hai truyện phiêu bạt*³, bản tiếng Việt do dịch giả Nguyễn Trung Đức dịch từ nguyên bản tiếng Tây Ban Nha, đã nhiều lần để cho nhân vật của mình trực diện cận kề cái chết. Mặc dù cho đến phút chót, các nhân vật của ông mới là người chiến thắng chứ không phải tử thần, thì ở đó tôi cũng kịp nắm bắt những ưu tư, những khiếp hãi và nỗi u buồn về sự chết. Một ngài tổng thống lưu vong, một cụ già điểm vẽ già, những thân phận cô đơn bị dạt, nhiều phen bị rơi vào những suy tư triền miên về cái chết cô đơn của chính mình như trong cơn ác mộng trầm lắng mà không có ai lay tỉnh.

María Dos Prazeres, tên truyện ngắn đồng thời là tên nhân vật chính, bà điểm già, đã mở đầu bằng bằng linh cảm rằng bà sẽ chết trước lễ Giáng sinh sắp tới và bây giờ tuy mới là mùa xuân nhưng bà phải gấp rút tiến hành ngay cuộc mua bán với nhân viên nhà táng để có được một phần mộ ưng ý ở nghĩa trang trên đồi Montjuich, tiếp theo đó là thu xếp nốt những công việc cuối cùng của cuộc sống đơn chiếc. Đối với bà, một phần mộ dành cho mình trên đồi là điều tối hệ trọng xuất phát từ nỗi ám ảnh về trận lụt lội xa xưa ở vùng sông Amazon từng phơi bày cho bà thấy chân tướng hãi hùng của cái chết. Đó là những cái chết không được an nghỉ, hoặc phải lênh đênh trong lụt lội bởi thiên tai, hay như tin đồn lan truyền rằng để tiết kiệm đất, người ta chôn đứng quan tài người quá cố, và sau mỗi năm năm theo hạn định người chết sẽ bị lôi lên khỏi đất để "ném vào bãi rác" (cách nói của *María Dos Prazeres*). Kỳ lạ thay *María Dos Prazeres*, người đã chịu đựng một cách oanh liệt cuộc đời cô đơn của mình nhưng lại lo sợ phần mộ của mình phải chịu cô đơn, bất trắc. Còn gì se thắt trái tim hơn hình ảnh con chó Noi được huấn luyện phải khóc những giọt nước mắt của con người để rồi đây nó sẽ khóc bên phần mộ đơn côi của *María Dos Prazeres*.

Tại vì *María Dos Prazeres* không chấp nhận hư vô (kiểu Hemingway) hay tại vì Márquez muốn cực tả nỗi cô đơn giữa một cuộc đời tàn bạo, thiếu vắng tình yêu?

Tôi đã đứng thật lâu bên ngoài nghĩa trang hiển thị trên *Google Earth* như một du khách lang thang vô hình. Không ai hay biết rằng tôi đang nhìn ngắm những mộ

phần trang nghiêm lặng lẽ ở một nơi hoàn toàn cách biệt và xa lạ với tôi. Tôi cảm thấy lưu luyến nó bằng tâm hồn trộn lẫn cả cái *nada* và nỗi ám ảnh thâm kín của *María Dos Prazeres*, để rồi chỉ một cú nhấp chuột tôi đã khiến cho nó biến mất tầm mắt tích trên quả địa cầu, và trong khi đang lơ lửng chưa biết sẽ "hạ cánh" xuống đâu, tôi mới nhận thấy mình thiếu sót không kịp lưu lại một hình ảnh nào về nó và nhân đó mượn tên truyện ngắn của Hemingway đặt tên cho bức hình là "Một nơi sạch sẽ và sáng sủa".

Chú thích:

1. *Google Earth* là một phần mềm mô phỏng quả địa cầu, cho phép xem bề mặt trái đất, đường phố, nhà cửa... ở nhiều nơi trên thế giới.
2. *Một nơi sạch sẽ và sáng sủa*, Lê Huy Bắc dịch.
3. Tựa nguyên bản tiếng Tây Ban Nha là *Doce cuentos peregrinos*, bản dịch tiếng Anh là *Strange Pilgrims*. ■





Ngoại nó

Nắng. Cái nắng oi bức của mùa hè phương Nam đã lan tràn khắp mọi góc ngách của thành phố này. Giăng đường, chợ và cả căn phòng trọ bé tí của nó nữa. Lấy tay quạt ngang trán, giọt mồ hôi nhòe trên tay. Ướt. Nó khoác ba lô lên vai, nở một nụ cười mãn nguyện. Tạm biệt nhé! Nắng!

Vậy là đã qua hết dốc Ông Phật.

Xe đang lên đèo Cù Mông. Chậm chạp. Lạch. Nhấn nài.

Đẹp! Con đường đèo quanh co, len lỏi bên sườn núi. Ánh chiếu vàng xuyên qua những đám mây nhỏ, lấp lánh. Nó đưa mắt mơ màng nhìn ra xa. Dòng suối Mơ trông như một tấm lụa mỏng, mềm mại, tinh khôi. Phải chăng, thuở xưa, có nàng tiên nào đó vô tình đánh rơi dải lụa lúc dạo chơi qua đây? Lại tưởng tượng. Nó mỉm cười.

Bác tài vẫn đắm đắm nhìn về phía trước.

Chiếc khăn trên vai. Oằn nặng.

- A! Chị Bạch Tuộc! Chị Bạch Tuộc! Thăng em họ kêu toáng lên khi thấy nó đứng trước ngõ.

- Muốn ăn đòn hả nhóc? Chị mày là Mực. Bạch Tuộc, Bạch Tuộc hoài à. Nó giơ tay dọa thăng em họ.

Thăng em ranh mãnh cười:

- Thì họ hàng hết cả mà chị! Hihi. Con nào xào hành cũng ngon hết trơn mà.

Nó chưa kịp lên tiếng thì mẹ, này giờ đang lui cui trong bếp chạy ra cứu nguy cho nó:

- Cái thằng này, cứ trêu chị hoài vậy. Vô nhà ru em đi kìa!

Nói đoạn, mẹ quay sang nó, sau vài câu hỏi thăm, mẹ bảo nó:

- Con vào thăm ngoại đi, ngoại nay yếu lắm rồi. Tội. Lấn thẩn. Đúng là không gì đáng sợ hơn tuổi già con à!

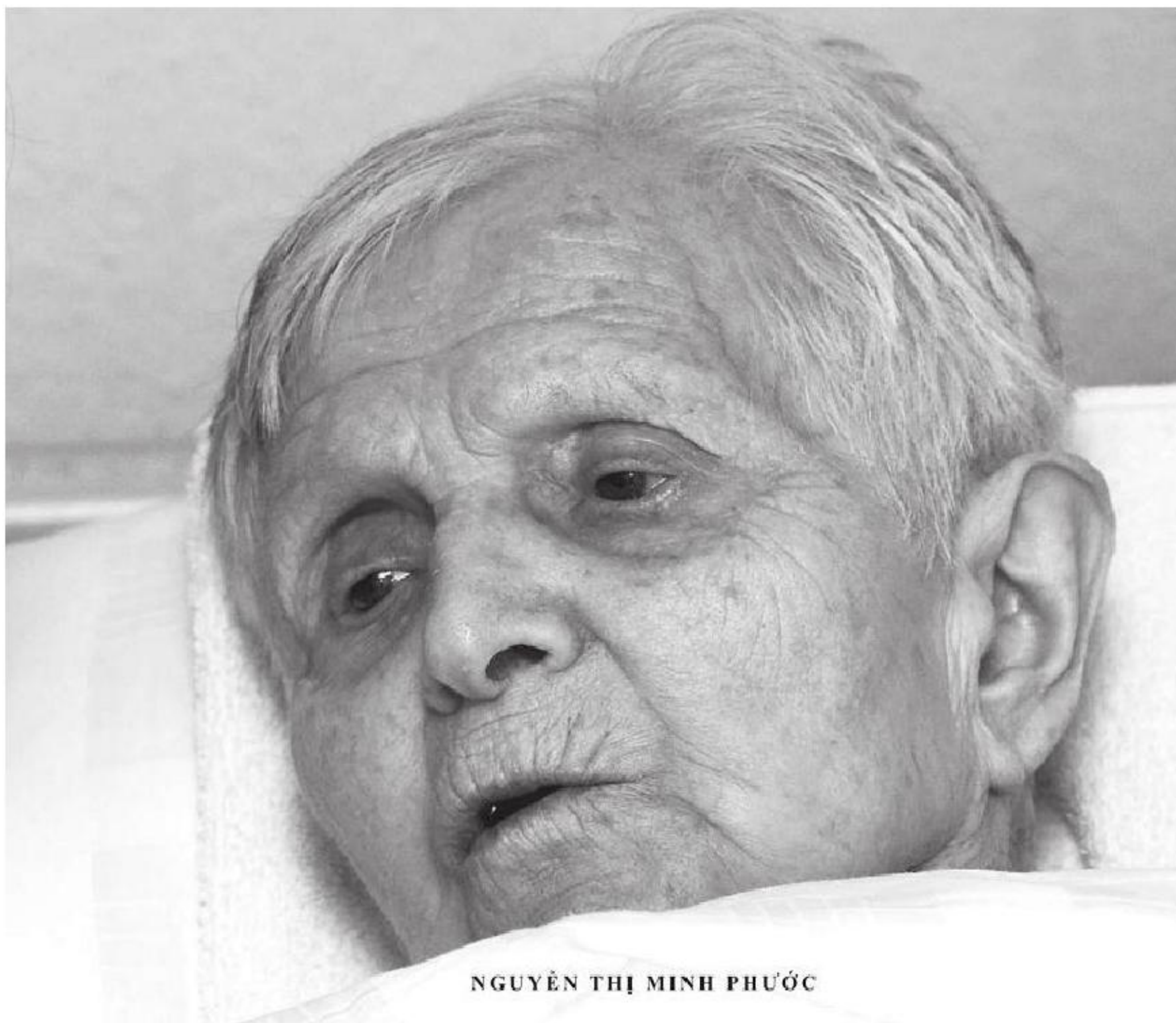
Tuổi già? Này giờ mắc tiếp chuyện với mẹ, nó chưa kịp chào ngoại. Lâu rồi, nay nó mới có dịp về thăm bà. Nghe mẹ nói vậy, nó thấy lòng mình xốn xang...

Ngoại ngồi đó, bên ghế đá dưới gốc xoài. Bà mỉm cười.

Nó đến bên, chào ngoại. Bà lẳng tai. Nó chào lại lần nữa. Bà gật gật đầu. Cười.

- Vô nhà rửa mặt cho mát đi con. Ngoại giục.

Nó bước vô nhà. Bên lu nước mát, nó cảm giác như nó là nhân vật Thanh trong tác phẩm *Dưới bóng hoàng lan* của Thạch Lam vậy. Chỉ có điều ở đây khác trong truyện, ở đây không có hoàng lan, mà cũng chẳng có cô nàng hay anh chàng nào đợi nó cả. Ở Phú Yên này thì toàn dừa là dừa. Mà thôi, "bóng dừa" thì cũng đẹp vậy! Lại tưởng tượng, như mọi lần chắc nó đã cười ngặt nghẽo rồi, nhưng... lần này, nó không thể nào cười được. Có cái gì đó nghèn nghẹn trong cổ họng.



NGUYỄN THỊ MINH PHƯỚC

Nó trở lại ngồi bên ngoại. Thằng em họ bế đứa em nhỏ ra ngồi đó từ lúc nào. Con bé thật kháu. Nó ngủ ngon lành, vô tư trên tay anh trai. Một giấc ngủ bình an. Thiên thần!

- Ủa, con là đứa nào ngoại quên mất đi cà? Ngoại hỏi nó.

Nó trả lời. Ngoại mỉm cười. À, Mực đó hả con. Ơ, Con vô hồi nào ngoại không nhớ. À... à.

Nó nhả nài trả lời lại từng câu hỏi của bà. Thằng em họ lắc đầu, lắc bầm:

- Nội lẫn nặng rồi!

Thằng nhỏ lại bế em vào nhà. Chỉ còn lại hai bà cháu.

Nó cầm tay bà. Xương và da. Nhẹ nhàng xoa lên làn da nhăn nheo, lấm tấm đồi mồi, nó không biết nói gì. Sống mũi cay cay.

Tám mươi ba tuổi, ngoại đã bước qua cái ngưỡng "xưa nay hiếm" rồi. Cuộc đời con người kể ra như vậy cũng là dài. Cả một đời người, bao nhiêu sóng gió, sấm chớp cũng đã qua...

Bao lần nó nghe má nó kể lại, ngoại nó, thuở xưa vốn con gái nhà giàu sang. Ai cũng biết tiếng cô Út Thơm ngoan hiền, lại đảm đang. Có rất nhiều mối dạm hỏi. Ngoại không đồng ý ai. Vậy mà không hiểu sao ngoại

lại lại lấy ông - một thầy giáo nghèo, góa vợ, lại có ba đứa con riêng.

- Để ngoại vào lấy xoài cho con ăn hen? Chưa kịp nói hết câu, ngoại chống gậy, lom khom vào nhà. Nó vội vàng chạy theo.

Gắn một thế kỉ với bao thăng trầm trong đời. Lúc giàu sang, lúc đói kém. Lúc là cô Út trong gấm hoa nhung lụa, lúc tảo tần buôn bán ngoài chợ. Lúc theo chồng vào Nam sinh sống, lúc một mình nuôi bầy con nheo nhóc nơi xứ đảo Tô Bông...

- Ăn đi con, xoài ngọt lắm đó! Ngoại cười.

Đôi mắt tinh anh ngày nào nhường chỗ cho những đám mây trắng trắng, đục đục. Ngoại cười.

Miếng xoài đắng nghét trong lưỡi. Nụ cười kia, ngoại đang vui hay đang buồn? Ngoại cười vì ngoại đang hạnh phúc hay ngoại cười vì những đắng cay của cuộc đời này hả ngoại?

- Ủa con là đứa nào ngoại quên mất đi cà? Ngoại quay lại hỏi nó. À, ngoại mỉm cười. Nó cố kìm những giọt nước mắt đang chực tuôn ra. Ngẫu nhiên thay, khúc nhạc của Trịnh Công Sơn bên nhà hàng xóm vọng sang: "Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi... để một mai tôi về làm cát bụi..." ■

Thắt lưng dài ra, cuộc đời ngắn lại

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Hình ảnh Đức Phật Di Lặc đã in đậm vào tâm tưởng nhiều người trong chúng ta. Đó là hình ảnh một vị sư to béo đầy đà, mặc y áo không cúc, thường ngồi chêm chệch phanh ngực, hoặc đứng hiên ngang khoe cái bụng to tròn, mặt mày rạng rỡ và đặc biệt là nụ cười luôn nở trên miệng, và vây quanh là đám trẻ vui đùa thỏa thích. Hình ảnh này khiến cho ai nhìn thấy cũng đều cảm thấy hoan hỷ, vui thích, có cảm tưởng như lúc nào cũng nghe được tiếng cười ha hả vang động của Ngài. Đó là nụ cười của Từ Bi, của Hỷ Xả, vô cùng cao quý, có thể làm tiêu tan hết mọi thù hận hờn ghét, làm tan biến mọi khổ đau phiền não trong lòng dạ con người. Đúng là: "Hàm nhan vi tiểu, tiểu thể gian nan tiểu chi nhân" (dịch nghĩa: Miệng nở nụ cười mỉm với những điều mà người đời khó có thể mỉm cười được). Tuy nhiên, với thân hình đầy đà, bụng to quá cỡ vẽ trong tranh về Ngài thì ta chỉ nên xem đó là hình tượng nói lên tấm lòng vị tha thương người vĩ đại, như câu thơ đã ví von: "Đại đồ năng dung, dung thể gian nan dung chi sự" (dịch nghĩa: Cái bụng lớn có thể dung chứa những việc mà người đời không dung chứa được) mà thôi. Dứt khoát không nên xem đó là đặc trưng vốn có của "sức khỏe" mà tìm cách ăn uống sao cho giống như vậy.

Đối với khá nhiều người, "có sức khỏe" đồng nghĩa với "có thân hình phương phi, tròn trịa"; đặc biệt, nam giới thường tự hào trời cho "tốt bụng", thực chất là béo bụng, tức bụng to hơn người thường là tốt. Thật ra mập mập không hẳn là có sức khỏe tốt; và béo bụng, tai hại thay, lại

là dấu hiệu có thể "trông mặt mà bắt hình dong" giúp nghi ngờ đương sự đang bị một quá trình bệnh lý gọi là "hội chứng chuyển hóa" (HCCH). Trong những năm gần đây, HCCH đã trở nên quen thuộc và là mối quan tâm hàng đầu của các thầy thuốc vì HCCH sẽ dẫn đến bệnh đái tháo đường (ĐTĐ) týp 2 và những bệnh do vữa xơ động mạch đóng vai trò chính (như bệnh mạch vành, nhồi máu cơ tim, tai biến mạch máu não). HCCH còn được gọi một số tên khác như hội chứng kháng insulin, hội chứng Reaven, hội chứng X, đặc biệt có tên gọi nói lên sự nguy hại phải đề cao cảnh giác là "tứ chứng chết người". Gọi là tứ chứng chết người là vì có 4 chứng nếu không điều chỉnh cải thiện sẽ đưa đến tình trạng sức

khỏe bị tổn hại nghiêm trọng, có thể tử vong như chơi, đó là "béo phì thể bụng tức béo bụng, huyết áp cao, đường huyết cao, rối loạn mỡ trong máu". Trong tứ chứng thì béo bụng có thể nhìn bề ngoài là biết, còn 3 chứng còn lại phải có thiết bị đo (như đo huyết áp, đo đường huyết) và xét nghiệm máu. Đặc biệt, nhiều nhà y học nhấn mạnh vai trò của béo bụng xem đó đóng vai trò chính, là trung tâm của 4 biểu hiện của HCCH. Người ta đã thống kê, trung bình có 20% số người ở độ tuổi trung niên bị HCCH và tỷ lệ này có xu hướng ngày càng tăng.

Làm thế nào biết được bị HCCH?

Dựa vào bảng tiêu chuẩn chẩn đoán HCCH dành cho người châu Á, người được xem là bị HCCH nếu mắc 3 hoặc nhiều hơn trong 5 tiêu chuẩn sau:

1 tiêu chuẩn về vòng eo: được xem là béo bụng khi nam có vòng eo lớn hơn 90cm, nữ lớn hơn 80cm.

1 tiêu chuẩn về huyết áp: lớn hơn hay bằng ($\geq$) 130/85mmHg.

1 tiêu chuẩn về đường huyết glucose lúc đói: $\geq 6,1$ mmol/l (≥ 110 mg/dl).



2 tiêu chuẩn về mỡ trong máu: a. triglycerid $\geq 1,7\text{mmol/l}$ ($\geq 150\text{mg/dl}$)

b. HDL-cholesterol nhỏ hơn ($<$) 1mmol/l ($< 40\text{mg/dl}$) ở nam, $< 1,3\text{mmol/l}$ ($< 50\text{mg/dl}$) ở nữ.

Lưu ý có một số tiêu chuẩn ở nam khác với nữ.

Người có huyết áp $130/85\text{mmHg}$, đường huyết lúc đói bằng $6,1\text{mmol/l}$, triglycerid bằng $1,7\text{mmol/l}$, và có vòng eo lớn hơn bình thường thì dù chưa bị bệnh cao huyết áp, chưa bị đái tháo đường (ĐTĐ), và chưa bị tăng mỡ trong máu, nhưng thật sự có thể đã bị HCCH. Như trên đã nói, béo bụng là dễ “bắt hình dạng” nhất, cho nên khi đo vòng bụng thấy vòng eo có vấn đề, hãy đi đo các tiêu chuẩn còn lại để xác định là có bị HCCH hay không, hầu không chế bệnh tật.

HCCH sẽ dẫn đến hậu quả gì?

HCCH nếu không kiểm soát hay trị liệu sẽ dẫn đến hai bệnh gây ảnh hưởng rất nặng nề là bệnh tim mạch do xơ vữa động mạch và bệnh ĐTĐ týp 2. Người bị HCCH có nguy cơ chết vì bệnh tim mạch vành cao gấp 3-4 lần so với người không bị. Người phạm phải 4 trong 5 tiêu chuẩn của HCCH có nguy cơ diễn biến thành ĐTĐ týp 2 gấp 24 lần so với người không phạm.

Một điều rất may mắn là HCCH có thể được khống chế bằng cách thay đổi lối sống, điều chỉnh chế độ ăn uống, tăng cường hoạt động thể lực và có khi phải dùng thuốc. Trong đó, việc điều chỉnh cân nặng về mức hợp lý đóng vai trò then chốt. Nên ăn uống điều độ, vừa đủ, tránh ăn no, tránh các chất béo, tăng cường ăn cá thay vì ăn nhiều thịt, ăn nhiều rau xanh, trái cây (rõ ràng để phòng chống HCCH, ăn chay đúng cách là tốt nhất). Ăn vừa đủ chất bột, không dùng đường tinh luyện, hạn chế tối đa ăn bánh kẹo ngọt, hạn chế ăn các loại quả có độ đường cao.

Người bị HCCH cần tránh cuộc sống thụ động bằng cách tập luyện rèn luyện thể lực tốt nhằm giải quyết vấn đề béo bụng do thừa do thừa cân, béo phì. Nếu giảm được 1cm vòng eo, bạn đã giảm được 7% nguy cơ bị bệnh ĐTĐ týp 2. Người ta ghi nhận chế độ vận động rèn luyện thể lực có giúp cải thiện tình trạng kháng insulin (insulin nhạy cảm tức được sử dụng tốt hơn sẽ có tác dụng kiểm soát đường huyết tốt hơn) và cải thiện tình trạng rối loạn mỡ trong máu (thể dục làm tăng HDL-cholesterol là cholesterol tốt).

Bị HCCH có phải dùng thuốc không?

Bạn cần phải đi khám bác sĩ để biết được mình có cần dùng thuốc để điều trị HCCH hay không?

Người bị HCCH nếu bị béo phì quá đáng có khi phải dùng thuốc giảm cân (nếu BMI* lớn hơn 30kg/m^2 trước đây phải dùng một trong hai loại thuốc sibutramin và orlistat, orlistat thường được chọn do sibutramin có thể làm tăng huyết áp, và nay thì sibutramin đã bị cấm).

Tùy theo tình trạng của người bị HCCH, bác sĩ sẽ cân nhắc việc lựa chọn thuốc thích hợp. Để hạ huyết áp, bác sĩ

thường chọn một trong những thuốc thuộc nhóm ức chế men chuyển, đối kháng thụ thể angiotensin II hoặc chẹn kênh calci vì các thuốc này ít gây tệ hơn tình trạng kháng insulin gây ĐTĐ. Để trị rối loạn mỡ trong máu, bác sĩ thường chọn hoặc thuốc nhóm statin hoặc fibrat hoặc niacin. Đối với tình trạng đường huyết hơi cao đến mức giới hạn các nhà điều trị tán dương việc thay đổi lối sống nhằm cải thiện chứ không ủng hộ dùng thuốc hạ đường huyết cho người bị HCCH nhưng chưa thật sự bị ĐTĐ týp 2.

Nên chăng phải cảnh giác cao độ đối với HCCH?

Nếu đã thăm nhuần phương châm “phòng bệnh hơn chữa bệnh”, những ai có nguy cơ, đặc biệt đối với người đã ở ngưỡng “đón gió heo may về” cần phải cảnh giác cao độ HCCH. Ta nên khám, làm xét nghiệm để biết mình đã phạm 3 hoặc hơn trong 5 tiêu chuẩn chẩn đoán HCCH kể ở trên hay chưa. Nếu phạm, ta cần tham khảo ý kiến bác sĩ để điều trị HCCH kịp thời để không hối tiếc bị mắc hai bệnh luôn gây tổn thất nghiêm trọng là bệnh tim mạch do xơ vữa động mạch vành và ĐTĐ týp 2. Nên lưu ý, nếp sống lành mạnh với chế độ dinh dưỡng hợp lý, rèn luyện vận động thích hợp để bụng đừng béo sẽ hóa giải, triệt tiêu HCCH, giúp bảo vệ và tăng cường sức khỏe.

* BMI (Body Mass Index, hay Chỉ số khối cơ thể) là chỉ số thể hiện độ gầy béo của một người, có được bằng cách lấy trọng lượng (tính bằng kg) chia cho bình phương chiều cao (tính bằng m). ■



Con đường mùa hè

TRẦN BỈ NGẠN

Tôi là một đứa con của thế giới
Cây cỏ ban phước cho tôi
Con cá mù dưới đáy đại dương ban phước cho tôi
Hòn đá nhỏ dưới bụi cây không ai thấy ban phước cho tôi
Những ảnh hình phản chiếu trong mắt ban phước cho tôi
Tiếng xe cộ trôi đều ban phước cho tôi
Sự im lặng của đêm không cùng ban phước cho tôi
Những vì sao như những lời kinh trong đêm nhấp nháy

Tôi là một đứa con của thế giới
Đại dương khô đau ban phước cho tôi
Nước mắt nụ cười có lý do hay không ban phước cho tôi
Sự tỉnh cớ của con ong bay vào cửa sổ
Đám mây chiều thấp sáng sự vắng mặt thiêng liêng
Niềm vui vì hôm nay ngày mai đều là phép lạ
Bởi vì mọi sự xảy ra từ cái không biết
Cái không thể biết ban phước cho tôi

Tiếng ve chấy ran ban phước cho tôi
Đâm suốt qua tôi xuyên qua những thời trẻ dại
Một con bướm đậu đọng đưa trên lá
Vũ trụ là sự biểu hiện của tự do thông dong
Đám chuồn chuồn bay lòng vòng gọi mưa trong ngày nắng gắt
Mồ hôi cứ ẩm trong áo
Mùa hè dẫn tôi đi trên những con đường cũ
Với niềm vui và sự mới lạ của hôm nay

Tất cả ban phước cho tôi
Vì tất cả là những đứa con của ánh sáng.

Đóa sen dâng Phật

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Mùa hè dâng Phật đóa sen
Đã mọc lên giữa bùn đen cỗi người
Bao nhiêu phiền muộn lắng rồi
Hương thơm tỏa dưới mặt trời trinh nguyên

Nắng mưa là mối lương duyên
Tám thân tứ đại và miền vô ưu
Cuộc đời cò đại hoang vu
Tham lam độc ác rồi mù lưới giăng

Ngón tay Phật chi dưới trăng
Rừng bao nhiêu lá sánh bằng khô đau
Con chim vừa mổ trái sầu
Hạt thiền chín rụng áo nâu sân chùa

Tiếng chuông nào thoảng bốn mùa
Đã nghe bánh pháp Đại thừa chuyển luân
Khói trời bằng bạc thanh tân
Đóa tâm sen nở vô ngần tinh khôi

Mặt ao lộng lộng mây trôi
Cửa vô thường mở thành thời sông dài
Gương sen soi bóng Như Lai
Nhụy vàng bông trắng thơm ngoài lá xanh...



Mùa sen

LÊ NGHỊ

Nhớ mùa sen nở
Qua cầu áo bay
Tháp Rùa – Duyên nợ

Ngàn năm Trường sơn
Dòng Hồng – dòng Cửu
Hội đình ngày nở...

Bóng Ta hao gầy
Hạt cát thức dậy

Tim em tháng ấy mưa bay...
Dưới chân núi đỏ
Địa cầu kiên khổ vòng quay...

Khuya vào hạt nước...
Đường làng sáng trắng
Chuông chùa phổ độ.

Mưa chớm hạ

CAO HOÀNG TỬ ĐOAN

Mênh mang chiều mưa rơi
Thành phố mùa chớm hạ

Mưa trên ngón tay thon
Dịu mát nhành trứng cá
Mưa từng hạt rơi khẽ
Lăn xuống bờ mi ngoan
Mưa dung dăng dung dề
Đậu trên chùm hoa xoan.

Tháng tư thêm cơn mưa
Cho đất trời rộn rã
Cho phượng còn tươi đỏ
Cho ve bùng hoan ca...

Dòng sông quê tôi

NGUYỄN TRÚNG

Dòng sông nơi quê tôi
Dòng sông tuy không sâu
Dòng sông mang nỗi nhớ
Và nước vẫn qua cầu

Hai hàng tre vươn cao
Hai hàng tre lao xao
Lá xanh màu ngọc bích
Tình trao tự thuở nào

Tiếng ai hò đêm trăng
Dòng sông nghe âm vang
Ai ngược lên Đông Ba
Ai xuôi bến Thanh Toàn

Con đò từ phía xa
Xuyên qua màn sương sớm
Bên cầu hò mái đẫy
Bên mái nhì thiết tha

Dòng sông nơi quê tôi
Có bèo dạt mây trôi
Dòng sông còn bé nhỏ
Nhưng tình mãi không thôi.

Chút dị

NGUYỄN SĨ CẨM

Chào đời, khóc oa oa
Túc tưởi bên mẹ cha
Lần đầu tiên biết dị*
Biết trần gian là nhà.

Trời cho một hoa niên
Chút dị làm của riêng
Giấu che nhiều mộng ước
E ấp mà thiêng liêng.

Nhưng cuộc sống ngả nghiêng
Danh lợi cuốn triền miên
Bụi đời che chất dị
Tục lụy mà không yên.

Lặn dạn theo hư vinh
Hoàng hôn đã rập rình
Giục hành trang thu xếp
Ngâm lại chốn dung mình.

Chờ giây phút thật thà
Khi bất động, lệ sa
Thiết tha cùng chút dị
Thất lạc từ xưa xa...
* dị: e thẹn, mắc cỡ

Bức tường và đứa bé

TRẦN HẠ THÁP



Ngôi nhà không quá rộng nhưng trang nhã. Tranh họa vĩ nhân, ảnh tượng các huyền thoại thế giới, chân dung các nhà chần dặt thời cuộc... chiếm nhiều chỗ trên tường phòng khách. Tất cả được treo quá đầu người. Với một đứa bé lên ba thì nó không thể nào với tới. Nó chưa hề tỏ ra quan tâm đến công trình trang trí nội thất đầy nghệ thuật này dù phòng khách là nơi nó thường lui tới nhất.

Một bé gái đầu lòng hồn hậu thông minh, xinh như tranh vẽ. Nó cần gì các thứ này? Tự nó đã là thiên thần mặc sức bay nhảy, cười khóc trong ngôi nhà vốn quá nhiều tịch mịch. Trước thiên thần, sao lắm lúc người lớn không chịu nhận những quà ban đầy "phép lạ". Tìm cái gì, ở xa xôi nào chẳng? Khi Phật tánh sẵn trong mỗi sinh linh, chỉ vui lấp dưới rác rưởi của tham lam và vọng tưởng. Độ dày đồng rác kia? Một tỉ lệ thuận với tuổi đời chống chọi...

"*Tin Ta mà không hiểu Ta, ấy là phỉ báng Ta*". Với các đệ tử, Đức Phật Thích Ca từng gián tiếp nói về sự sùng bái gần 3.000 năm về trước... Câu nói tiềm ẩn năng lượng giải phóng quá trình nô-bộc-hóa-tư-tưởng mà nhân loại đã khởi đầu qua thói quen thần phụng. Thói quen mà minh triết của sự kính-ngưỡng-đích-thực không bao giờ thỏa thuận.

Luân, kỹ sư, ba của đứa bé. Gã đã tốn không ít công sức tiền bạc sưu tầm, chọn lọc các mẫu mã chân dung độc đáo nhất. Không nhớ hết, các cuộc nhậu lai rai với đám ba quý hữu ngay phòng khách như một cách ghi nhớ đầy cảm hứng.

Thật ra, các khoảng trống còn lại của các bức tường, ngay dưới mấy vĩ nhân kia mới là chỗ tận hưởng niềm vui mỗi ngày của đứa bé. Văng, khoảng trống ở chân tường.

Có lẽ khi đã lớn, nó sẽ hiểu rằng, dù rất nhỏ chỉ thoáng qua thời thơ ấu nhưng đây quả là lát-cắt-của-

hạnh-phúc-nhân-tiến. Thứ hạnh phúc đơn giản chẳng cần đợi bao nhiêu năm như những lời hứa hão huyền người ta hay đem "kính biếu" cuộc đời...

Chắc hẳn rằng chẳng ai, ba hoặc mẹ nó từng gợi ý gì về các khoảng-trống-kỳ-diệu ấy. Cho đến một hôm nào? Chưa biết... Cái kỳ-diệu-cổ-hữu trong họ chẳng còn chỉ kỳ diệu. Mệnh mông... Mệnh mông là khoảng trống...

Trưa nay, khi phát hiện ra sự cố ngay dưới mỗi bức tranh cưng quý của mình... ba của đứa bé có bộ mặt dờ cười dờ khóc. Cái gì? Là các "phụ bản không tên gọi". Chúng đặc biệt gây sốc, xuất hiện chỉ sau một ngày hè đầy nóng nực.

Vâng, hộp chì màu được kịch liệt tận dụng - tợ như - để lấp đi những khoảng trống trên tường. Hề hề, đủ các tuyến màu chẳng chịt chạy hình tròn ốc, chồng lên nhau theo thủ pháp chà-xát-tự-do rất lý thú. Cả bốn bức tường, ngoại trừ trên cao quá tầm với, còn lại đều được đứa bé "nhuận sắc" theo một phong cách mới chưa hề ai định nghĩa.

Không để ý tới hai bàn chân sưng sờ bất động của ba ngay trước mặt mình, đứa bé vẫn cứ tiếp tục chơi búp bê trên sàn nhà phòng khách. Chì màu ngồn ngàng khắp phòng, tất cả đều gây ngang không cây nào còn nguyên vẹn.

Nhìn xuống khuôn mặt ngây thơ trong sáng, những tia hòa niêm vừa bùng phát trong đầu Luân lập tức tiêu tan không dấu vết. Có ít nhất hai thái cực đối lập trong "thất tình lục dục" của gã vừa hòa quyện vào nhau, cùng dịu tan đi và - kỳ lạ - mất tăm vào tĩnh lặng.

Giây phút ấy tư tưởng về đâu? Tất cả khái niệm về đúng sai, được mất, hay dở, có và không trôi dạt ra thật xa, thoát ra ngoài bản thân của gã. Trạng thái không diễn tả nên lời. Á khẩu...

Luân từng đọc đến chữ "Vô niêm" cứ tưởng ý nghĩa nó quá mơ hồ trong kinh Phật, nay trải qua trong vài sát-na, bất ngờ gã như đang ở cảnh giới đầy an nhiên nào đó.

- Không chơi bẩn nè ba. Tay sạch.

Đứa bé xòe hai bàn tay trước mặt. Không hiểu sao Luân chống hai tay, bò xuống sàn hôn thật mạnh vào những ngón tay nhỏ xíu mà trí óc vẫn lơ mơ chưa kịp nghe gì về câu nói. Đứa bé phá ra cười sảng sặc:

- Râu. Râu nhột.

Chiều hôm sau, thứ bảy. Luân không đi đâu như lệ thường. Gã nằm gối sa lông, thành thói không đọc sách. Di động reo. Hạnh, vợ gã đưa mắt như nhắc nhở nhưng Luân vẫn cứ cười cười, mặc kệ... Tiếng xe máy dừng ngoài cổng. Giọng các quý hữu oang oang liên tục vọng vào:

- Hần đây rồi.

- Nhập gia... Chẳng tùy tục. Nếu tùy tục... Chẳng nhập gia.

- Nước giếng không phạm nước sông. Nhưng nước sông cứ vòng nước giếng.

Gã đành vớ cái áo ngồi dậy. Mấy người rầm rập khí "hạo nhiên" cùng bước vào phòng khách, nhưng ô

hò... đều trở mắt nhìn các bức tường. Cuối cùng có kẻ không nín được cười, ôm bụng:

- Bối phục ái nữ của lão gia... khổ chủ.

- Thiện tai. Thiện tai. Cho "công án" quá đã.

- Hề hề, sao thẳng bố chuyên tốn tiền mua tranh phí nhĩ?

Luân chỉ biết chấp hai tay, nhắm mắt lăm-răm đọc kinh văn Bát Nhã:

- "Ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách".

Khi tất cả đã đẩy xe ra khỏi cổng, đứa bé vụt chạy từ phòng bên, thò đầu ra hấp tấp kêu lớn:

- Mua quà nghe ba.

Luân về đến nhà đã hơn 8 giờ đêm. Hai mẹ con ngồi chờ trên ghế xích đu. Đưa tay vào túi trên túi dưới, gã ngơ ngác lục lợi hồi lâu như một kẻ làm trò. Đứa bé kiên nhẫn lâu hơn, nó chạy đến giật vội hộp giấy nhỏ trên tay ba. Rỗng tuếch chẳng có gì bên trong cả. Hạnh quá buồn cười, cầm tay nó nói nhỏ vào tai an ủi:

- Ba say rồi. Mai mẹ đến nhiều hơn.

Luân ngó ra đường, gãi gãi tai cười khổ:

- Tệ thật, hàng quán đóng cửa hết rồi.

Gã bán thần phân bua:

- Rơi đâu hết còn hộp không. Nhớ rõ ràng... La thật.

Mặt đứa bé thộn ra chực khóc. Nó vùng vằng quay mặt vào chỗ tối và bắt đầu sụt sịt:

- Ba làm xấu... Làm xấu. Bị phạt.

Gã bối rối:

- Ủ xấu thật. Ba xin lỗi... Ba bị phạt quỳ muối chích.

Nói xong, gã để nguyên giấy vớ, quỳ xuống cái rụp, ôm cột trụ hành lang tự răn mình sám hối. Đứa bé quay mặt ra lau nước mắt chứng kiến hình phạt dành cho tên tội đồ ham chơi. Nó có vẻ hơi nguôi lòng, tới gần nhìn vào mặt kẻ thọ hình xem sao... Chứng như chưa đủ thủ tục pháp lý, nó nhỏ giọng vỗ về đầy khuyến khích:

- Khóc. Khóc đi ba.

Luân ngó ra một lúc, đột nhiên ôm-mặt khóc sụt sịt. Lúc đầu chỉ giả vờ nhưng khi cảm nhận có bàn tay nhỏ xíu đang vỗ vỗ lên mái tóc của mình, gã đột nhiên cất hai bàn tay ra khỏi mặt để ôm chầm đứa bé. Nước mắt thật loang lổ trên mặt mũi gã lúc này.

Hạnh đến bên kéo hai cha con vào nhà. Khi Luân cời sơ mi lòi ra khỏi thùng, chợt đứa bé reo lên mừng rỡ. Nó chạy đến nhặt những bút chì màu mới nguyên vừa lạch cạch rơi xuống sàn nhà. Cái hộp rỗng được làm đầy không thiếu một cây. Cười ngất, Luân tự gõ vào đầu mình mấy cái:

- Ngu... Rơi hết vào đây cả đồng.

Bây giờ thì gã đã nhớ, mua hộp chì màu tuồn vào trong ngực áo. Sau sợ màu giấy ra khó giặt, lại lấy ra bỏ xuống túi quần... Ngờ đâu bỏ túi quần hộp rỗng.

Đứa bé không cần nghe nói. Nó ôm hộp chì màu vào lòng khi leo lên giường ngủ. Người mẹ liếc nhìn phòng khách. Bây giờ Hạnh hiểu sao Luân không gọi thợ sơn quét lại các bức tường. ■

Lênh đênh một con đò

Một buổi sáng mùa hạ, nắng đã bắt đầu gay gắt, người bạn già của tôi điện thoại, kéo tôi ra một địa điểm quen thuộc bên bờ sông Hương. Tưởng là rảnh rỗi thì gặp nhau chuyện trò, nhưng mới hay là ông bạn chỉ ra sông, một con đò nhỏ bé chèo tay từ xa lần tiến vào bờ, và bảo tôi: “Đò đó! Xuống đò dạo trên sông cho vui”. Lời mời bất ngờ và lạ. Sao đã trưa nắng mà đi đò ra làm chi giữa dòng? Nhưng thôi, cái gì bất ngờ thường hay đưa đến thú vị.

Chủ nhân chiếc đò xuất hiện, tôi nhận ra mình đã gặp lần đầu tiên trong mùa Phật đản vừa qua, người đã có duyên đến kịp thời và giúp quý thầy và những người có trách nhiệm lo sắp đặt, trang trí những cụm hoa đăng trên sông Hương. Ba trăm cây tre từ thượng nguồn kéo về được ông và một số người khác chôn dưới nước và neo chặt để cây đứng vững, làm giá treo những hoa đăng hình hộp với 5 màu của cờ Phật giáo. Ông tham dự vào mùa Phật đản thì con đò của ông cũng góp phần trong hội hoa đăng. Với lá cờ Phật giáo cắm trên mũi, con đò của ông hòa cùng hàng trăm chiếc thuyền treo đèn kết hoa rực rỡ trong đêm, còn ban ngày, con đò nổi bật trên màu xanh sông nước.

Con đò của ông thật là độc đáo. Nó không phải là thuyền rồng phục vụ khách du lịch, đưa khách thăm những di tích, thắng cảnh, thưởng thức ca Huế trên sông; nó cũng không phải là con đò khai thác cát sạn nặng nề, lằm lủi; cũng không phải là con đò ngang nối hai bờ gắn trên thượng nguồn; mà nó gắn gũi với những con đò nhỏ âm thầm buông câu thả lưới. Thế nhưng nó có một cõi riêng.

Về kích thước, con đò chỉ sánh ngang hoặc hơn một chút với chiếc thuyền câu. Nhưng thuyền câu thì bé bỏng và trôi trệch trên sông, còn đò của ông thì... đầm ấm, vì ngoài ông còn có bà. Đó cũng là nhà của hai vợ chồng già, và muốn thế, ông đã cải tạo con đò: thêm mũi, thêm ống phao dài hai bên mạn, gia cố đáy, gắn thêm động cơ... Tội nghiệp, dầu có cải tạo thì con đò vẫn nghèo, mũi và bạt hai bên bằng tấm ni lông xanh cũng chỉ để tránh mưa nắng. Tuy nhiên một chút không gian cũng tạm tạm cho cuộc sống nong ấm, với tấm ván thay giường, với khói lam nhẹ bay lên từ lò bếp trong khoang. Vẫn có bộ đồ trà cho ông nhâm nhi hoặc đãi khách. Ông tiếc là không xem được tivi. Cái radio là phương tiện thông tin giải trí duy nhất trên đò. Nếu kể thêm, ông cũng có điện thoại di động như



CAO HUY HÒA

Ảnh: Nguyễn Văn Thịnh

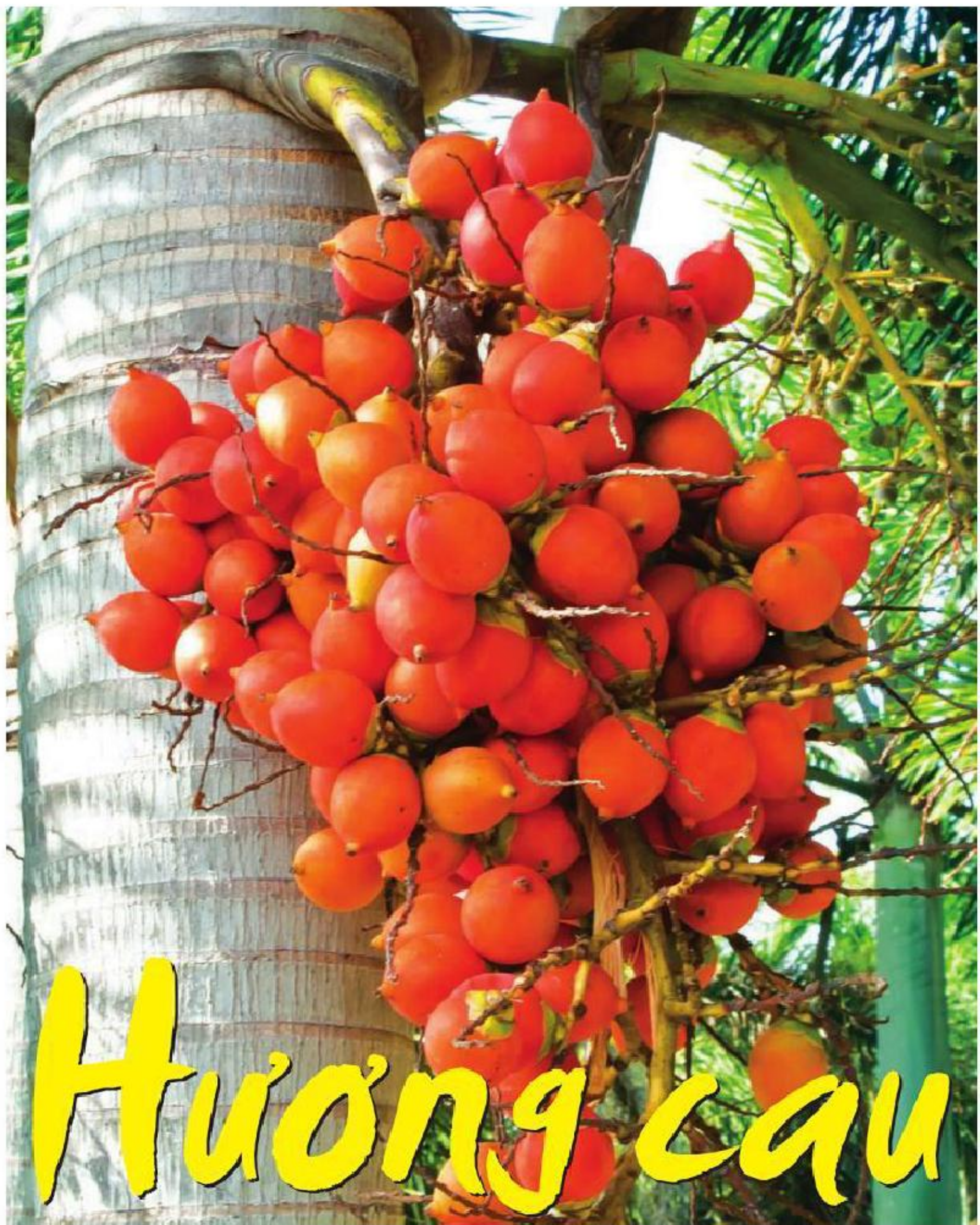
ai. Nhưng cái quý giá nhất, ý nghĩa nhất trên con đò của ông, theo tôi, là mái chèo tay, loại một người chèo, không mấy tốn sức (dĩ nhiên đò chỉ chở ít người). Du khách được thú vị lướt nhẹ trên sông Hương, không có tiếng ồn của động cơ, chỉ có chút khua nước của mái chèo. Ôi, quý giá thay thanh bình và tĩnh lặng giữa sông Hương êm ả!

Nhưng không lẽ hai ông bà già an cư được trên con đò này? Ông bà có *sơ sơ* 10 người con, 6 trai và 4 gái, đều đã trưởng thành, có người làm ăn xa; ông bà cũng có nhà ở Bãi Dâu, nhưng trong điều kiện thời tiết bình thường thì ăn ở trên con đò, và đến rằm, mồng một thì về nhà quét dọn, lo sắm sửa trên bàn thờ, thắp hương. Tất nhiên, ông bà không phải lênh đênh trên sông để mà chơi ngông. Đêm đêm, hai người thả lưới ven sông, kiếm con tôm con cá chỉ khoảng vài chục đến trăm ngàn đồng, và cũng có đêm trắng tay. Thỉnh thoảng, có mối, ông chở khách du lịch, kể cả người nước ngoài, dạo chơi, tắm mát trên sông Hương. Ông bà thừa sức hành nghề, thừa sức lênh đênh trên sông vì tuổi tuy đã trên 70 nhưng rất khỏe. Cuộc đời lính tráng phong trần trước năm 1975, rồi lao động vùng kinh tế mới, rồi chèo đò, bủa lưới, giăng câu đã góp phần tạo sức vóc

tráng kiện, và ông tự hào là dân sông nước có hạng, có lần đoạt giải cuộc thi bơi dành cho người cao tuổi. Con đò của ông là an toàn, vì theo ông: “như ri mà chắc chắn lắm, lại có phao sẵn. Còn nếu khách lỡ có chi thì có tui đây. Khách mò xuống tắm, tui đều canh cẩn thận. Có lần hai cô khách Tây thuê đò tui, ra giữa sông thích quá, xuống tắm, cứ leo lên leo xuống đò, làm tui phải canh cả buổi!”

Nhìn con đò thì thấy rõ cảnh nghèo, nhưng nhìn “nhan sắc” hai ông bà thì hiện nét an vui. Tò mò một chút, tôi hỏi ông, sống như thế này có bằng lòng không, thì ông vô tư: “Như ri mà khỏe. Con cái muốn tui thôi hẳn ăn trên con đò ni, nhưng tôi cứ sống với nó, tui còn khỏe lắm!”

Như vậy, một buổi sáng mùa hạ, tôi nhận ra nơi con đò này một thứ gì đó như là hạnh phúc an nhiên trên con đò lênh đênh trên sông Hương, vô tư như cỏ cây trong không khí trong lành. Thế còn ông bạn của tôi, trong buổi sáng hôm đó, không chút vương bận, cho neo đò giữa sông, gió mát thấm vào da thịt, thỏa thích ngắm cảnh sông núi cỏ cây, rồi nhào xuống sông bơi lội một hồi... có cảm thấy sướng, một cái sướng hiếm hoi vì mê sông Hương bằng chính tấm thân già của mình? ■



Hương cau

NGUYỄN VĂN UÔNG

Cuối xuân, khi trong vườn, quýt và bưởi đã tàn hoa, nụ trái chỉ chít từng chùm nhỏ những hạt cườm xanh đầu cành lấp lánh dưới nắng ấm, thì cau bắt đầu nở hoa. Hoa cau nở từ trên cao, không ai dễ được thấy; chỉ biết sáng ra vườn, những hạt bông cau như những hạt gạo vàng óng ả rải đầy những lối đi, vương vào cây cỏ. Màu vàng nhẹ nhẹ ẩn giữa những đám cỏ xanh non mơn mơn như rắc phấn. Đêm xuân nằm trong chăn ấm nghe vườn cau chuyển động rì rào. Trời lạnh gió nhưng nhiều sương.

Thỉnh thoảng vài giọt sương từ những tàu cau trên cao rơi xuống đám lá chuối nghe như gấn như xa. Có tiếng rơi đánh soạt thật to... Một tàu cau có cái mo cau và nhánh lá tua tua rơi trên bụi chuối hay gốc quýt đâu đó trong vườn. Có tiếng rơi nhẹ nhẹ... Đúng là tiếng rơi của cái mo bẹ. Cái mo bẹ mềm mại, màu vàng tươi xanh, ôm trọn buồng hoa cau khi chiếc mo cau dày cứng bên ngoài đã rụng. Rồi buồng hoa cau lớn dần, cái mo bẹ không còn đủ sức bao bọc buồng cau, đem lại rơi xuống để buồng cau chào đời. Hương cau lan tỏa trong đêm

theo làn sương mát lạnh chen vào từng kẽ chăn ấm, ru tuổi thơ chúng tôi lớn dần lên.

Chị em tôi khi còn bé thường theo ông ra vườn mỗi sớm. Ông ngược nhìn lên bầu trời cao lửng lửng những đợt cau, xem buồng cau nào nở. Chúng tôi lung sục khắp vườn tìm những mọ cau và mọ bẹ. Tôi đem cái mọ cau cổ tàu lá ra đường xóm làm xe, một đứa ngồi vào mọ và những đứa kia cầm chuôi lá, thay nhau kéo. Ông tôi cắt mọ cau thành những chiếc quạt phe phẩy trưa hè hay che đầu khi ra nắng. Ông còn chằm mọ cau thành những cái gàu dài, gàu đặt dùng trong nhà. Mẹ tôi xới một vốc cơm gạo mới, đùm vào cái mọ bẹ rồi vặn ép tròn như đòn chả, cắt thành từng khoanh cho chúng tôi chấm muối mè, vừa ăn vừa nghe dẻo thơm ấm lòng. Vườn nhà tôi rất nhiều cau. Thân cau vút cao lên tầng trên. Chúng tôi ra vườn chỉ thấy thân cau và những loại cây trái tầng dưới. Nắng cuối xuân hay đầu hạ chưa đủ oi bức, lấp lánh rơi xuống vườn cau từng mảng tươi vàng. Hương hoa cau phảng phất nhẹ nhẹ trên cao như mùi hương của tầng trời. Chúng tôi nhặt bông cau bỏ vào từng cốc nước nhỏ, chơi trò buôn bán chè bông cau.

Chơi trò câu đố, chúng tôi không đứa nào không biết câu đố về cây cau:

"Đầu rồng, đuôi phượng le te - Mùa xuân ấp trứng, mùa hè nở con"

Cuối hè, đầu thu là đến mùa cau. Ròng rã mấy tháng trời vườn nhà tôi có cau thu hoạch. Khi cau đã đầy, ông tôi thuê người leo lên lột cau (hái cả buồng) để mẹ tôi mang ra chợ bán. Cau lột đúng độ đầy là ngon nhất. Cau non thì hạt cau còn bông ruột, chưa chín đầy, ăn nhạt mùi. Cau già thì hạt cứng, có tia gân nhựa ứa vàng không đẹp, lại khó nhai. Trái cau đầy khi bửa đôi, ở giữa có cái mọng trắng bằng hạt gạo tròn tròn, ken kín giữa hạt và cùi. Mẹ tôi lấy ngọn trấu có quạt vôi tằm thành từng miếng, sắp vào đĩa bên những miếng cau đầy vừa bửa ra, đặt lên bàn thờ. Những miếng còn lại mẹ tôi mời bạn bè cùng nhai. Quết vôi đỏ hồng mọi những thím, những o trông thật tươi tỉnh. Hương cau và mùi vị miếng trấu theo mãi tôi từng năm, từng tháng, khó quên.

Ngày ông tôi mất, vườn cau nhà tôi cây nào cũng được quần một tua tang trắng. Vườn cau này ông tôi trồng sau thời gian theo nghiệp bút nghiên không công thành danh toại. Ông lui về làm ông đồ lỗ thời vận, dạy lũ trẻ làng và lập vườn mưu sinh. Mấy chục năm, cau già đã cao quá đợt tre, ông tôi đã qua tuổi bát tuần. Ngày tiễn ông tôi về nơi an nghỉ cuối cùng, tôi cứ nhìn lên những ngọn cau cao tít, không biết cau còn cao đến chừng nào?

Năm sau, trong một trận càn địch tràn về quê tôi, tôi lại mất tiếp ba tôi. Bà ngoại tôi lên ở với mẹ tôi đỡ đần vài việc vặt trong nhà giúp mẹ tôi nuôi đàn cháu nhỏ mồ côi. Về mùa cau, bà tập hợp mấy o, mấy thím trong xóm cùng mẹ tôi dạy nghề bửa cau. Những buồng cau vườn nhà và mua của nhiều vườn khác chất đầy những góc

nhà. Trong giấc ngủ đầy giữa khuya về sáng, tôi chấp chờn nghe tiếng róc vỏ cau nhè nhẹ xen giữa tiếng chuông chùa từ nơi nào rất xa, rừ rừ ngân nga điệu nhạc quê hương. Mấy tiếng súng vọng về từ nơi nào đó và tiếng rì rầm lời niệm Bồ-tát Quan Thế Âm của bà tôi, kéo tôi ôm sát tấm lưng gầy gò của bà như tìm nơi che chở. Sáng dậy những sế cau trái đã sạch vỏ và đã được hót chũm la liệt trên sân chờ ngọn nắng mai để được khô se mặt. Mấy o, mấy thím kê ghế ngồi bửa cau giữa sân, trải những miếng cau đều đặn trên sế chờ nắng hong khô. Nắng mùa thu thật đồng đánh, mẹ tôi vừa bửa cau vừa nhìn trời xem các đám mây lơ lửng, có khi che ngang đợt nắng. Chừng đứng bóng thì trên các sế cau, tất cả cau trái đã thành cau miếng. Mẹ tôi chuẩn bị bồ, than chờ khi nhạt nắng mang cau vào sấy. Sân nhà hăng hắc mùi nhựa cau, tay mẹ tôi xám xịt màu nhựa cau. Nắng tháng Tám có tiếng dũ là gay gắt đến *"nám trái bưởi"* nhưng với các sế cau thì chỉ vừa đủ làm ráo mủ. Những ngày nắng tốt thì cau trắng. Những ngày nắng xiù thì cau ỉm màu. Tôi học cái kinh nghiệm ấy từ nghề bửa cau của mẹ tôi ngày còn bé và học luôn cái ước mơ có những ngày mùa thu tốt nắng để làm đẹp các sế cau bửa.

Cau được sấy suốt đêm. Cái bồ sấy cau hình ống tròn vạnh, đan bằng nan tre có phết phân trâu làm keo dính. Phía trong bồ đặt một trạch than cháy đã ủ tro, cung cấp hơi nóng. Các sế cau chống lên nhau đặt trên miệng bồ. Các thím, các o thay nhau xóc cau trong từng sế và đảo các sế từ dưới lên trên để khô đều. Về khuya khi tiếng xóc cau trên sế đã nghe giòn giã thì cau đã đến độ khô. Hương cau khô phả thơm nồng căn nhà cùng hơi ấm bồ than ru tôi vào những giấc ngủ tuổi thơ cùng nhiều kỷ niệm đau buồn theo mãi tôi với hình ảnh người mẹ tảo tần, bất hạnh.

Giấc về đóng đồn bên kia sông để trấn áp vùng quê tôi. Vì nhà có người *"theo địch"*, vườn cau nhà tôi bị chúng triệt hạ để làm công sự. Những cây cau thẳng tắp bị đốn hạ không thương xót. Khi chúng rút đi, tôi thẩn thờ ra vườn vuốt ve những chùm trái cau non không được lớn lên, rơi ngổn ngang trong từng ngọn cau xanh mướt. Lần đầu tiên tôi được nhìn và mân mê những tàu lá cau xanh non, những trái cau mới đậu trái chưa nhú ra khỏi chũm, thấy lòng ghen ngào. Mẹ tôi lặng cầm nhìn vườn cau xơ xác từng ngày. Tôi không biết mẹ tôi nghĩ gì. Tiếng mẹ thở dài mỗi khi nhìn lên những đợt cau còn lại rồi nhìn chúng tôi. Tôi cúi mặt lảng tránh ánh mắt ấy, nắm tay em tôi, dẫn em tôi chấp chững những bước đi đầu tiên đạp trên những xác cau, tìm trái cau non nhỏ xíu thay viên cuội, bày em chơi trò chơi ô làng.

Theo tháng năm tôi lớn lên, vườn cau nhà tôi không còn nữa. Mùa hè đầy tiếng ve và cái nắng chói chang dội xuống sân nhà, tôi mang sách ra chiếc chõng kê dưới bóng hàng tre sau vườn ôn thi. Đàn chim sè sà xuống sân nhặt từng hạt thóc vàng óng trong chiếc nong lớn rồi bay đi. Tôi nằm trên chõng tre dí mắt vào những

trang sách mà hồn mãi tận đầu đầu. Ngày trước, mùa này, trên những đợt cau sau nhà, chim sẻ làm tổ, kêu ríu rít mỗi sáng mỗi chiều. Vài con tha rác làm tổ trên ngọn cau hay móm móm cho lũ chim con kêu chiêm chiếp suốt ngày. Trong sân kín những sế cau hóng nắng, bóng cau ngả xuống sân nhà đến đâu là thời điểm để mẹ tôi cho sế cau lên bồ sấy? Tôi lại nhớ ông tôi, nhớ ngoại tôi và những đêm úp mặt vào lưng ngoại nghe tiếng cầu Quan Thế Âm phá nổi sợ tiếng đạn bom...

Tôi xa quê, đi liền một mạch gần năm mươi năm. Năm nay tôi trở về quê dự tiệc cưới đứa con út của em gái tôi. Tháng Tám mùa cau mà em tôi đi khắp làng không kiếm được một buồng cau đẹp. Tôi nán lại quê hơn một tuần. Trời cuối thu mưa nắng bất thường. Cam quýt sau vườn đã có màu nám nắng. Tuổi già ít ngủ, khuya về sáng, tôi lắng nghe tiếng đêm vùng quê xào xạc trong đám tre cùng tiếng ếch nhái ngoài ruộng. Tiếng chuông chùa! Ô... Tiếng chuông chùa khuya về sáng! Mấy chục năm rồi bây giờ tôi mới nghe lại trong không gian tĩnh lặng bình yên này. Tôi như nghe lại ngọt ngào, đầm ấm tiếng niệm Quán Thế Âm của ngoại tôi và mùi hương sế cau bữa. Bất chợt, tôi quờ quạng tìm tấm lưng gầy của bà trong mênh mông đêm vắng... Tiếng chuông vẫn rì rầm ngân vang... Tôi tung mình bật dậy thắp nén nhang lên ảnh Phật và quì trước hương án đợi trời sáng. Ôi! Tình tự quê hương và tuổi thơ. Cái khoảng trống tâm hồn về hương vị tình quê phải chăng là một thực tế từ lâu tôi đã vô tình đánh mất.

Tiếng cô phát thanh viên chương trình chào buổi sáng từ chiếc tivi phòng ngoài mở đầu một ngày mới ở quê hương tôi. Nắng đã lên ngập ngừng trước cửa. ■

THÔNG BÁO

Trân trọng kính mời Chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, doanh nhân và độc giả trong và ngoài nước. Tham gia đọc, viết, cổ động phát hành báo, đăng quảng cáo và viết PR giới thiệu hoạt động từ thiện, quảng bá các sản phẩm và hoạt động của doanh nghiệp, công ty, nhà hàng chay, quán chay, cửa hàng... trên Tạp chí Văn hóa Phật giáo.

Tạp chí được phát hành vào ngày 1 và 15 hàng tháng trên toàn quốc và nước ngoài.

1- Giá báo phát hành:

- Trọn năm 2012: 510.000đ
- 6 tháng cuối năm: 255.000đ
- Quý 3 và quý 4/2012, mỗi quý: 130.000đ

2- Giá đăng quảng cáo và viết PR:

- Trang bìa 4: 10.000.000đ
- Trang bìa 3: 6.000.000đ
- 1/2 trang bìa 3: 3.000.000đ
- Trang ruột 4 màu: 4.000.000đ
- 1/2 trang ruột 4 màu: 2.000.000đ
- 1/4 trang ruột 4 màu: 1.000.000đ
- 1/8 trang ruột 4 màu: 500.000đ

Đăng quảng cáo dài hạn sẽ có giá ưu đãi và nếu được yêu cầu, chúng tôi sẽ giúp việc thiết kế mẫu quảng cáo và viết bài, chụp ảnh (miễn phí).

Thời gian giao nhận file quảng cáo: ngày 7 và 22 trong tháng.

Vui lòng liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí VHPG, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM. Điện thoại (84-8) 3 8484 335 – 0907 164066 – 0918032040 – 0913810082.

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2012

Ban Biên tập Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2012, các cá nhân, đơn vị hướng ủng tặng báo Văn Hóa Phật Giáo đến các chùa, trường Phật học, trung tâm và hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc, NS. Trí Tuệ : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 38 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Bảo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
 Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hóng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ

Ô. Võ Ngọc Khôi : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan : 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,
 CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thủy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
 CT TNHH Cơ khí Mê Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ

Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
 CT TNHH SXTM
Nén Hạnh Phúc, Q. BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCHĐ ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **485 cuốn**
 Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
Ban Biên tập

Lời cảm ơn cuộc sống

Nhà tôi nằm trong một khu xóm ở hai bên một con hẻm cụt, mỗi bên đếm được đúng 11 căn nhà có chiều rộng như nhau. Cuối hẻm là một bức tường sau thật cao của một ngôi biệt thự nhìn ra hướng khác. Nhà tôi cách đầu hẻm ba căn. Gần chục năm nay, mỗi sáng thức dậy, tôi vẫn có thói quen quét sạch hơn 2/3 phần mặt hẻm trước nhà rồi mới đi tập thể dục. Cách nay chừng một năm, có một gia đình mới dọn đến cư ngụ ở gần cuối hẻm, tôi cũng không để ý. Chỉ thấy từ đây sáng nào cũng có một người đàn ông đã xấp xỉ 60 ra ngồi ở quán cà phê đầu hẻm. Hình như ông ta chẳng làm việc gì nhưng có vẻ ung dung lắm. Một điều lạ là sáu bảy tháng gần đây, mỗi sáng thức dậy, tôi thấy khoảng sân trước nhà cũng như cả con hẻm đã sạch bóng, tôi chẳng cần phải quét như mọi khi. Tôi nghĩ rằng có lẽ đứa con đầu nhà tôi thấy bố chồng sáng nào cũng quét tước, đã dậy sớm hơn, giúp bố. Tôi chẳng hỏi. Một buổi còn tờ mờ sáng, tôi giật mình thức giấc. Không muốn xuống nhà dưới làm phiền con cái, tôi khe khẽ mở cửa ra đứng trước lan can lầu hóng gió. Bỗng thấy trước mặt nhà mình đang có người lui lui làm gì đó, tôi cúi xuống nhìn cho kỹ. Thì ra cái người đàn ông mới dọn về thường ngồi quán cà phê đầu hẻm đang cầm chổi quét trước mặt nhà tôi. Tôi lặng yên theo dõi, thấy ông ấy tiếp tục quét sạch con hẻm; rồi quay về nhà mình, lấy một cái vôi nước dẫn ra tưới hết tất cả những chậu cây trước mặt các nhà có trồng cây cảnh trong xóm. Tối hôm ấy tôi mới hỏi thăm bà xã tôi, được biết ông ấy đưa mẹ về đây để chăm sóc; vì anh em ông ấy ở nước ngoài cả, họ gửi tiền về cho ông ấy nuôi mẹ, bà cụ đã xấp xỉ 90 tuổi; trong nhà còn có một người phụ nữ làm công khoảng ngoài 40. Họ ít ra ngoài. Tôi hỏi bà xã tôi có biết mỗi sáng ông ấy vẫn quét sạch cả con hẻm hay không thì bà xã tôi ngó ra. Thì ra, trong lúc được nhân hạ quản lý việc chăm sóc người mẹ, ông ấy cũng bình thân tự nguyện góp phần vào việc làm đẹp phố phường mà chẳng cần ai biết đến. Xin gửi một lời cảm ơn đến những người như người hàng xóm ấy, mà từ đây tôi tin rằng vẫn có nhiều trong cuộc đời này. Những hành động nhỏ nhặt như thế vẫn giúp con người tin hơn vào cuộc sống và tình người.

Trần Minh Tâm, Phan Thiết

Từ khi mẹ tôi hồi phục sau đợt bị tai biến mạch máu não lần hai, cụ không đi lại được phải ngồi xe lăn. Mỗi chiều tôi sắp xếp bỏ ra hai tiếng đồng hồ đẩy xe đưa cụ đi dạo trong một công viên gần nhà. Để đến công viên, tôi phải đẩy xe qua một đoạn đường một bên là nhà dân, một bên là bức tường cao quây kín một cơ sở quân sự nhưng lại có một đoạn lề đường cao một tấc rộng gần ba tấc; đoạn đường thường không có xe cộ qua lại. Hôm ấy, tôi lại thấy một chiếc xe tải to ùng quèo vào đây trước khi tôi đẩy xe đưa mẹ cũng vào lối ấy. Đến một chỗ có lẽ do chiếc xe tải cán bết lề đường làm lún mặt đường mà tôi không thấy ai đẩy xe tôi khiến bánh xe bên phải sụp xuống, chiếc xe nghiêng qua một bên. Tôi giật mình, vội vàng ghì lại nhưng tay tôi quá yếu! Thật là may, đi ngược chiều với tôi là một anh thanh niên ăn mặc tuềnh toàng đạp xe đạp, trên xe có gắn chiếc loa đang phát ra lời rao mua đồ phế thải. Chả hiểu sao mà anh ấy thấy được tình thế nguy hiểm của chiếc xe đẩy, đã vội vàng lao đến, dừng lại và dựng vội chiếc xe đạp vào bờ tường rồi chạy đến chặn không cho chiếc xe đẩy và mẹ tôi ngã xuống. Sau đó, anh lại nâng chiếc bánh xe còn kẹt ở mặt đường lên, đẩy chiếc xe qua một bên cho an toàn. Xong xuôi đầu đầu, anh ta lặng lẽ quay lại lấy xe đạp đi tiếp. Lúc tôi hoàn hồn thì anh ấy đã đạp xe đi được một quãng; tiếng rao phát ra từ chiếc loa gắn trên xe của anh tiếp tục những thanh âm đều đều có chút âm sắc của sự hài hước. Thuật lại chuyện này, tôi muốn ngỏ lời cảm ơn người thanh niên nhanh nhẹn và có tâm hóm ả, đã giúp mẹ con tôi tránh được một tai nạn không đáng có.

Nguyễn Thị Thanh Vi, Thủ Đức, TP.HCM



Cách ngăn chặn phát triển thành bệnh đái tháo đường

(SKDS) Ở người lớn được chẩn đoán tiền đái tháo đường (ĐTĐ), việc thay đổi hành vi lối sống có thể phòng tránh và làm chậm quá trình bệnh tiến triển lên thành ĐTĐ type 2. Kết quả từ Chương trình Phòng chống bệnh ĐTĐ của Cơ quan về dịch vụ sức khỏe và con người Hoa Kỳ (HHS) tiến hành trên 3.000 người cho thấy giảm từ 5 - 7% kg cân nặng có thể làm giảm 58% nguy cơ bệnh tiến triển lên ĐTĐ type 2. Có thể giảm cân bằng cách ăn kiêng (giảm chất béo và lượng calo ăn vào) cũng như tập thể dục với mức độ vừa phải tối thiểu 150 phút một tuần (hầu hết những người tham gia nghiên cứu chọn đi bộ). Uống thuốc điều trị ĐTĐ gốc metformin cũng có thể làm chậm quá trình tiến triển của bệnh lên ĐTĐ type 2 ở một số người tham gia nghiên cứu. Các thuốc điều trị ĐTĐ khác không được khuyến cáo sử dụng trong giai đoạn tiền ĐTĐ

Hướng dẫn mới của AACE về quản lý tiền ĐTĐ

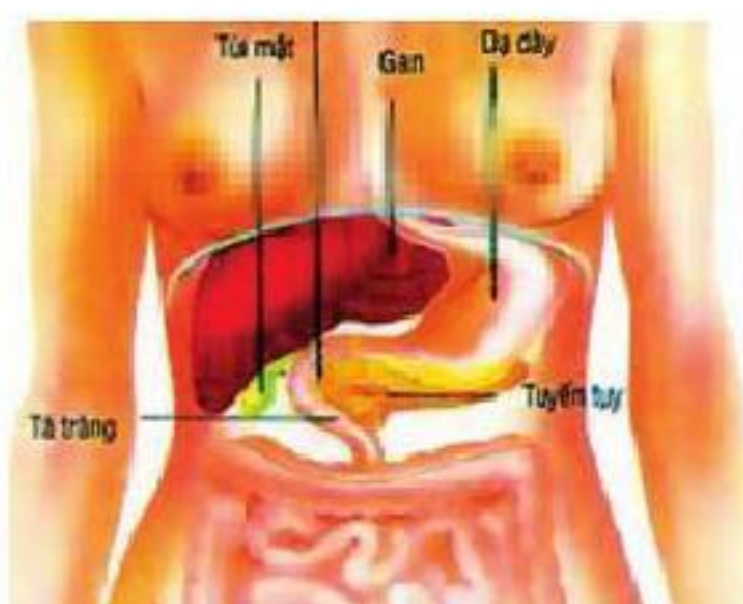
Theo một tuyên bố đồng thuận do Hội Nội tiết lâm sàng Mỹ (AACE) đưa ra ngày 23/7, quản lý tiền ĐTĐ bao gồm cả thay đổi hành vi lối sống và đặt mục tiêu điều trị huyết áp và mỡ máu như đối với người bệnh ĐTĐ. Tài liệu về Hướng dẫn thực hành nội tiết dự kiến sẽ được xuất bản vào cuối năm nay.

“Chúng ta, với tư cách là những cá nhân và với tư cách là một xã hội, cần tác động đến các nhân tố ảnh hưởng gây nên béo phì, bệnh ĐTĐ và tiền ĐTĐ”, Yehuda Handlesman MD, FACP, FACE, quan chức của AACE và là Giám đốc y khoa của Học viện Nghiên cứu chuyển hóa của Mỹ đã phát biểu trong một tuyên bố mới đây. “Chúng tôi hiểu những khó khăn khi thực hiện các giải pháp đề ra nhưng với tư cách một hội nội tiết, chúng tôi cam kết hỗ trợ cộng đồng và quốc gia bằng mọi nỗ lực có thể làm được”.

Hướng dẫn mới này là phác đồ điều trị tiền ĐTĐ toàn diện đầu tiên do hội đồng các chuyên gia về ĐTĐ và rối loạn chuyển hóa đưa ra. Tuyên bố đồng thuận cũng đưa ra các hướng dẫn cụ thể về thay đổi hành vi lối sống cũng như là can thiệp bằng thuốc uống vào thời điểm thích hợp.

Vì tiền ĐTĐ làm tăng nguy cơ mắc các bệnh tim mạch và tiến triển thành ĐTĐ type 2, những hướng dẫn này cũng giúp phát hiện và điều trị bệnh ĐTĐ type 2 sớm hơn và hiệu quả hơn.

Vì hiện nay chưa có phác đồ điều trị bằng thuốc nào được Cơ quan Quản lý thuốc và dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) duyệt, dùng cho người mắc tiền ĐTĐ để ngăn ngừa bệnh tiến triển lên thành ĐTĐ type



Tuyến tụy giúp cân bằng mức độ đường của cơ thể.

2, hội đồng các chuyên gia đưa ra hướng dẫn điều trị tiền ĐTĐ bằng 2 hướng.

Mục tiêu đầu tiên là thay đổi hành vi một cách tích cực để ngăn ngừa bệnh tiến triển lên thành ĐTĐ type 2, theo hướng dẫn của Chương trình Phòng chống bệnh ĐTĐ của Chính phủ Mỹ.

“Mặc dù thay đổi hành vi lối sống rõ ràng có thể ngăn ngừa bệnh tiến triển lên thành ĐTĐ nhưng đôi khi chưa đủ”, Alan J. Garber, MD, PhD, FACE, Giáo sư y khoa, Trường cao đẳng Y khoa Baylor, Houston, Texas và là chủ tọa Hội nghị về đồng thuận phát biểu. “Đối với những nhóm có yếu tố nguy cơ cao, điều trị bằng thuốc có thể là cần thiết”.

Mục tiêu thứ hai là ngăn ngừa biến chứng tim mạch bằng cách điều trị bằng thuốc đối với những người mắc tiền ĐTĐ mà thay đổi lối sống không hiệu quả. Ngoài thuốc hạ đường huyết, có thể phải điều trị cả thuốc hạ huyết áp, hạ mỡ máu

vào thời điểm thích hợp. Những người có yếu tố nguy cơ cao với mức đường huyết chậm ngưỡng của người bệnh ĐTĐ, huyết áp cao hoặc mỡ máu cao cần theo dõi các yếu tố nguy cơ chặt chẽ hơn.

“Ở những người có yếu tố nguy cơ cao, điều trị bằng thuốc có thể phù hợp nếu việc thay đổi lối sống không hiệu quả. Dù vậy, tất cả những người có nguy cơ cao mắc ĐTĐ nên ý thức được mức độ của các yếu tố nguy cơ và luôn sẵn sàng hành động”.

Những câu hỏi cụ thể và những nhận xét xác đáng được đề cập đến trong tuyên bố đồng thuận:

Sự khác nhau giữa đường huyết bình thường, tiền ĐTĐ và ĐTĐ; dựa trên những tiêu chí nào để chẩn đoán mỗi loại?

Đường huyết được coi là bình thường khi đường huyết đói dưới 100mg/dL (5,6mmol/L) và đường huyết sau ăn 2 giờ dưới 140 mg/dL (7,8mmol/L). Được chẩn đoán ĐTĐ khi đường huyết đói lớn hơn hoặc bằng 126mg/dL (7mmol/L) và đường huyết sau ăn 2 giờ lớn hơn hoặc bằng 200mg/dL (11,1mmol/L); khoảng cách giữa ĐTĐ và không ĐTĐ chưa được định nghĩa rõ ràng. Ở một số người có mức đường huyết chấp chơi ngưỡng (đường huyết đói trong khoảng từ 100 - 125mg/dL; đường huyết sau ăn 2 giờ từ 140- 199mg/dL) cảnh báo nguy cơ có thể mắc bệnh ĐTĐ type 2, bệnh tim mạch và các biến chứng mạch máu nhỏ.

Nếu không điều trị tiền ĐTĐ, những rủi ro lâm sàng mà người bệnh có thể mắc phải là gì?

Trong nghiên cứu DECODE, nguy cơ tử vong do tất cả các nguyên nhân tăng đáng kể nếu đường huyết 2 giờ sau ăn tăng từ 95 lên 200mg/dL. Trong Chương trình phòng chống bệnh ĐTĐ, khoảng 8% bệnh nhân rối loạn dung nạp đường huyết bị biến chứng võng mạc và 13% trong số họ sẽ bị mắc ĐTĐ. Nghiên cứu STOP NIDDM cho thấy nhóm chứng (placebo) với huyết áp cao (trên 140/90mmHg) và tiền sử rối loạn dung nạp glucose 3 năm làm tăng nguy cơ bị các biến cố về tim mạch khoảng 5% trong vòng 4 năm. Nghiên cứu Honolulu về tim mạch (Honolulu Heart Study) cho thấy tăng đường huyết sau ăn thường đi kèm với tăng các ca đột tử trong 23 năm nghiên cứu.

Dự án quốc gia Phòng chống bệnh đái tháo đường - BV Nội tiết TW

Tham gia chuyên đề: Pháp Tuệ, Huỳnh Văn Lộc, Nguyễn Vinh và

CÔNG TY MUỐI THÁI LONG VINA

79/3 Phan Văn Trị, phường 14, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 08.3516 3286, ĐD: 09038 24480 – Fax: 08.6294 29936



DHARMA GARDEN
website: www.phapuyen.com – email: lienhe@phapuyen.com



QUÁN CHAY - DHARMA FOODS
Email: quan chay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS
Email: nhasach@phapuyen.com

5 Trần Bình Trọng, Phường 5, Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ,
quà lưu niệm, pháp phục tăng ni cư sĩ...
ấn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ấn tống
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



CÁC KHÓA THIỀN VIPASSANA 10 NGÀY

Do Thiền sư S.N. Goenka và các Thiền sư phụ tá giảng dạy theo truyền thống của ngài Sayagyi U Ba Khin

(Được chấp thuận tổ chức theo CV số 477/TGCP-HTQT ngày 21/5/2012 của Ban Tôn Giáo Chính Phủ)
Tại TỈNH XÁ NGỌC THÀNH (37/12 đường 41, khu phố 6, P. Linh Đồng, Q. Thủ Đức, TP.HCM)

- Khóa III: Từ 18/7 - 29/7/2012 (30/5 - 11/6 ÂL)
- Khóa IV: Từ 01/8 - 12/8/2012 (14/6 - 25/6 ÂL)
- Nhận đơn ghi danh từ 18/6/2012 đến khi đủ chỗ

Trước khi nộp đơn, xin quý vị vui lòng download và nghiên cứu Bản Nội Quy Cho Các Khóa Thiền

http://sites.google.com/site/vnvipassana/dhammavinnu hoặc
http://www.thuvienhoasen.org (phần tin tu học)

Mọi chi tiết liên quan đến khóa thiền xin vui lòng liên hệ: Ban tổ chức khóa thiền Vipassana Việt Nam

E-mail: dhammavinnu.ghidanh@gmail.com (nơi nhận đơn ghi danh qua mail)
ĐT: 09065 09483

Nơi nhận mẫu đơn và nộp đơn trực tiếp: Tỉnh Xá Ngọc Thành (cô Liên)
Thiền Đình Quan 220/8 Nguyễn Trọng Tuyển, P.8, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

CHƯƠNG TRÌNH THAM QUAN TỪ THIỀN CAMPUCHIA

1. Phnom Penh - Siem Reap: 4 ngày 3 đêm. Giá 2,5 triệu (Trọn gói)

2. Thái Lan - Campuchia: 7 ngày 6 đêm. Giá 5,5 triệu (trọn gói)

- Liên hệ Thầy Nhuận Tâm: 01218359359
- Địa chỉ: 236 Nguyễn Văn Công, P.3, Q. Gò Vấp, TP.HCM - ĐT: 0907169521
www.hanhhuongando.com

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH HƯƠNG TỪ THIỀN

- ❖ Phnom Penh - Bangkok - Siem Reap. Giá 3.700.000VND (7 ngày 6 đêm)
- ❖ Campuchia - Lào - Thái Lan - Myanmar. Giá 7.500.000VND (11 ngày 10 đêm)
- ❖ Campuchia - Thái Lan - Ấn Độ - Nepal. Giá 1.000USD (20 ngày 20 đêm)
- ❖ Tây Tạng - Trung Quốc. Giá 19.000.000VND (21 ngày 20 đêm)

Liên hệ: Sư Tang Minh: 01647826121 - ĐT: 08. 62750789

Địa chỉ: 95 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Q.Gò Vấp, TP.HCM

Website: chuongtrinhthutien.mov.vn

Quý khách đi tham quan và ăn uống ngoài chương trình của Ban Tổ chức, vui lòng chi trả tự túc.



Ngọc Bích-Nephrite

Website: www.ngocbich-nephrite.com

Quý khách có nhu cầu thỉnh tượng Phật và Bồ tát bằng ngọc bích và ngọc trắng Miến Điện (cửa hàng sẽ có giá ưu đãi)

Nơi chuyên cung cấp nhiều loại mẫu mã, kiểu dáng đẹp về trang sức bằng ngọc bích và các tôn tượng ngọc trắng Miến Điện

○ Cửa hàng: 359 Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q.3 - ĐT: (08) 5404.3752

Đang giảm giá 50%
đến ngày 30-6-2012

TAM BẢO

537 Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận

❖ CHUYÊN KINH DOANH:

- Các loại tôn tượng Mật tông, Kim cang thừa, các pháp khí hành lễ Mật tông, các amulet do các vị thánh tăng gia trì.
- Các loại tượng Phật Thái Lan và tượng của các vị thánh tăng, các amulet do các ngài gia trì.
- Các loại hương liệu cúng dường, các loại đá cúng mandala, đá phong thủy và các linh vật may mắn cát tường theo phong thủy...

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ: 0907 844 640 (gặp Hoàng)



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHỆ CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua
NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

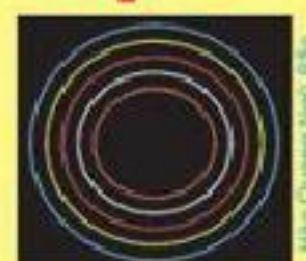
Neosign ĐẠI CAO THỂ

HÀO QUANG "PHẬT"

Chuyên Sản Xuất & Thi Công

ĐÈN HÀO QUANG PHẬT

Không Ngại Làm Xa



ĐC: 543 TÔ NGỌC VÂN - P. TAM PHỦ - Q. THỦ ĐỨC - TP. HCM

ĐT: 08 2240 2812 - DD: 090 88 77 912

Chung tay xây dựng

TÔN TƯỢNG ĐỨC CHUẨN ĐỀ VƯƠNG BỒ TÁT TRÊN ĐỈNH NON THIÊNG BÀ RÁ

NGUYỄN BÔNG



HT.Thích Nhuận Thanh, Trưởng ban Trị sự THPG Bình Phước ban đạo từ

Đến thăm Khu du lịch Bà Rá – Thác Mơ, du khách bắt gặp ngọn núi Bà Rá, độ cao 723m so với mực nước biển, đỉnh núi uy nghi hùng vĩ như có một mãnh lực hấp dẫn và thu hút mọi người. Du khách thả bộ từ chân núi lên đồi Bằng Lãng rồi vượt qua 1.767 bậc cấp để lên đến đỉnh núi và khi trở về bằng cáp treo, được như vậy mới tận hưởng hết nét đẹp của thiên nhiên sơn thủy hữu tình, phong cảnh của đồi núi trùng điệp, thác nước đổ ầm ầm tung bọt nước trắng xóa tạo cảnh huyền ảo. Hồ nước Thác Mơ mênh mông, giữa hồ có 10 hòn đảo nhỏ, du khách có thể dạo thuyền, buông câu với diện tích hơn 12.000 ha tạo nên dòng thủy điện Thác Mơ. Du khách được dạo chơi trong rừng cây cổ thụ hoặc tham quan những di tích lịch sử năm xưa ở cạnh bên sườn Tây núi với hang dơi, hang cộp rộng, sau này là nơi ẩn trú của quân dân ta trong hai cuộc kháng chiến... Xứng tầm danh

thắng nổi tiếng vùng đất bazan của tỉnh Bình Phước.

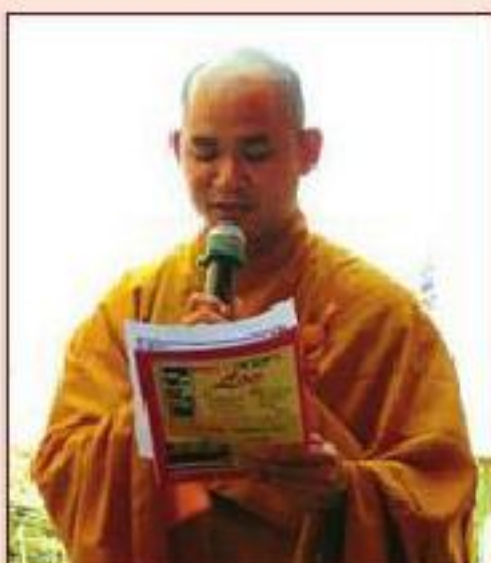
Khu du lịch Bà Rá – Thác Mơ với mong muốn sẽ xúng tẩm cả nước, nếu kết hợp yếu tố du lịch dã ngoại và mang dáng dấp tâm linh. Do đó, vào năm 2009, được sự phê duyệt của các cấp lãnh đạo chính quyền và tôn giáo, Công ty CP Sinh học Thế Kỷ Mới đã phát tâm xây dựng nơi đây một dự án Phật giáo, công trình bao gồm tôn tượng Đức Chuẩn Đề Vương 18 tay, cao 49m và các công trình phụ. Phật sự to lớn này có ý nghĩa lịch sử và tiềm năng về du lịch; sau gần 3 năm qua chỉ mới thực hiện một phần hạng mục móng công trình. Đến đầu năm 2012, Ban Giám đốc Công ty CP Sinh học Thế Kỷ Mới quyết định công bố mục đích khai thác Khu du lịch núi Bà Rá chuyên về du lịch sinh thái kết hợp du lịch tâm linh và tiếp tục triển khai xây dựng Dự án tôn tượng Đức Chuẩn Đề Vương Bồ-tát, đồng thời thỉnh Đại đức Thích Giác Hiếu, trụ trì

Viên Giác Thiền Tự (ở Giang Điền, Đồng Nai) làm Trưởng ban Quản lý & Đầu tư để điều hành công trình tâm linh này. Với thân tượng Đức Chuẩn Đề Vương Bồ-tát ngồi kiết già trên đài sen, mình mặc thiên y, đầu đội mào báu có ngọc lưu ly, 18 tay đeo vòng xuyên khảm xa cừ và mỗi tay cầm các loại khí cụ khác nhau...

Trong kinh Chuẩn Đề Đại Minh Đà La Ni có ghi Bồ-tát Chuẩn Đề là hóa thân của Đức Quán Thế Âm, thị hiện vào trong sáu đường sanh tử để hóa độ chúng sanh. Bồ-tát Chuẩn Đề có thế nguyện hộ trì Phật pháp và hộ mạng cho những chúng sanh nghiệp chướng sâu dày, thân nhiều tật bệnh... Vì thế, hành giả trên bước đường tu học cần chánh tín và tâm thành lễ bái tôn tượng Bồ-tát cùng chuyên trì niệm thần chú Chuẩn Đề để cầu gia hộ, ngũ hầu vượt thoát khổ nạn, tiêu trừ nghiệp chướng...

Hội đủ duyên lành, vào ngày 25-5-2012 (nhằm ngày mùng 8 tháng 4 nhuận năm Nhâm Thìn) tại Khu du lịch núi Bà Rá thuộc thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Đại đức Thích Giác Hiếu, Trưởng ban Quản lý & Đầu tư cùng Ban Giám đốc Công ty CP Sinh học Thế Kỷ Mới chính thức tổ chức trang trọng lễ tiếp tục triển khai dự án dưới sự chứng minh của chư tôn đức giáo phẩm các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, TP.Hồ Chí Minh cùng các tỉnh lân cận, lãnh đạo UBND và các sở ban ngành tỉnh Bình Phước, chư Tăng Ni, Phật tử gần xa hữu duyên tham dự.

Công trình xây dựng dự kiến sẽ hoàn tất vào cuối năm 2015. Đây là một công trình du lịch tâm linh Phật giáo với tầm vóc qui mô lớn, mang lại lợi lạc cho quần sanh. Kính mong được chư Tăng Ni, các vị mạnh thường quân, các nhà hảo tâm, Phật tử trong và ngoài nước hoan hỷ trợ duyên, góp phần công đức, chung tay xây dựng cho Phật sự này sớm được viên thành.



ĐĐ. Giác Hiếu, Trưởng ban QLDA



Chư Tăng Ni tham dự



Ông Trương Tấn Thiệu
Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước



Ông Vũ Đình Quý
TGD Cty Sinh học Thế Kỷ Mới